

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VILAKONE TOMMANY

CHỐNG THẤT THU THUẾ  
THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC  
CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VILAKONE TOMMANY

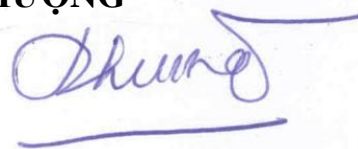
**CHỐNG THẤT THU THUẾ  
THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC  
CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ  
Mã số: 9310102**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**1. PGS.TS. TRẦN HOA PHƯỢNG**

**2. TS. PHẠM ANH**



**HÀ NỘI - 2024**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

**Tác giả**



**Vilakone Tommany**

## MỤC LỤC

|   | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| <b>MỞ ĐẦU</b>   | 1            |
| <b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI</b>  | 9            |
| 1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp                                   | 9            |
| 1.2. Đánh giá chung và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu   | 17           |
| <b>Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở MỘT SỐ QUỐC GIA</b>                                 | 22           |
| 2.1. Một số vấn đề về thuế thu nhập doanh nghiệp và thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp   | 22           |
| 2.2. Khái niệm và sự cần thiết chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp  | 33           |
| 2.3. Nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp                                   | 37           |
| 2.4. Kinh nghiệm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp của một số quốc gia và giá trị tham khảo đối với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào | 54           |
| <b>Chương 3: THỰC TRẠNG CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO</b>                                | 72           |
| 3.1. Khái quát về tình hình thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào   | 72           |
| 3.2. Tình hình chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2018 - 2022                       | 79           |
| 3.3. Đánh giá thực trạng chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào                                   | 100          |
| <b>Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO</b>                    | 116          |
| 4.1. Bối cảnh và quan điểm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào                                 | 116          |
| 4.2. Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào   | 123          |
| <b>KẾT LUẬN</b>   | 142          |
| <b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN</b>  | 145          |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>  | 146          |

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|        |                           |
|--------|---------------------------|
| APA    | Phương pháp xác định giá  |
| CHDCND | Cộng hòa dân chủ nhân dân |
| NSNN   | Ngân sách nhà nước        |
| TNDN   | Thu nhập doanh nghiệp     |
| VAT    | Thuế giá trị gia tăng     |

## DANH MỤC CÁC BẢNG

|  | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Bảng 3.1: Số tiền quản lý và cưỡng chế thuế tại CDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022  | 86           |
| Bảng 3.2: Số doanh nghiệp thanh tra, kiểm tra về thuế TNDN giai đoạn 2018 - 2022   | 93           |
| Bảng 3.3: Kết quả thanh tra, kiểm tra thuế TNDN tại trụ sở người nộp thuế giai nước CHDCND Lào đoạn 2018 - 2022          | 94           |
| Bảng 3.4: Kết quả thanh tra, kiểm tra thuế các doanh nghiệp có dấu hiệu chuyên giá nước CHDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022 | 95           |
| Bảng 3.5: Thu thuế nước CHDCND Lào giai đoạn 2018-2022   | 97           |
| Bảng 3.6: Quy mô, tốc độ tăng trưởng GDP của Lào   | 99           |
| Bảng 3.7: Tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp tại CHDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022                                 | 100          |
| Bảng 3.8: Số tiền nợ thuế từ năm 2018 đến năm 2022   | 106          |
| Bảng 3.9: Tình hình nợ đọng thuế TNDN giai đoạn 2018 - 2022  | 107          |

## DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

|   | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Biểu đồ 3.1: Tình hình đăng ký thuế của các doanh nghiệp tại CHDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022 | 80           |
| Biểu đồ 3.2: Kết quả công tác quản lý thu nợ thuế TNDN tại CHDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022   | 87           |
| Biểu đồ 3.3: Thu thuế nước CHDCND Lào giai đoạn 2018-2022                                     | 98           |

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Năm 1986, thực hiện chính sách đổi mới, Đảng NDCM Lào và Nhà nước CHDCND Lào chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần trong xã hội có thể tự do sản xuất, kinh doanh theo pháp luật. Nhờ chính sách thông thoáng, các doanh nghiệp ngày càng mạnh mẽ cả về quy mô, số lượng và lĩnh vực hoạt động. Các doanh nghiệp ngày càng góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.

Việc mở rộng quan hệ hợp tác cũng như mở rộng thị trường đòi hỏi Đảng và Nhà nước Lào không ngừng đổi mới các chính sách và cơ chế quản lý kinh tế vĩ mô cho phù hợp với các quy định của các nước trong khu vực và thế giới, đồng thời cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của Lào. Nhằm phát huy và giải phóng các nguồn lực để phát triển kinh tế đất nước. Một trong các yêu cầu đặt ra trong quá trình đổi mới là từng bước hoàn thiện các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô, đặc biệt là công cụ về thuế.

Thuế là một trong những chính sách kinh tế - xã hội quan trọng của quốc gia, là công cụ điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội đất nước, góp phần vào tích lũy ngân sách, tăng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Thất thu thuế là một hiện tượng thực tế trong đời sống kinh tế - xã hội, nó phản ánh hai mặt của một vấn đề: lợi ích của Nhà nước và lợi ích của doanh nghiệp (hoặc lợi ích cá nhân). Trên thực tế thì hai lợi ích này thường mâu thuẫn nhau, Nhà nước luôn có khuynh hướng tăng nguồn thu từ thuế, trong khi đó doanh nghiệp luôn mong muốn giảm số thuế phải nộp. Từ đó thất thu thuế luôn có biểu hiện, diễn biến rất đa dạng và phức tạp, tùy theo điều



kiện kinh tế - xã hội của một quốc gia. Do đó, chống thất thu thuế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý thuế nhằm góp phần đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước (NSNN), đồng thời tạo sự công bằng về nghĩa vụ thuế đối với mọi tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) có vai trò quan trọng ở mỗi quốc gia, đặc biệt với các nước phát triển thì đây được coi là nguồn thu ổn định của ngân sách nhà nước; thông qua việc đánh thuế vào kết quả kinh doanh của người nộp thuế, nhà nước cũng thực hiện được mục tiêu điều tiết, tái phân phối thu nhập của doanh nghiệp, đảm bảo công bằng xã hội. Tuy nhiên, sắc thuế này phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới phần thu nhập cuối cùng mà doanh nghiệp nhận được sau khi tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, cho nên các DN luôn tìm các biện pháp nhằm giảm tối đa số thuế phải nộp về NSNN, bao gồm cả các hành vi gian lận như trốn thuế, tránh thuế. Đây là những hành vi gây thất thu thuế TNDN.

Những năm gần đây, việc thu thuế ở CHDCND Lào đang có xu hướng ngày càng tăng lên, đơn cử năm 2017 tổng thu thuế đạt 10.843,06 tỷ kip (trong đó riêng thu thuế TNDN đạt 2.024 tỷ kip, chiếm 18,66%); năm 2022 tổng thu thuế đạt 14.106,5 tỷ kip (trong đó riêng thu thuế TNDN đạt 3.936 tỷ kip, chiếm 27,9%). Trong khi đó, số nợ thuế có xu hướng giảm, đơn cử năm 2018, số nợ thuế là 680,98 tỷ kip (riêng nợ thuế TNDN là 134,94 tỷ kip, chiếm 19,81%); năm 2022, số nợ thuế còn 659,23 tỷ kip (riêng nợ thuế TNDN là 118,57 tỷ kip, chiếm 17,98%).

Mặc dù số lượng thu thuế ở CHDCND Lào có sự gia tăng nhưng Lào vẫn là nước chậm phát triển, một số luật về thuế đã được ban hành như Luật Quản lý thuế, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt... nhưng quy định vẫn chưa đầy đủ, công tác quản lý thuế vẫn còn một số bất cập. Môi trường kinh doanh ở CHDCND Lào vẫn chưa thực sự tốt nên chưa thu hút

đầu tư mạnh mẽ các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư. Nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng sự ưu đãi trong chính sách về thuế, sự lỏng lẻo trong quy định để thực hiện hành vi trốn thuế, gian lận thuế để chiếm đoạt tiền của Nhà nước. Do đó một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành thuế là phải tăng cường chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với các doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm tránh thất thoát cho Ngân sách nhà nước và đảm bảo sự công bằng cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước. CHDCND Lào đã và đang thực hiện nhiều biện pháp nhưng hiệu quả cũng chưa cao. Việc cải cách hệ thống thuế tuy có chuyên biến nhưng việc quản lý thuế đối với các doanh nghiệp ở CHDCND Lào vẫn còn nhiều hạn chế.

Trong khi đó, cơ sở lý luận về kiểm soát, chống thất thu thuế ở CHDCND Lào còn “khá mỏng”, có rất ít công trình, đề tài nghiên cứu về vấn đề chống thất thu thuế TNDN. Cùng với việc tổ chức, triển khai thực hiện chính sách thuế TNDN thì việc tìm kiếm các giải pháp để chống thất thu thuế TNDN là một trong những vấn đề quan trọng, cần thiết nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả chính sách thuế của Nhà nước.

Để thiết lập môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng cho các tổ chức, cá nhân tham gia, cần thiết phải có những công cụ quản lý thuế hiệu lực, hiệu quả, trong đó chống thất thu thuế nói chung, chống thất thu thuế TNDN nói riêng là một nhóm công cụ. Xuất phát từ thực tiễn công tác chống thất thu thuế nói chung, chống thất thu thuế TNDN nói riêng ở CHDCND Lào, cũng như tầm quan trọng của việc nghiên cứu, bổ sung lý luận về thất thu thuế, chống thất thu thuế ở CHDCND Lào, việc tác giả chọn vấn đề "***Chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào***" làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị học là cần thiết nhằm đề xuất giải pháp chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào hiện nay.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### ***2.1. Mục đích***

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về chống thất thu thuế và thực tiễn chống thất thu thuế TNDN ở nước CHDCND Lào, luận án đề xuất hệ thống giải pháp nhằm chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào đến năm 2030.

### ***2.2. Nhiệm vụ***

- Tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án để xác định những kết quả, những quan điểm, luận điểm đã được làm sáng tỏ mà luận án có thể kế thừa, phát triển; những vấn đề liên quan còn đang tranh luận mà tác giả luận án có quan điểm riêng; những vấn đề liên quan còn "bỏ ngỏ" mà luận án có thể tham khảo để xác định vấn đề nghiên cứu.

- Nghiên cứu lý thuyết công cụ làm cơ sở lý luận cho toàn bộ nghiên cứu của luận án, đó là lý thuyết về chống thất thu thuế và kinh nghiệm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp của một số quốc gia trên thế giới. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho CHDCND Lào.

- Phân tích, đánh giá thực trạng chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp của CHDCND Lào.

- Đề xuất quan điểm và giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở CHDCND Lào.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hoạt động chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào dưới góc độ khoa học kinh tế chính trị.

### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Phạm vi về nội dung: luận án nghiên cứu vấn đề chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào, trong đó tập trung chống thất thu thuế TNDN thực về: công tác đăng kí, kê khai thuế; công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ

thuế; công tác chống chuyển giá; công tác thanh tra, kiểm tra thuế; đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích của nhà nước và doanh nghiệp, cá nhân nộp thuế.

- Phạm vi không gian: nước CHDCND Lào.

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu từ năm 2018 đến 2023 và tầm nhìn đến năm 2030.

#### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

##### **4.1. Cơ sở lý luận**

Luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chủ trương của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, chính sách, pháp luật của Nhà nước CHDCND Lào về chống thất thu thuế.

##### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện thành công luận án, tác giả sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau:

Một là, phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp.

Phân tích là nghiên cứu các tài liệu, lý luận khác nhau để tìm hiểu sâu hơn, kỹ hơn. Tổng hợp là liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống lý thuyết mới đầy đủ và sâu sắc về đối tượng.

Mục đích nghiên cứu tài liệu là tìm hiểu lịch sử nghiên cứu, nắm bắt những nội dung các công trình đi trước để không lặp lại những nội dung đã nghiên cứu. Từ đó, phân tích, tổng hợp các thông tin có được để đưa ra các luận cứ lý luận của vấn đề nghiên cứu.

Hai là, phương pháp hệ thống hóa.

Hệ thống hóa là sắp xếp những thông tin thu thập được liên quan đến chống thất thu thuế TNDN, thành một hệ thống với một kết cấu chặt chẽ để từ đó xây dựng một lý thuyết mới hoàn chỉnh, giúp tác giả hiểu biết đối tượng được đầy đủ và sâu sắc hơn.

Sau khi phân tích và tổng hợp dữ liệu, thông tin liên quan đến đề tài, tác giả tiến hành phân loại, nghĩa là sắp xếp các dữ liệu, thông tin thành hệ thống theo từng vấn đề, từng đơn vị kiến thức như vấn đề thuế và thất thu thuế; thuế TNDN; chống thất thu thuế TNDN...

Ba là, phương pháp khái quát hóa, trừu tượng hóa.

Đây là phương pháp kết hợp lý luận với thực tế, đem lý luận phân tích thực tế, từ phân tích thực tế lại rút ra lý luận cao hơn. Với phương pháp này, tác giả đã xem xét lại những thành quả mà CHDCND Lào đã đạt được trong công tác chống thất thu thuế TNDN cũng như trong công tác quản lý thuế để rút ra những kết luận bổ ích phục vụ cho việc nghiên cứu của đề tài.

Bốn là, phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Thu thập số liệu là một việc rất quan trọng trong nghiên cứu khoa học. Từ các tài liệu nghiên cứu khoa học liên quan đến chống thất thu thuế TNDN, từ các báo cáo liên quan đến quản lý thuế của CHDCND Lào, tác giả thu thập số liệu để, phân tích để làm rõ thực trạng chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào. Việc thu thập và xử lý số liệu là minh chứng cho khung lý thuyết đã được xây dựng ở chương lý luận.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như phương pháp lịch sử, phương pháp logic...

## **5. Giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu**

### **5.1. Giả thuyết khoa học**

Chống thất thu thuế TNDN là một trong những công cụ quản lý thuế hiệu quả để thiết lập môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, công bằng cho các tổ chức, cá nhân. Chống thất thu thuế TNDN không chỉ bảo đảm tránh thất thoát nguồn thu cho NSNN mà còn bảo đảm sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

## **5.2. Câu hỏi nghiên cứu**

- Cơ sở lý luận nào để chống thất thu thuế TNDN?
- Công tác chống thất thu thuế TNDN của các nước trên thế giới như thế nào? CHDCND Lào học tập được kinh nghiệm gì từ công tác chống thất thu thuế TNDN của các nước trên thế giới?
- Thực trạng công tác chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào hiện nay như thế nào?
- CHDCND Lào có quan điểm và giải pháp gì để chống thất thu thuế TNDN?

## **6. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án**

### **6.1. Đóng góp về mặt lý luận**

Luận án xây dựng được khung lý thuyết về chống thất thu thuế TNDN, theo đó làm rõ khái niệm, sự cần thiết, nội dung, tiêu chí và yếu tố ảnh hưởng chống thất thu thuế TNDN; khái quát kinh nghiệm quốc tế về chống thất thu thuế TNDN và rút ra bài học kinh nghiệm cho CHDCND Lào tham khảo.

### **6.2. Đóng góp về mặt thực tiễn**

Luận án đã đánh giá được thực trạng chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào giai đoạn 2018-2022. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất được 4 quan điểm và 5 giải pháp có tính khả thi nhằm giảm thiểu thất thu thuế TNDN, góp phần thất thu NSNN của CHDCND Lào đến năm 2030.

## **7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

### **7.1. Ý nghĩa lý luận**

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm rõ hơn khái niệm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp. Xây dựng khung phân tích nội dung, tiêu chí đánh giá về chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **7.2. Ý nghĩa thực tiễn**

- Kết quả nghiên cứu của luận án có giá trị tham khảo trong việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có giá trị tham khảo đối với ngành thuế của CHDCND Lào trong việc chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy về kinh tế chính trị, quản lý công, tài chính công...

### **8. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, đề tài luận án gồm 4 chương, 11 tiết:

*Chương 1:* Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

*Chương 2:* Cơ sở lý luận và kinh nghiệm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở một số quốc gia

*Chương 3:* Thực trạng chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

*Chương 4:* Quan điểm và giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

## **Chương 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI**

#### **1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

##### **1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu đề cập đến khái niệm, vai trò của chống thất thu thuế**

Nghiên cứu về khái niệm, vai trò của chống thất thu thuế TNDN có nhiều công trình, có thể kể đến các công trình: "Chính sách thuế với nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế", Luận án tiến sĩ kinh tế của Lê Xuân Trường (2006); "Đổi mới quản lý thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế ở Việt Nam", Luận án tiến sĩ kinh tế của Lê Duy Thành (2007); "Đổi mới hệ thống thuế phù hợp với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở CHDCND Lào," Luận án tiến sĩ của Sèn SẮC SULYSẮC (2009); Quản lý thu NSNN ở CHDCND Lào, Luận án tiến sĩ của Viêng Thong SỸPHĂN ĐONE (2010); "Quản lý thuế ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế" Luận án tiến sĩ Kinh tế tài chính ngân hàng của Nguyễn Thị Thùy Dương (2011); "Tính tuân thủ của người nộp thuế và hiện đại hóa quản lý thuế", Kỷ yếu Hội thảo khoa học của Nguyễn Thị Liên (2011); "Quản lý thu thuế ở CHDCND Lào", Luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế của Vongphachanh Vongpadith (2018); "Hạn chế hoạt động chuyên giá nhằm tránh thất thu thuế" bài đăng tạp chí của Đinh Trọng Thịnh (2012); "Nâng cao hiệu quả thanh tra người nộp thuế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay", Luận án Tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Xuân Thành (2013); "Nhận diện các hành vi gian lận thuế", bài đăng tạp chí của Lê Xuân Trường và Nguyễn Đình Chiến (2013); "Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế", Luận án tiến sĩ



Quản lý kinh tế của Hoàng Thị Thúy Ngọc (2010); “Quản lý thuế đối với doanh nghiệp lớn ở Việt Nam hiện nay”, Luận án Tiến sĩ kinh tế của Lưu Ngọc Thơ (2013); "Hoàn thiện thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam", Luận án tiến sĩ Kinh tế của Dương Ngọc Quang (2015); "Quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam", Luận án tiến sĩ Quản lý công của Phạm Thị Hiền Thảo (2021); “Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”, bài đăng tạp chí của Nguyễn Thị Đức Loan (2022)...

Các công trình trên đã làm rõ nội hàm khái niệm, vai trò của chống thất thu thuế. Thất thu thuế là việc thu thuế không đạt định mức, nghĩa là số tiền nhập vào ngân sách thấp hơn mức trung bình trong nộp thuế, sản xuất, kinh doanh [1]. Đây là một hiện tượng thực tế khách quan vốn có của bất kỳ hệ thống thuế khoá nào, nó phản ánh lợi ích của Nhà nước và lợi ích của người nộp thuế. Để thu đủ thuế TNDN nộp cho ngân sách, các cơ quan quản lý thuế cần dùng những biện pháp khác nhau để phát hiện, ngăn chặn thất thu thuế. Đó chính là quan điểm của Nguyễn Thị Đức Loan về chống thất thu thuế TNDN [23].

Cùng chung quan điểm về chống thất thu thuế TNDN nhưng Tô Văn Tuấn cụ thể hóa 1 số hoạt động trong việc chống thất thu thuế TNDN, bao gồm các hoạt động xây dựng, hoạch định, hoàn thiện chính sách thuế, triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát. Những hoạt động này nhằm mục tiêu thu đúng, thu đủ số thuế cho NSNN, đảm bảo được nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, đảm bảo sự công bằng giữa những người nộp thuế trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách, từ đó tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động kinh doanh [44].

Thất thu thuế nói chung và thất thu về thuế TNDN nói riêng ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế - xã hội của một quốc gia.

Theo Đặng Thị Hoàng Hương, các doanh nghiệp chấp hành chính sách

pháp luật còn thấp, bằng mọi cách để kê khai số thuế phải nộp thấp. Vì thế chống thất thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp là cần thiết, nhằm góp phần tăng thu thuế, ổn định nguồn thu thuế lâu dài [17].

Trương Hữu Bách cho rằng, thất thu thuế TNDN ảnh hưởng lớn đến chi tiêu của nhà nước và việc điều chỉnh, định hướng nền kinh tế; ảnh hưởng mọi mặt xã hội [5].

Nguyễn Thị Đức Loan đánh giá: Thất thu thuế TNDN sẽ làm cho hiệu quả điều hành nền kinh tế - xã hội của Nhà nước thông qua công cụ thuế bị hạn chế, nhất là trong cơ chế thị trường như hiện nay, không chỉ làm ảnh hưởng đến số thu cho ngân sách nhà nước mà còn không đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, không thực hiện được yêu cầu công bằng trong chính sách động viên làm suy yếu kỷ cương Nhà nước [23].

Các tác giả đều thống nhất chống thất thu thuế nói chung và chống thất thu thuế TNDN nói riêng là cần thiết, bởi tạo nguồn thu và bảo đảm thu cho NSNN.

Như vậy, các công trình nghiên cứu về khái niệm, vai trò của chống thất thu thuế đã làm rõ nội hàm chống thất thu thuế TNDN và sự cần thiết phải chống thất thu thuế TNDN.

### **1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về nội dung, nhân tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế**

Nghiên cứu về nội dung, nhân tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế TNDN cũng có nhiều công trình như: "Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng", Luận án tiến sĩ Kinh tế của Tô Văn Tuấn (2020); "Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu", bài đăng tạp chí của Nguyễn Thị Đức Loan (2022); "Các yếu tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp", bài đăng tạp chí của Cán Mỹ Dung (2022); "Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Nha Trang" ....

Về nội dung chống thất thu thuế TNDN, theo Luật quản lý thuế năm 2019, nội dung quản lý nhà nước gồm: (1) Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế. (2) Hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế. (3) Khoanh tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; miễn tiền chậm nộp, tiền phạt; không tính tiền chậm nộp; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ. (4) Quản lý thông tin người nộp thuế. (5) Quản lý hóa đơn, chứng từ. (6) Kiểm tra thuế, thanh tra thuế và thực hiện biện pháp phòng, chống, ngăn chặn vi phạm pháp luật về thuế. (7) Cường chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. (8) Xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế. (9) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế. (10) Hợp tác quốc tế về thuế. (11) Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế [53].

Các công trình nghiên cứu tuy tiếp cận khác nhau nhưng nội dung chống thất thu thuế TNDN tương đối thống nhất. Các tác giả Tô Văn Tuấn, Nguyễn Thị Đức Loan cho rằng chống thất thu thuế TNDN gồm chống thất thu thuế tiềm năng và chống thất thu thuế thực. Chống thất thu thuế TNDN là việc hoàn thiện pháp luật thuế TNDN; chống thất thu thuế thực là việc tổ chức thực hiện các chức năng quản lý thuế của cơ quan thuế.

Về các nhân tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế TNDN, mỗi công trình có những nhân tố cụ thể khác nhau. Theo Cán Mỹ Dung, có 7 yếu tố: đặc điểm của nền kinh tế, tình hình kinh tế - xã hội; chính sách, pháp luật liên quan đến thuế TNDN; việc ban hành và thực hiện các quy trình quản lý thuế; trình độ của nhân viên kế toán, quy trình tổ chức công tác hạch toán, kế toán và quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ của mỗi doanh nghiệp; công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thuế, trình độ hiểu biết, ý thức chấp hành của mỗi doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin công nghệ thông tin; trình độ nghiệp vụ, đạo đức của cán bộ làm công tác quản lý thuế [8].

Còn Nguyễn Thị Đức Loan chia thành 2 nhóm: nhóm yếu tố khách quan và nhóm yếu tố chủ quan. Nhóm yếu tố khách quan gồm: tình hình kinh

tế - xã hội; đặc điểm của nền kinh tế; chính sách, pháp luật; việc ban hành và thực hiện các quy trình quản lý thuế; công tác hạch toán, kế toán và quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ; nhận thức của chủ doanh nghiệp và trình độ của kế toán doanh nghiệp. Nhóm yếu tố chủ quan gồm: việc triển khai thực hiện các quy trình quản lý thuế; ứng dụng công nghệ thông tin vào các công cụ hỗ trợ quản lý thuế; sự phối hợp của các cơ quan hữu quan với cơ quan thuế; trình độ nghiệp vụ, đạo đức của cán bộ làm công tác quản lý thuế; tính hiệu quả của việc tổ chức thực hiện các chức năng quản lý thuế [23].

Kết quả nghiên cứu của Đặng Thị Hoàng Hương cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng chống thất thu thuế TNDN gồm: Sự phối hợp giữa các ban ngành chức năng; Chính sách tuyên truyền và động viên khuyến khích người nộp thuế; Hệ thống chính sách thuế TNDN; Tổ chức bộ máy thu thuế TNDN; Công tác kiểm tra giám sát [17].

Trương Hữu Bách chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng bao gồm: hệ thống pháp luật về thuế TNDN; công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; công tác cán bộ; công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; công tác kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp; công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; sự phối hợp của các cấp, các ngành trong tổ chức quản lý thu thuế [5].

### **1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về kinh nghiệm chống thất thu thuế**

Nghiên cứu về kinh nghiệm chống thất thu thuế có một số công trình như: "Quản lý rủi ro trong quản lý thuế và kinh nghiệm cho Việt Nam", của Bùi Thái Quang (2015), đăng Tạp chí Tài Chính; "Chuyển giá và kiểm soát chuyển giá tại Việt Nam", của Nguyễn Hữu Ánh và Đoàn Thanh Nga (2018), đăng Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam; "Giá chuyển nhượng - Nhận diện những nguy cơ thách thức và phản ứng của các bên liên quan trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu", của Quách Nguyễn Ân Điền (2020), đăng Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai; "Kinh nghiệm của các nước châu Á về chống

thất thu thuế từ hoạt động thương mại điện tử và bài học cho Việt Nam”, của Vũ Thị Như Quỳnh (2021), đăng Tạp chí Công Thương; “Mở rộng cơ sở thuế để chống thất thu - Kinh nghiệm quốc tế, của Thúy Nga (2019), đăng trên <https://tapchitaichinh.vn/mo-rong-co-so-thue-de-chong-that-thu-kinh-nghiem-quoc-te.html>; "Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thuế" của Trần Thị Thanh Bình, Nguyễn Minh Châu (2022), đăng Tạp chí Tài chính...

Các công trình nghiên cứu kinh nghiệm chống thất thu thuế rất đa dạng, có công trình nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia, có công trình nghiên cứu kinh nghiệm theo lĩnh vực.

Thông thường nghiên cứu kinh nghiệm sẽ tìm hiểu một số quốc gia trên thế giới về hoạt động chống thất thu thuế, từ đó học hỏi cái hay, tốt của quốc gia đó để vận dụng vào quốc gia mình.

Nguyễn Thu Bảo và Nguyễn Đức Sỹ nghiên cứu kinh nghiệm chống thất thu, gian lận thuế qua kiểm toán thuế của một số cơ quan kiểm toán thuế Anh, Hàn Quốc, Trung Quốc [6].

Vũ Thị Như Quỳnh nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước châu Á (Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ, Hàn Quốc) về chống thất thu thuế từ hoạt động thương mại điện tử. Qua đó, rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam [35].

Lê Quang Hùng nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước như Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Mỹ, Trung Quốc, Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc... về chống chuyển giá trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn FDI.

Thúy Nga nghiên cứu cơ sở tính thuế ở một số quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... Qua đó đề xuất mở rộng cơ sở thuế để chống thất thu thuế [26].

Đối với chống thất thu thuế TNDN, Tô Văn Tuấn nghiên cứu kinh nghiệm qua nội dung: quản lý thuế TNDN và phương thức khai, nộp thuế TNDN; qua công tác quản lý và xử lý nợ thuế; qua công tác thanh tra, kiểm

tra thuế; công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; công tác xử phạt vi phạm pháp luật về thuế. Theo đó, tác giả tìm hiểu mỗi nội dung ở những quốc gia thực hiện nội dung đó [44].

#### **1.1.4. Nhóm công trình nghiên cứu về thực trạng, giải pháp chống thất thu thuế**

Nghiên cứu về thực trạng, giải pháp chống thất thu thuế có nhiều công trình như: “Tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế: biện pháp thiết thực ngăn chặn, phòng ngừa sai phạm”, của Hạnh Phương (2004), đăng tạp chí Thanh tra Tài chính; "Giải pháp chống thất thu thuế ngoài quốc doanh", của Lê Minh Hạnh (2005), đăng Tạp chí Tài chính; "Các giải pháp hạn chế việc trốn thuế và tránh thuế của các công ty đa quốc gia hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam", Luận án Tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Thị Lan (2009); "Giải pháp chống thất thu thuế nhập khẩu ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện, của Vương Thị Thu Hiền (2012); "Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện, của Nguyễn Thị Thanh Hoài (2012); "Chống gian lận thuế: Thực trạng và giải pháp", của Hà Minh Lục (2013), đăng Tạp chí Tài chính; "Giải pháp chống thất thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Luận án tiến sĩ Kinh tế của Mai Thị Vân Anh (2015); "Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Luận án tiến sĩ Kinh tế của Tô Văn Tuấn (2020); "Thực trạng và giải pháp chống gian lận, thất thu thuế", của Trương Thị Thảo (2021), đăng Tạp chí Công thương; "Thực trạng và giải pháp chống thất thu, gian lận thuế ở Việt Nam thông qua hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước”, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, của Nguyễn Thu Bảo và Nguyễn Đức Sỹ (2021); “Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”, của Nguyễn Thị Đức Loan (2022), đăng Tạp chí Công thương...

Mặc dù thực trạng và giải pháp chống thất thu thuế là 2 vấn đề khác nhau nhưng luôn gắn bó với nhau, từ thực trạng sẽ tạo cơ sở để đề xuất giải pháp, giải pháp được đề xuất trên cơ sở đánh giá thực trạng. Thực trạng chống thất thu thuế thường gắn với một quốc gia hoặc một địa phương cụ thể nào đó.

Tô Văn Tuấn sau khi nghiên cứu chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn Hải Phòng đã đề xuất 10 giải pháp: Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; Tăng cường quản lý kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp; Tăng cường quản lý thu nộp, xử lý nợ đọng thuế thu nhập doanh nghiệp; Tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp; Đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ thuế; Phát triển dịch vụ thuế điện tử trong quản lý thuế hiện nay; Tăng cường phối hợp trong công tác quản lý thuế; Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động tư vấn thuế; Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp [44].

Trên cơ sở nghiên cứu chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Nguyễn Thị Đức Loan đề xuất 5 giải pháp: Chống thất thu thuế công việc phải triển khai từ đầu năm; Tăng tỷ lệ kê khai thuế điện tử; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, Tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Tổ chức xử lý nghiêm hành vi trốn thuế [23].

Trương Hữu Bách nghiên cứu chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước tại thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã đề xuất 6 giải pháp: Tổ chức tốt công tác cán bộ; Tiếp tục sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; Tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; Quản lý chặt chẽ doanh nghiệp đăng ký thuế, kê khai thuế; Đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu thuế; Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp [5].

Nguyễn Nguyễn Khải Huyền nghiên cứu chống thất thu thuế TNDN tại Tiền Giang đã đề xuất 8 giải pháp: Tăng cường công tác quản lý người nộp thuế; Tăng cường công tác tuyên truyền; Nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra; Đẩy mạnh việc quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kiểm tra; Quản lý tốt hoạt động quản lý ưu đãi, miễn giảm; Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ công chức ngành Thu; Phối hợp giữa các phòng ban tại Cục Thuế với cơ quan chức năng để thực hiện quản lý thuế, phòng chống các hành vi gian lận thuế [18].

## **1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CÀN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

### **1.2.1. Những nội dung đã thống nhất, làm rõ từ các kết quả nghiên cứu**

Liên quan đến vấn đề thuế và chống thất thu thuế, có rất nhiều công trình nghiên cứu từ bài báo khoa học đến đề tài nghiên cứu khoa học, từ luận án đến sách chuyên khảo. Đối với vấn đề tài liên quan đến chống thất thu thuế TNDN, cũng có một số ít công trình. Các công trình nghiên cứu từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau như quản lý công, tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, kinh tế chính trị.... Các công trình nghiên cứu khoa học đã đi vào phân tích khá toàn diện các nội dung có liên quan về thuế như làm rõ khái niệm thuế, khái niệm chống thất thu thuế; vai trò của thuế, công tác quản lý thuế, các hành vi gian lận thuế; giải pháp chống thất thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thu nhập doanh nghiệp...

- Các công trình nghiên cứu đề cập đến khái niệm, vai trò của chống thất thu thuế đã làm rõ nội hàm của khái niệm thuế, chống thất thu thuế. Các công trình đã thống nhất thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc mà người nộp thuế (tổ chức hoặc cá nhân) phải nộp vào NSNN.

Chống thất thu thuế TNDN được hiểu là hoạt động của cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tác động đến các chủ thể và các hành vi gây ra thất



thu thuế TNDN nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng thất thu thuế TNDN.

Chống thất thu thuế TNDN có vai trò to lớn, nhằm phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm của doanh nghiệp để có chấn chỉnh kịp thời, giúp cho các doanh nghiệp nộp thuế đúng và đủ, góp phần tăng thu thuế, ổn định nguồn thu thuế lâu dài.

- Các công trình nghiên cứu về nội dung, nhân tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế, mặc dù mỗi công trình, mỗi tác giả cho thấy có nhiều yếu tố tác động. Tuy nhiên, có thể thống nhất một số yếu tố tác động đến chống thất thu thuế TNDN: điều kiện kinh tế - xã hội; hệ thống pháp luật về thuế và chống thất thu thuế; năng lực đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế; hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật quản lý thuế...

- Các công trình nghiên cứu về kinh nghiệm chống thất thu thuế đã cung cấp một số kinh nghiệm, bài học từ thực tiễn chống thất thu thuế của một số quốc gia trên thế giới (Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản). Những kinh nghiệm đó rất đa dạng, phong phú nhưng có thể thống nhất ở một số điểm: tăng cường công tác quản lý thuế và nợ thuế, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế...

- Các công trình nghiên cứu về thực trạng, giải pháp chống thất thu cho thấy, mỗi công trình nghiên cứu có phạm vi nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, thực trạng nghiên cứu khác nhau... nên dẫn đến giải pháp chống thất thu cũng khác nhau. Tuy nhiên, có thể thống nhất ở một số giải pháp: hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản lý thuế; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế; tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác quản lý thuế...

Có thể thấy vấn đề thuế nói chung và chống thất thu thuế nói riêng có rất nhiều công trình nghiên cứu. Những công trình này đã đề cập nhiều vấn đề liên quan đến chống thất thu thuế. Đây là những nội dung lý luận cơ bản mà Luận án sẽ kế thừa phục vụ cho việc nghiên cứu của Luận án.

### **1.2.2. Những vấn đề chưa được làm rõ, khoảng trống cần được tiếp tục nghiên cứu**

Mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu liên quan về thuế và chống thất thu thuế. Tuy nhiên, mỗi công trình nghiên cứu, tiếp cận ở một khía cạnh khác nhau. Có công trình nghiên cứu về công tác quản lý thuế; Có công trình nghiên cứu về chống thất thu thuế nhưng ở lĩnh vực cụ thể nào đó, chẳng hạn chống thất thu thuế xuất nhập khẩu, chống thất thu thuế giá trị gia tăng... hoặc chống thất thu thuế ở lĩnh vực kinh doanh, chẳng hạn chống thất thu thuế trong kinh doanh bất động sản, chống thất thu thuế trong thương mại điện tử... Hơn nữa, cơ sở lý luận mà các công trình đã nghiên cứu có những cách tiếp cận khác nhau; thực tiễn, tình hình khác nhau. Vì vậy, đề tài luận án vẫn có thể tiếp tục khai thác vấn đề chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong nhiều công trình nghiên cứu về thuế và chống thất thu thuế, có một số công trình nghiên cứu về chống thất thu thuế TNDN như: Đề tài "Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam" của Nguyễn Thị Thanh Hoài; luận án "Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng" của Tô Văn Tuấn; bài báo "Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu" của Nguyễn Thị Đức Loan.

Tuy nhiên, các công trình này tiếp cận từ góc độ kinh tế - tài chính, trong khi đó luận án khai thác từ góc độ kinh tế chính trị. Hơn nữa, các công trình này thường gắn với một địa phương cụ thể như Hải Phòng, Hà Nam, Tiền Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, vấn đề chống thu nhập thuế TNDN tiếp tục cần được nghiên cứu.

Ở CHDCND Lào, nền kinh tế chưa phát triển, đầu tư nước ngoài chưa nhiều, hàng hóa xuất nhập khẩu còn hạn chế, doanh nghiệp còn nhỏ lẻ... Các công trình nghiên cứu liên quan về thuế chưa có nhiều, nhất là công trình nghiên cứu về chống thất thu thuế TNDN. Trong điều kiện cụ thể của

CHDCND Lào, luận án phải làm rõ được thực trạng chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào hiện nay, qua đó đề xuất giải pháp để tăng cường chống thất thu thuế TNDN.

Qua nghiên cứu các công trình có liên quan đề tài, có thể thấy một số vấn đề chưa được các công trình thống nhất, trong đó quan trọng nhất là nội dung chống thất thu thuế TNDN, các yếu tố ảnh hưởng chống thất thu thuế TNDN. Hầu hết các công trình mới tiếp cận từ góc độ kinh tế tài chính nên nội dung chống thất thu thuế TNDN bao gồm chống thất thu thuế tiềm năng và chống thất thu thuế thực. Trong khi đó, chưa có công trình nào tiếp cận từ chủ thể nhà nước - cơ quan quản lý và thu thuế; công cụ và biện pháp chống thất thu thuế TNDN... Thêm vào đó, các công trình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng chống thất thu thuế TNDN cũng rất khác nhau do góc độ tiếp cận.

Qua những vấn đề chưa được làm rõ, từ góc độ nghiên cứu kinh tế chính trị học, luận án sẽ tiếp tục làm rõ những vấn đề sau:

Một là, tiếp tục làm rõ vấn đề thất thu thuế TNDN, đặc biệt là khái niệm thất thu thuế TNDN, các hình thức thất thu thuế TNDN, hậu quả và nguyên nhân của thất thu thuế TNDN.

Hai là, làm rõ khái niệm và sự cần thiết phải chống thất thu thuế TNDN, các yếu tố ảnh hưởng chống thất thu thuế TNDN.

Ba là, nội dung chống thất thu thuế TNDN từ góc độ kinh tế chính trị.

Bốn là, phân tích, đánh giá thực trạng tổng thể thất thu thuế và chống thất thu thuế doanh nghiệp ở nước CHDCND Lào.

Năm là, trên cơ sở thực trạng, dự báo xu hướng, quan điểm và đề xuất các nhóm giải pháp khả thi nhằm thực hiện có hiệu quả trong chống thất thu thuế doanh nghiệp ở nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

## **Kết luận chương 1**

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài là việc làm hết sức quan trọng của nghiên cứu khoa học, qua tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đã nghiên cứu những nội dung gì, tiếp cận từ góc độ nào của vấn đề. Qua đó, kế thừa những kết quả đã nghiên cứu, những nội dung nào còn bỏ ngỏ hoặc nghiên cứu chưa được làm rõ để tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những nội dung chưa được nghiên cứu. Đây là bước tiền đề, cơ sở để nghiên cứu khoa học, do đó tổng quan tốt tạo điều kiện cho việc nghiên cứu rõ ràng hơn, đúng hướng hơn. Ngược lại, nếu làm không tốt tổng quan thì việc nghiên cứu sẽ mất phương hướng, dẫn đến lạc nội dung.

Chống thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng là hoàn toàn cần thiết nhằm góp phần tăng nguồn thu cho NSNN, hạn chế các tiêu cực phát sinh trong công tác quản lý thu thuế TNDN và đảm bảo công bằng xã hội.

Qua việc tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến chống thất thu thuế TNDN cho thấy, các nghiên cứu đã đi vào phân tích khá toàn diện các nội dung có liên quan về thuế như làm rõ khái niệm thuế, khái niệm chống thất thu thuế; vai trò của thuế, công tác quản lý thuế, các hành vi gian lận thuế; giải pháp chống thất thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thu nhập doanh nghiệp...

Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề chưa được các công trình thống nhất, trong đó quan trọng nhất là nội dung chống thất thu thuế TNDN; các tiêu chí đánh giá hiệu quả chống thất thu thuế TNDN; các yếu tố ảnh hưởng chống thất thu thuế TNDN. Đây sẽ là nội dung để tiếp tục nghiên cứu, làm rõ của luận án.

## Chương 2

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

### 2.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

#### 2.1.1. Một số vấn đề về thuế thu nhập doanh nghiệp

##### 2.1.1.1. *Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) xuất hiện rất sớm trong lịch sử phát triển của ngành thuế. Thuế TNDN giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN) và thực hiện phân phối thu nhập. Mức thuế cao hay thấp áp dụng cho các chủ thể nộp thuế TNDN là khác nhau, điều đó phụ thuộc vào quan điểm điều tiết thu nhập và mục tiêu đặt ra trong phân phối thu nhập của từng quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Để hiểu khái niệm thuế TNDN, cần hiểu rõ nội hàm một số thuật ngữ liên quan.

- Thuế:

Theo Luật Quản lý thuế của Việt Nam: "Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế" [63].

Theo Luật Quản lý thuế của CHDCND Lào: "Thuế là nghĩa vụ bằng tiền của cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức có thu nhập hoặc nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, tiêu thụ hàng hóa hoặc dịch vụ, sử dụng đất và tài sản, hoạt động tại CHDCND Lào và nước ngoài cần nộp theo quy định pháp luật" [53].

Có thể hiểu, thuế là khoản tiền của cá nhân, tổ chức kinh doanh phải nộp vào NSNN theo quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp:

Theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, "Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh" [64].

Theo Luật Doanh nghiệp của CHDCND Lào, "Doanh nghiệp là đơn có tên, vốn, văn phòng đã được đăng ký doanh nghiệp theo pháp luật vì thực hiện mua, bán, quản lý dịch vụ" [56].

Có thể hiểu, doanh nghiệp là một tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Từ cách hiểu về thuế, doanh nghiệp, có thể hiểu thuế TNDN là khoản tiền mà tổ chức kinh doanh phải nộp vào NSNN trên cơ sở thu nhập của doanh nghiệp.

Theo Từ điển Kinh tế học Anh - Việt: Thuế TNDN là thuế đánh vào thu nhập của các công ty sau khi đã trừ đi chi phí kinh doanh, lãi suất, chi phí khấu hao và các khoản được phép khấu trừ khác [9].

Theo Giáo trình Thuế của Học viện Tài chính: "Thuế TNDN là sắc thuế tính trên thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp trong kỳ tính thuế" [22, tr.143].

Như vậy, thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế đánh vào thu nhập phát sinh của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh.

#### **2.1.1.2. Đặc điểm thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế TNDN có những đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, thuế TNDN có đặc điểm là đối tượng nộp thuế theo luật quy định đồng nhất với đối tượng chịu thuế. Người nộp thuế theo luật cũng là người trả thuế cuối cùng trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Nói một cách khác, thuế TNDN làm cho khả năng và cơ hội chuyển dịch gánh nặng thuế cho người khác trở nên khó khăn hơn.

*Thứ hai*, thuế TNDN là một khoản chuyển giao của người nộp thuế cho Nhà nước mang tính bắt buộc phi hình sự. Tính bắt buộc phi hình sự là thuộc tính cơ bản vốn có của thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng, nó phân biệt thuế TNDN với các hình thức huy động tài chính khác của ngân sách Nhà nước. Đặc điểm này xác định rõ nội dung kinh tế của thuế TNDN là những quan hệ tiền tệ được hình thành một cách khách quan và có ý nghĩa xã hội đặc biệt - việc động viên mang tính bắt buộc của Nhà nước. Phân phối mang tính chất bắt buộc dưới hình thức thuế TNDN là một phương thức phân phối của Nhà nước mà kết quả của quá trình đó là một bộ phận thu nhập của doanh nghiệp được chuyển giao cho Nhà nước mà không kèm theo một sự cấp phát hoặc những quyền lợi nào khác cho người nộp thuế.

*Thứ ba*, việc chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế thu nhập doanh nghiệp không mang tính chất hoàn trả trực tiếp. Tính chất không hoàn trả trực tiếp của thuế thu nhập doanh nghiệp được biểu hiện trên 2 mặt:

- Sự chuyển giao thu nhập thông qua thuế không mang tính đổi giá, nghĩa là mức thuế mà các tầng lớp trong xã hội chuyển giao cho Nhà nước không hoàn toàn dựa trên mức độ người nộp thuế thừa hưởng những dịch vụ và hàng hoá công cộng do Nhà nước cung cấp. Người nộp thuế cũng không có quyền đòi hỏi Nhà nước phải cung cấp hàng hoá dịch vụ công cộng trực tiếp cho mình mới phát sinh khoản chuyển giao thu nhập cho Nhà nước, mặt khác mức độ cung cấp dịch vụ công cộng của Nhà nước cũng không nhất thiết ngang bằng mức độ chuyển giao.

- Khoản chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế TNDN không được hoàn trả trực tiếp, có nghĩa là người nộp thuế suy cho cùng sẽ nhận được một phần các dịch vụ công cộng mà Nhà nước cung cấp chung cho cả cộng đồng giá trị phần dịch vụ đó không nhất thiết tương đồng với khoản tiền thuế mà họ nộp cho Nhà nước.

*Thứ tư*, việc chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế TNDN được quy định trước bằng pháp luật. Đặc điểm này, một mặt thể hiện tính pháp lý cao của thuế TNDN, mặt khác phản ánh sự chuyển giao thu nhập này không mang tính tùy tiện mà dựa trên những cơ sở pháp luật nhất định và đã được xác định trong Luật thuế TNDN. Các khoản chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế TNDN chịu những ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội trong những thời kỳ nhất định.

### ***2.1.1.3. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế TNDN giữ vai trò việc đảm bảo ổn định nguồn NSNN, đồng thời là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế và thực hiện phân phối thu nhập, cụ thể:

*Thứ nhất*, thuế TNDN là một trong các nguồn thu quan trọng của NSNN và có xu hướng tăng lên cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển, đầu tư gia tăng, quy mô của các hoạt động kinh tế ngày càng được mở rộng, hiệu quả kinh doanh ngày càng cao, thu nhập của các doanh nghiệp và của các nhà đầu tư tăng lên sẽ tạo ra nguồn thu ngày càng lớn cho NSNN giúp cho khả năng huy động nguồn tài chính cho Nhà nước thông qua thuế TNDN ngày càng ổn định và vững chắc.

*Thứ hai*, thuế TNDN là công cụ quan trọng của nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Nhà nước ban hành một hệ thống pháp luật về thuế TNDN áp dụng chung cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo ra sự bình đẳng trong cạnh tranh, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Xuất phát từ yêu cầu phải quản lý các hoạt động đầu tư và kinh doanh trong từng thời kỳ nhất định, thông qua việc quy định người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, sử dụng thuế suất và các ưu đãi thuế TNDN, Nhà nước có thể thực hiện các mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô. Thông qua việc xác định phạm vi thu thuế và không thu thuế, Nhà nước thể hiện sự ưu đãi của mình đối với một số đối tượng trong xã hội không phải nộp thuế hoặc thể hiện sự



khuyến khích của Nhà nước đối với việc phát triển một lĩnh vực, ở một vùng nào đó.

Ngoài việc quy định thuế suất chung cho các doanh nghiệp, nhà nước cũng đưa ra thuế suất ưu đãi để áp dụng đối với từng ngành nghề, mặt hàng, lĩnh vực thể hiện mức độ khuyến khích hay không khuyến khích của nhà nước đối với những ngành nghề, mặt hàng, lĩnh vực đó trong nền kinh tế. Không chỉ khuyến khích đầu tư bằng việc định ra một thuế suất hợp lý mà thuế TNDN còn được sử dụng là một biện pháp khuyến khích bỏ vốn đầu tư vào các ngành nghề, mặt hàng, các vùng mà nhà nước cần tập trung khuyến khích đẩy mạnh sản xuất, khai thác tiềm năng về vốn trong dân cư và của các nhà đầu tư nước ngoài, hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục khó khăn, rủi ro để phát triển sản xuất bằng việc sử dụng biện pháp miễn, giảm thuế TNDN theo mức độ khác nhau.

*Thứ ba*, thuế TNDN là một công cụ để Nhà nước thực hiện chính sách công bằng xã hội. Một trong những mục tiêu của thuế TNDN là điều tiết thu nhập của các nhà đầu tư, đảm bảo sự công bằng trong phân phối thu nhập. Thuế TNDN được áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, điều này không những đảm bảo được công bằng theo chiều ngang mà còn cả công bằng theo chiều dọc. Về chiều ngang, bất kể một doanh nghiệp nào kinh doanh bất cứ hình thức nào nếu có thu nhập chịu thuế thì phải nộp thuế TNDN. Về chiều dọc, cùng một ngành nghề không phân biệt quy mô kinh doanh nếu có thu nhập chịu thuế thì đều phải nộp thuế TNDN. Với mức thuế suất thống nhất, doanh nghiệp nào có thu nhập cao thì phải nộp thuế nhiều hơn (theo số tuyệt đối) so với doanh nghiệp có thu nhập thấp.

## **2.1.2. Một số vấn đề về thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **2.1.2.1. Khái niệm thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thất thu thuế được hiểu là hiện tượng trong đó những khoản tiền từ các cá nhân, tổ chức có tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh hay có

những điều kiện cơ sở vật chất nhất định so với khả năng của họ cần phải động viên vào NSNN, song vì những lý do xuất phát từ phía nhà nước hay người nộp thuế mà những khoản tiền đó không được nộp vào NSNN.

Thất thu thuế TNDN là khoản thuế thu nhập của doanh nghiệp không được nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu của các nhà kinh doanh là lợi nhuận, chính vì vậy để đạt được lợi ích cục bộ tối đa, họ luôn tìm cách giảm chi phí kinh doanh của mình, trong đó bao gồm cả khoản đóng góp cho nhà nước. Như vậy trong bản chất của thuế luôn tồn tại mâu thuẫn giữa lợi ích của Nhà nước và người kinh doanh, chính vì thế tình trạng thất thu thuế là điều không thể tránh khỏi.

Theo Từ điển tiếng Việt, thất thu nói chung trong đó có thất thu thuế là “Thu không đạt mức, ở dưới mức coi là bình thường trong sản xuất, kinh doanh” [47, tr.928].

“Thất thu” là một từ Hán - Việt. Theo đó, “thất” được hiểu là mất mát, không đạt được, không lấy được, không đem về được; “thu” là cái lấy về, đem về. Thất thu thuế nghĩa là việc nộp tiền vào quỹ không đủ, cụ thể hơn là thu không đạt định mức, dưới mức trung bình trong nộp thuế, sản xuất kinh doanh.

Thu thuế TNDN là phân chia lợi ích kinh tế giữa nhà nước với người nộp thuế. Khi nộp thuế thì thu nhập khả dụng của người nộp thuế giảm xuống, người nộp thuế luôn mong muốn số thuế phải nộp là ít nhất, do đó họ thường tìm cách trốn thuế, cho nên Nhà nước luôn có nguy cơ thất thu thuế.

Thất thu thuế là một hiện tượng thực tế khách quan vốn có của bất kỳ hệ thống thuế khoá nào. Nó phản ánh hai mặt của một vấn đề lợi ích của nhà nước và lợi ích của người nộp thuế. Trên thực tế, hai lợi ích này thường mâu thuẫn với nhau, nhà nước luôn có khuynh hướng tăng nguồn thu từ thuế, trong khi đó người nộp thuế luôn mong muốn số thuế phải nộp càng ít càng tốt.

Thất thu thuế có thể xảy ra mọi lúc mọi nơi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong mọi thành phần kinh tế. Đây là hiện tượng không lành mạnh tạo sự mất cân bằng trong nền kinh tế - xã hội ảnh hưởng xấu đến việc xây dựng và phát triển tài chính quốc gia. Do đó, chống thất thu thuế luôn là mối quan tâm hàng đầu của chính phủ.

Từ những nội dung trên có thể hiểu: *Thất thu thuế TNDN là khoản tiền thuế TNDN đáng lẽ được thu vào NSNN nhưng lại không thu được hoặc thu không đủ.*

#### **2.1.2.2. Các hình thức thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thất thu thuế TNDN có 2 hình thức:

- Thất thu thực tế là hiện tượng số thuế thực tế thu thấp hơn số phải thu theo quy định. Số thuế thất thu thực tế về thuế TNDN được tính trong một thời gian nhất định thường là một năm.

Thất thu thực tế về thuế TNDN có thể xuất phát từ người nộp thuế hay cơ quan thuế; lợi nhuận là mục đích của mọi cá nhân và tổ chức. Đây cũng chính là yếu tố mà họ có thể làm trái quy định của pháp luật thuế. Số thuế nộp càng ít thì càng tăng được lợi nhuận sau thuế của họ. Do đó, người nộp thuế thường tìm cách để trốn thuế, thậm chí hối lộ cán bộ thuế để điều chỉnh số thuế hoặc làm giảm số thuế phải nộp, kéo dài thời gian nộp thuế hay giảm thuế, miễn thuế.... Vì vậy nguyên nhân của thất thu thực tế về thuế TNDN chính là do người nộp thuế vì lợi ích riêng mà vi phạm pháp luật thuế làm cho số thuế thực tế thu luôn nhỏ hơn số thu theo luật định và hiện tượng thất thu thuế đã xảy ra.

- Thất thu tiềm năng về thuế TNDN là hiện tượng số thu được thấp hơn khả năng thực tế có thể thu. Đây cũng chính là hiện tượng bỏ sót nguồn thu thuế TNDN.

Do chính sách thuế TNDN chưa bao quát được hết các hoạt động sản xuất kinh doanh đối với tất cả các ngành nghề; chính sách về thuế TNDN

chậm thay đổi để phù hợp với thực tế. Từ đó NNT thường lợi dụng các khe hở của pháp luật về thuế để tránh thuế, làm giảm số thuế phải nộp. Đây không phải là hành vi vi phạm pháp luật thuế bởi nó là sự thay đổi hành vi kinh doanh nhằm làm giảm số thuế phải nộp hoặc không phải nộp thuế, dẫn đến gây thất thu thuế cho NSNN.

### ***2.1.2.3. Nguyên nhân của thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thất thu thuế là mối quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy mức độ có thể khác nhau giữa các quốc gia nhưng bất cứ quốc gia nào cũng đều tồn tại hiện tượng thất thu về thuế. Nguyên nhân một phần do hệ thống thuế kém hiệu lực, đội ngũ công chức ngành thuế thiếu năng lực, một phần do doanh nghiệp không chịu khai báo các khoản thu nhập lớn có nguồn gốc bất hợp pháp hoặc khai báo ít hơn thực tế. Thực tế cho thấy có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng thất thu về thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng. Việc nghiên cứu và phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến hiện tượng thất thu thuế TNDN là cần thiết để tìm ra giải pháp chống thất thu về thuế TNDN hiệu quả hơn.

#### *- Nguyên nhân khách quan.*

Bất cứ một hệ thống chính sách, pháp luật nào cũng khó tránh khỏi những bất cập khi áp dụng vào thực tế. Chính sách thuế TNDN đã phát huy tác động tích cực đối với việc thúc đẩy nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên trong thực tế, quá trình thực hiện chính sách thuế TNDN cũng nảy sinh không ít vấn đề chưa phù hợp với những thay đổi phức tạp từ thực tiễn.

Tình trạng thất thu thuế TNDN khó tránh khỏi cũng bởi do hệ thống pháp luật về thuế TNDN còn chưa thật sự hoàn thiện. Pháp luật về thuế TNDN chưa quy định chi tiết, cụ thể để bao quát hết các khoản thu nhập và mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Bởi đó, các quy định vẫn còn tồn tại nhiều khe hở trong hệ thống pháp luật thuế TNDN.

Người nộp thuế là các doanh nghiệp đã lợi dụng những khe hở này để tránh thuế hay làm giảm số thuế phải nộp hoặc thậm chí là trốn thuế.

Thất thu thuế TNDN có thể do hệ thống pháp luật thuế TNDN chưa kịp thay đổi để phù hợp với thực tiễn. Đây cũng là một nguyên nhân khách quan gây thất thu thuế TNDN.

Một nguyên nhân nữa cũng phải đề cập đến là nguyên nhân từ phía người nộp thuế, trong thực tế, khi tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh luôn tồn tại một bộ phận người nộp thuế có ý thức chấp hành pháp luật chưa tốt. Đối với người nộp thuế thì số tiền thuế phải nộp thuế là một khoản chi phí. Số tiền thuế càng ít thì lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp càng lớn. Tối đa hóa lợi nhuận sau thuế chính là động cơ để nhiều doanh nghiệp tìm mọi cách giảm số thuế phải nộp hoặc trốn thuế... Vi phạm pháp luật thuế có thể do doanh nghiệp cố tình vi phạm vì lợi ích riêng. Doanh nghiệp có thể làm giảm doanh thu hay làm tăng chi phí hoặc thậm chí lôi kéo cán bộ thuế, hối lộ họ để trốn thuế...

Những nguyên nhân khách quan này đặt ra yêu cầu đòi hỏi chính sách pháp luật thuế TNDN phải ngày càng được quy định chặt chẽ hơn, cụ thể hơn, hoàn thiện hơn về mọi mặt. Những chính sách ấy cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế để vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, vừa có thể thu đủ số thuế TNDN vào NSNN. Trên cơ sở đó sẽ tác động làm giảm tình trạng thất thu về thuế thu nhập doanh nghiệp.

*- Nguyên nhân chủ quan:*

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, thất thu thuế TNDN cũng tồn tại những nguyên nhân mang tính chủ quan xuất phát từ công tác quản lý thu thuế của cơ quan thuế. Tình trạng thất thu về thuế TNDN còn diễn ra bởi một phần do công tác quản lý thuế của công chức ngành thuế còn hạn chế trong việc tuyên truyền pháp luật thuế, trong công tác thanh tra kiểm tra hay xử lý vi phạm về thuế... Công tác quản lý của cơ quan thuế đối với các khoản

thu từ thuế TNDN chưa được nâng cao. Mỗi cơ quan thuế, mỗi công chức thuế đều có vai trò quan trọng trong việc nâng cao số thu và hạn chế tối đa việc thất thu thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng. Nếu công chức thuế không chú trọng nâng cao trình độ quản lý thì sẽ không thể phát hiện ra các hành vi gian lận ngày càng tinh vi của các doanh nghiệp, gây thất thu thuế TNDN. Do vậy, công chức trong ngành thuế cần không ngừng nâng cao trình độ, tích lũy kinh nghiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật thuế TNDN. Công chức thuế cần thực hiện tốt tất cả hoạt động hỗ trợ người nộp thuế để quá trình tự khai, tự nộp diễn ra thuận lợi; tuyên truyền tốt nâng cao nhận thức và sự hiểu biết của các doanh nghiệp để doanh nghiệp ý thức hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho NSNN cũng như hạn chế hành vi trốn thuế để từ đó doanh nghiệp thực hiện đúng theo luật... Ngoài ra, tất cả các quy trình quản lý thuế TNDN phải được thực hiện đúng thì tình trạng thất thu sẽ được hạn chế. Ngược lại nếu mọi quy trình không được đồng bộ thực hiện tốt, phối hợp, hỗ trợ cho nhau thì khó có thể thành công trong công tác chống thất thu thuế TNDN.

#### ***2.1.1.4. Hậu quả của thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế là nguồn động viên GDP vào NSNN để chính phủ có nguồn tài trợ cho các nhiệm vụ chi tiêu công, nhằm thực hiện phân phối lại tổng sản phẩm xã hội. Việc đóng thuế là nghĩa vụ của mỗi công dân, của mỗi tổ chức kinh tế. Thực tế hiện nay, tình trạng thất thu thuế luôn là vấn đề tồn tại đeo đẳng phức tạp, phổ biến ở hầu hết các ngành nghề, các khu vực kinh tế, các địa phương.

Thất thu thuế TNDN xảy ra sẽ kéo theo những tác động tiêu cực đối với nền kinh tế. Nó tạo ra thêm nhiều trở ngại tài khoá cho các quốc gia và đem lại ít nguồn lực hơn để các quốc gia đó có thể đạt được các mục tiêu phát triển của họ thông qua chi tiêu công và đầu tư công. Thất thu thuế TNDN sẽ làm cho hiệu quả điều hành nền kinh tế - xã hội của nhà nước thông qua công cụ thuế

bị hạn chế, nhất là trong cơ chế thị trường như hiện nay, không chỉ làm ảnh hưởng đến số thu cho NSNN mà còn không đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, không thực hiện được yêu cầu công bằng trong chính sách động viên làm suy yếu kỷ cương nhà nước. Những hậu quả chủ yếu do thất thu thuế nói chung, thất thu thuế TNDN nói riêng gây ra có thể kể đến như sau:

- Đối với cân đối NSNN: Cân đối NSNN là một trong những chỉ tiêu cân đối lớn của nền kinh tế. NSNN được xác lập trên cơ sở dự toán nhu cầu chi tiêu và khả năng đảm bảo nhu cầu chi tiêu của nhà nước, trong đó nguồn thu từ thuế có vai trò rất quan trọng. Nếu việc nộp thuế bị chậm trễ hoặc doanh nghiệp cố tình trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế, việc thực hiện dự toán NSNN sẽ không được đảm bảo. Như vậy, việc đáp ứng nhu cầu chi tiêu thường xuyên đảm bảo cho hoạt động của bộ máy nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội và các đơn vị sự nghiệp, cũng như nhu cầu về vốn cho quá trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nói chung khó được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Vì vậy, việc đảm bảo chi ngân sách cũng như cân đối NSNN sẽ bị tác động trực tiếp từ việc thực hiện kế hoạch thu ngân sách từ thuế. Với vai trò và sự đóng góp quan trọng của thuế TNDN trong tổng thu NSNN thì sự thất thu về thuế TNDN làm giảm nguồn thu của Chính phủ, ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán thu thuế nói riêng và dự toán thu NSNN nói chung.

- Đối với môi trường kinh doanh: Để đảm bảo môi trường kinh doanh được bình đẳng, đòi hỏi các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh phải chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong đó nghĩa vụ nộp thuế TNDN. Doanh nghiệp thực hiện đúng nghĩa vụ thuế sẽ phải nộp nhiều thuế hơn so với doanh nghiệp gian lận thuế. Thất thu thuế ảnh hưởng đến trật tự xã hội, vi phạm pháp luật ngày càng tăng, những người trốn lậu thuế xem thường luật pháp, coi nhẹ kỷ cương của nhà nước, còn những người chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp thực hiện đầy

đủ nghĩa vụ nộp thuế với NSNN thì mất lòng tin vào chính sách, chế độ pháp luật thuế. Mặt khác, để tạo điều kiện cho đối tượng có thể hoạt động kinh doanh thu lợi nhuận, nhà nước phải thực hiện hàng loạt các chính sách đồng bộ để duy trì trật tự xã hội, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng... Nguồn kinh phí để nhà nước trang trải các chi phí đó được lấy chủ yếu từ thuế, kinh doanh trốn thuế cũng có nghĩa là đã hưởng những điều kiện, lợi ích công cộng mà không thực hiện nghĩa vụ đóng góp, như vậy là không công bằng. Thất thu thuế TNDN sẽ ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh, tạo ra môi trường cạnh tranh không công bằng.

## **2.2. KHÁI NIỆM VÀ SỰ CẦN THIẾT CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

### **2.2.1. Khái niệm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chống thất thu thuế là hoạt động nhằm ngăn chặn các hành vi gian lận của doanh nghiệp nhằm trốn tránh nộp thuế. Xét theo từng khoản thu, từng sắc thuế, chống thất thu sẽ bao gồm: chống thất thu thuế giá trị gia tăng, chống thất thu thuế TNDN, chống thất thu thuế thu nhập cá nhân... Chống thất thu thuế là hoạt động của cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tác động đến các chủ thể và các hành vi gây ra thất thu thuế nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng thất thu thuế.

Theo Nguyễn Thị Đức Loan, "Chống thất thu thuế TNDN được hiểu là hoạt động của cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tác động đến các chủ thể và các hành vi gây ra thất thu thuế TNDN nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng thất thu thuế TNDN" [23].

Theo Trần Tú Anh, "Chống thất thu thuế là sự tác động của cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan đến những đối tượng và hoạt động gây ra thất thu thuế nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế làm số thuế lẽ ra phải nộp nhưng không được nộp vào NSNN" [2, tr14-15].



Từ các quan niệm trên, có thể hiểu: *Chống thất thu thuế TNDN là hoạt động của cơ quan thuế và các cơ quan liên quan để bảo đảm thu đúng, thu đủ thuế TNDN, đồng thời xử lý theo quy định đối với doanh nghiệp gian lận thuế.*

Qua cách hiểu về chống thất thu thuế nói trên, có thể thấy nội hàm của chống thất thu thuế bao gồm các khía cạnh quan trọng sau:

- Chủ thể thực hiện chống thất thu thuế là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó cơ quan thuế giữ vai trò chủ đạo. Để hoạt động chống thất thu thuế có hiệu quả, cơ quan thuế cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan như kho bạc, cảnh sát, quản lý thị trường. Ngoài ra cần có sự vận động, tuyên truyền để toàn xã hội cùng tham gia chống thất thu thuế.

- Công cụ chủ yếu mà cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan áp dụng để chống thất thu thuế là tổng hợp các biện pháp quản lý, tác động vào các chủ thể, các hành vi và nguyên nhân gây ra thất thu thuế theo đúng quy định của pháp luật.

- Mục đích của công tác chống thất thu thuế là đảm bảo chính sách pháp luật thuế được đầy đủ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; người nộp thuế nộp đúng, nộp đủ, nộp kịp thời số thuế phải nộp vào NSNN; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng; huy động nguồn thu cho NSNN; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

### **2.2.2. Sự cần thiết chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Hậu quả của thất thu thuế TNDN là rất lớn, ảnh hưởng đến nguồn thu cho NSNN và môi trường kinh doanh. Do đó, việc chống thất thu thuế TNDN là rất cần thiết.

*Một là, đảm bảo pháp luật về thuế được thực hiện.*

Pháp luật là quy định của nhà nước đặt ra để quản lý xã hội. Thuế là một trong những lĩnh vực quan trọng trong xã hội, do vậy không thể tách rời hoạt động quản lý của nhà nước. Nhà nước ban hành các quy định về thuế để quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong xã hội.

Việc triển khai các biện pháp chống thất thu thuế đồng nghĩa với việc các quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế được thực hiện trong thực tế. Việc chống thất thu thuế sẽ phát huy và nâng cao vai trò điều tiết, định hướng kinh tế của nhà nước, góp phần đưa chính sách thuế vào cuộc sống.

*Hai là, đảm bảo nguồn thu NSNN.*

Thuế là công cụ quan trọng của nhà nước để điều hành, quản lý vĩ mô nền kinh tế và là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, quản lý tốt nguồn thu và tăng thu cho ngân sách từ thuế không những có ý nghĩa thực thi có hiệu quả pháp luật về thuế mà còn làm tăng thêm nguồn lực tài chính phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Thực tế cho thấy, thất thu thuế nói chung và thất thu về thuế TNDN nói riêng ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế - xã hội của một quốc gia. Các quốc gia đều nỗ lực trong việc tăng thu NSNN và chống thất thu thuế. Thuế TNDN là nguồn thu ngày càng quan trọng cho NSNN và việc chống thất thu về thuế TNDN là cần thiết. Các doanh nghiệp chấp hành chính sách pháp luật còn thấp, bằng mọi cách để kê khai số thuế phải nộp thấp như bán hàng không lập hóa đơn, lập hóa đơn không đúng với giá thực tế thanh toán, hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh không đúng quy định như tăng chi phí tiền lương, các khoản chi nguyên nhiên vật liệu vượt định mức,... chính vì vậy công tác kiểm tra chống thất thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp là cần thiết, nhằm phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm của doanh nghiệp để có chấn chỉnh kịp thời, giúp cho các doanh nghiệp kê khai đúng, kê khai đủ, nộp thuế đúng thời gian quy định, góp phần tăng thu thuế, ổn định nguồn thu thuế lâu dài.

*Ba là, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, công bằng xã hội.*

Thông qua việc thu thuế nhà nước tập trung một phần nguồn lực xã hội vào tay mình để tiến hành hoạt động, tuy nhiên khi xảy ra tình trạng thất thu thuế thì nguồn thu của nhà nước sẽ giảm đi, khi đó sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch chi tiêu của nhà nước.

Khi thuế thu đủ, thu đúng sẽ làm tăng NSNN, khi đó nhà nước sẽ có nguồn lực để đầu tư cho quốc phòng - an ninh, cho phát triển kinh tế - xã hội, cho an sinh xã hội.... Khi mà thuế thu đủ, thu đúng sẽ bảo đảm sự công bằng giữa những doanh nghiệp, tránh tình trạng doanh nghiệp nộp, doanh nghiệp không nộp, doanh nghiệp nộp nhiều, doanh nghiệp nộp ít.

Thông qua chính sách thuế nhà nước có thể điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế theo vùng, theo lãnh thổ, theo lĩnh vực đảm bảo sự phát triển hài hòa, đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

Để thúc đẩy phát triển ở một vùng có kinh tế lạc hậu, bằng việc thi hành chính sách ưu đãi đối với nhà đầu tư ở vùng đó, như miễn thuế trong một khoảng thời gian, ưu đãi về thuế suất... để kêu gọi đầu tư, tuy nhiên mục tiêu của nhà kinh doanh là tối đa hóa lợi nhuận do vậy khi nghiên cứu, họ thấy nếu tiến hành kinh doanh tại địa bàn đang được khuyến khích mặc dù có lợi nhuận nhưng nếu thấp hơn ở vùng mà họ đang kinh doanh, do họ đó tìm được cách trốn thuế thì rất khó để thu hút họ đầu tư vào đó. Hoặc để thúc đẩy những ngành nghề, lĩnh vực mà nhà nước cần phát triển mặc dù có những ưu đãi về thuế nhưng ở lĩnh vực mà họ đang kinh doanh mà họ trốn lậu được thuế thì cũng khó để họ đầu tư vào lĩnh vực mà nhà nước khuyến khích do vậy có thể làm cho nền kinh tế phát triển không bền vững.

Một trong những mục tiêu của thuế là đảm bảo công bằng xã hội, tuy nhiên khi xảy ra tình trạng thất thu thuế thì có doanh nghiệp thu đủ thuế, có doanh nghiệp chỉ thu được một phần thuế, thậm chí có doanh nghiệp không thu được thuế, do đó sẽ có sự không công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Ngoài ra thông qua thu thuế, nhà nước có nguồn tài chính để thực hiện phân bổ lại của cải xã hội. Ví dụ như xây dựng cơ sở hạ tầng, chi trợ cấp cho người nghèo... nhưng khi thất thu thuế xảy ra thì nhà nước có thể sẽ không có khả năng để thực hiện.

*Bốn là, khuyến khích doanh nghiệp làm giàu chính đáng.*

Chống thất thu thuế tạo môi trường bình đẳng cho các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp cũng như các thành phần khác trong nền kinh tế, phát huy và nâng cao vai trò điều tiết, định hướng kinh tế của nhà nước, góp phần đưa chính sách thuế vào cuộc sống.

Nếu thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng, sẽ xảy ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp, những doanh nghiệp trốn thuế sẽ có lợi thế hơn những doanh nghiệp không trốn thuế. Khi đó còn ảnh hưởng đến kỷ cương xã hội, những doanh nghiệp trốn thuế tìm cách lẩn tránh sự kiểm tra của nhà nước, thậm chí còn tìm cách khác để trốn thuế tiếp, còn các doanh nghiệp trước kia không trốn thuế nhưng thấy doanh nghiệp khác trốn được, có lợi thế trong kinh doanh thì họ tìm cách trốn thuế theo. Việc trốn tránh thuế thu nhập của doanh nghiệp, dù có làm giàu cho doanh nghiệp thì cũng là vi phạm pháp luật.

### **2.3. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

#### **2.3.1. Nội dung chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thất thu thuế nói chung, thất thu thuế TNDN nói riêng thường được xem xét trên hai dạng chủ yếu: thất thu thuế tiềm năng và thất thu thuế thực.

Thất thu thuế tiềm năng là khoản thuế có thể thu nhưng lại không được quy định điều chỉnh trong các Luật thuế. Nguyên nhân chủ yếu của việc thất thu thuế tiềm năng là do chính sách thuế TNDN chưa tính hết diễn biến thực tế của các hoạt động phát sinh trong nền kinh tế, do vậy chưa đưa vào phạm vi điều chỉnh trong các văn bản pháp luật về thuế TNDN. Do đó, chống thất thu thuế tiềm năng được thực hiện bằng việc hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật thuế nhằm đảm bảo chính sách thuế điều tiết một cách đầy đủ các khả năng có thể đánh thuế trong nền kinh tế. Đối với thuế TNDN, chống thất

thu thuế tiềm năng là việc hoàn thiện pháp luật thuế TNDN, đảm bảo quản lý, điều tiết được tất cả các khoản thu nhập đã, đang và sẽ phát sinh trong tất cả quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Thất thu thuế thực là các khoản thất thu thuế phát sinh do người nộp thuế cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thuế. Chính vì vậy, để chống thất thu thuế thực, đòi hỏi việc tổ chức thực hiện pháp luật thuế TNDN, quản lý thu thuế TNDN phải đảm bảo không phát sinh hiện tượng gian lận, trốn thuế, tránh thuế, nợ đọng thuế của người nộp thuế.

Chống thất thu thuế TNDN gồm 2 dạng là chống thất thu thuế TNDN tiềm năng và là chống thất thu thuế TNDN thực. Trong phạm vi luận án, nội dung chống thất thu thuế TNDN được xem xét qua các hoạt động cơ bản sau:

#### ***2.3.1.1. Công tác đăng ký, kê khai thuế***

Quản lý kê khai thuế là hoạt động quản lý nhằm giúp cơ quan thuế nắm bắt toàn bộ tình trạng đăng ký thuế, kê khai thuế của người nộp thuế. Khi kê khai thuế, người nộp thuế căn cứ vào số liệu và tình hình thực tế các hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế để kê khai xác định số tiền thuế phải nộp vào NSNN trong kỳ tính thuế theo quy định của pháp luật. Trong cơ chế tự khai, tự nộp thuế, số thuế phải nộp được người nộp thuế tự xác định và thể hiện trên hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế cũng chính là thời hạn nộp thuế. Do đó, nếu người nộp thuế kê khai và nộp hồ sơ khai thuế chính xác, đầy đủ và đúng thời hạn sẽ góp phần quan trọng hạn chế tình trạng thất thu thuế.

Trên thực tế, không ít người nộp thuế chưa thực sự chấp hành tốt các quy định về kê khai thuế. Khi đó, để hạn chế các gian lận, sai sót trong kê khai thuế, chống thất thu thuế, cơ quan thuế cần đưa ra các biện pháp quản lý hiệu quả đối với hoạt động này.

Quản lý người khai thuế là hoạt động quản lý nhằm nắm bắt thông tin liên quan đến người nộp thuế để phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý thuế

nói chung, công tác chống thất thu thuế nói riêng. Thông qua công tác quản lý người nộp thuế, cơ quan thuế sẽ nắm bắt đầy đủ số lượng người nộp thuế; toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh; quá trình khai thuế, tính thuế, nộp thuế; mức độ tuân thủ thuế... của người nộp thuế để có các biện pháp quản lý hữu hiệu nhất, tránh được tình trạng bỏ sót đối tượng, bỏ sót nguồn thu; phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi gian lận, gây thất thu thuế... đảm bảo số thuế kê khai là đúng, chính xác và phù hợp với hệ thống chính sách thuế cũng như pháp luật có liên quan, hạn chế thất thu thuế.

Quản lý hồ sơ khai thuế để đảm bảo người nộp thuế nộp hồ sơ đầy đủ các loại văn bản, giấy tờ, đúng theo biểu mẫu, thể thức quy định, trong đó thể hiện được các nội dung liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

Quản lý thời hạn kê khai thuế đảm bảo cho người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ khai thuế theo đúng thời hạn quy định, tránh các trường hợp nộp chậm, chây ỳ, gây khó khăn trong quản lý thuế cũng như nợ đọng, thất thu thuế.

+ Quản lý tính chính xác của số liệu kê khai thuế đảm bảo cho các chỉ tiêu kê khai trên hồ sơ khai thuế của người nộp thuế thể hiện đúng thực trạng sản xuất kinh doanh và nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Đây là nội dung quản lý quan trọng, đảm bảo tính tuân thủ của người nộp thuế, chống thất thu thuế hiệu quả nhất.

Trong hoạt động chống thất thu thuế TNDN, để quản lý được tính chính xác của số liệu kê khai trên hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế cần nắm bắt, quản lý được các căn cứ tính thuế.

Căn cứ tính thuế là những yếu tố đã quy định trong pháp luật thuế được sử dụng để xác định số thuế phải nộp. Đối với thuế TNDN, các căn cứ tính thuế chủ yếu là doanh thu tính thu nhập chịu thuế; chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, thu nhập khác, thu nhập được miễn thuế, thuế suất...

Nếu các căn cứ tính thuế này được xác định chính xác, đầy đủ, phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì việc sai sót, gian lận trong thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế sẽ được hạn chế và ngược lại.

Trong chính sách thuế TNDN hiện hành, các quy định về ưu đãi thuế đang được áp dụng cho nhiều đối tượng, bao gồm cả ưu đãi về thuế suất, ưu đãi về miễn giảm thuế có thời hạn. Để chống thất thu thuế TNDN có hiệu quả, trong quản lý các căn cứ tính thuế TNDN, cơ quan thuế cũng cần quản lý tốt các đối tượng, trường hợp ưu đãi thuế TNDN trên hồ sơ khai thuế của người nộp thuế.

Thông thường, ưu đãi thuế TNDN chỉ áp dụng cho những đối tượng nhất định, tuân theo những nguyên tắc nhất định và phải thỏa mãn những điều kiện nhất định. Trong hoạt động quản lý của mình, cơ quan thuế phải đảm bảo việc ưu đãi thuế được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật thuế TNDN, tức là phải đảm bảo ưu đãi thuế theo đúng đối tượng, đúng nguyên tắc, đúng mức độ và đảm bảo các điều kiện ưu đãi đều được thỏa mãn trên cơ sở đúng thực tế, không giả mạo. Muốn vậy, cơ quan thuế phải phổ biến, hướng dẫn, giải thích để người nộp thuế hiểu đúng quy định về ưu đãi thuế; phải kiểm tra xác định đúng thực tế kinh doanh của người nộp thuế xem có đúng đối tượng và trường hợp được hưởng ưu đãi hay không...

### ***2.3.1.2. Công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế***

- Quản lý nợ thuế là việc cơ quan thuế theo dõi, nắm bắt thực trạng nợ thuế và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý và thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi số thuế nợ của người nộp thuế. Mục tiêu của quản lý thu nợ là đảm bảo thu đủ số thuế phải nộp của người nộp thuế vào NSNN theo quy định pháp luật. Do đó, cơ quan thuế thực hiện các công việc sau: Thống kê và nắm đầy đủ, chính xác tình hình nợ thuế; số thuế phải nộp, số thuế đã nộp; phân tích và đánh giá thực trạng nợ thuế thông qua việc phân loại nợ

thuế; thực hiện các biện pháp nhắc nhở, đôn đốc nộp tiền thuế và các khoản khác do cơ quan thuế quản lý. Do mục tiêu của quản lý nợ là đảm bảo thu hồi số thuế nợ nên nội dung này rất quan trọng.

Một nội dung quan trọng trong công tác quản lý nợ là cơ quan thuế thực hiện phân loại nợ thuế, phân chia nợ thuế thành những nhóm khác nhau theo những tiêu chí nhất định. Phân loại nợ thuế là phương pháp quan trọng giúp cơ quan thuế nắm bắt sâu sắc đặc điểm, tính chất, nguyên nhân của các khoản thuế nợ để có biện pháp quản lý, đôn đốc phù hợp. Cơ quan thuế sẽ căn cứ vào nhiều tiêu chí để phân loại nợ thuế như: Thời gian nợ, nội dung nợ, khả năng thu hồi nợ, tính chất nợ, đối tượng nợ, sắc thuế...

- Cường chế nợ thuế thuế là việc cơ quan thuế và các cơ quan bảo vệ pháp luật áp dụng các biện pháp buộc người nộp thuế phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Đây là hoạt động quản lý nhằm mục đích nắm bắt toàn bộ quá trình nộp thuế cũng như nợ thuế TNDN của người nộp thuế để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp dây dưa, nợ đọng thuế TNDN....

Trong quá trình người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuế TNDN vào NSNN, nếu phát sinh trường hợp dây dưa, nợ đọng tiền thuế, cơ quan thuế thực hiện việc quản lý nợ thuế để có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế thất thu thuế TNDN. Quản lý nợ thuế là công việc theo dõi, nắm bắt thực trạng nợ thuế và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý và thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi số thuế nợ của người nộp thuế.

Đối với những người nộp thuế đã được cơ quan thuế triển khai các hoạt động quản lý nợ thuế nêu trên nhưng vẫn còn nợ thuế trong một thời hạn nhất định cũng như chưa thực hiện đầy đủ, kịp thời các quyết định hành chính thuế khác, cơ quan thuế tiến hành thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế để đảm bảo người nộp thuế phải tuân thủ đầy đủ, hạn chế đến mức thấp nhất hiện tượng thất thu thuế. Cưỡng chế thi hành quyết định hành



chính thuế là việc cơ quan thuế và các cơ quan bảo vệ pháp luật áp dụng các biện pháp buộc người nộp thuế phải thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN.

### ***2.3.1.3. Công tác chống chuyển giá***

Chuyển giá là một hành vi do các chủ thể kinh doanh thực hiện nhằm thay đổi giá trị trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong quan hệ với các bên liên kết. Trong nền kinh tế thị trường, khi sự liên kết phối hợp giữa các chủ thể kinh doanh càng chặt chẽ, thì việc xác định lợi ích kinh tế đã vượt ra ngoài phạm vi của một chủ thể riêng lẻ, mà được tính trong lợi ích chung của tập đoàn hay nhóm liên kết.

Hoạt động “chuyển giá” là hoạt động phổ biến xảy ra ở mọi quốc gia, không phân biệt quy mô và trình độ phát triển. Hoạt động chuyển giá xuất hiện trong các hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia và cả những tập đoàn, doanh nghiệp trong nước. Chuyển giá là xu thế tất yếu, được các doanh nghiệp thực hiện bằng cách “thay đổi giá trị trao đổi hàng hoá - dịch vụ trong các quan hệ liên kết nhằm tối thiểu hoá tổng số thuế phải nộp của các đối tác liên kết”.

Các tập đoàn đa quốc gia sử dụng cơ chế "tối ưu hóa tài chính", lợi dụng các “thiên đường” thuế để tránh phải nộp thuế tại nước sở tại. Vì thế chuyển giá gây thất thu ngân sách nhà nước (NSNN), tạo môi trường cạnh tranh không lành mạnh, tạo ra những “giá trị ảo” gây thiệt hại cho doanh nghiệp, là tác nhân dẫn đến tình trạng “nhập siêu”, mang lại những tác động tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế.

Chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN là việc cơ quan chức năng áp dụng các phương pháp, nghiệp vụ phù hợp để hạn chế, tiến tới loại bỏ các hình thức trong hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp có quan hệ liên kết nhằm hạn chế thất thu thuế TNDN.

### ***2.3.1.4. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế***

Thanh tra, kiểm tra thuế là hoạt động của cơ quan thuế nhận xét, đánh

giá về tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế; phát hiện, ngăn chặn và xử lý những hành vi trái pháp luật của người nộp thuế.

Nội dung của công tác thanh tra, kiểm tra đối với người nộp thuế bao gồm: Thanh tra, kiểm tra đăng ký thuế; Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán, sổ sách, chứng từ, hóa đơn; Thanh tra, kiểm tra việc kê khai, tính thuế và nộp thuế.

Trong điều kiện thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp thuế, hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế là một nội dung rất cơ bản trong việc thực hiện các chức năng của cơ quan quản lý thuế. Cơ quan thuế không còn cần thiết trực tiếp vào quá trình kê khai, nộp thuế của người nộp thuế, trừ các trường hợp phát hiện các sai sót, vi phạm hoặc các dấu hiệu không chấp hành Luật thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn để người nộp thuế hiểu rõ và tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế, đồng thời giám sát chặt chẽ việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và thông qua công tác kiểm tra, thanh tra để phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi gian lận, gây thất thu thuế của người nộp thuế. Các hình thức xử lý tương ứng với mức độ vi phạm được thực thi nghiêm minh, công bằng sẽ là công cụ cảnh báo, răn đe rất lớn ngăn ngừa sự tái phạm của người nộp thuế. Do đó, hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế được tiến hành một cách có hiệu quả và sử dụng những hình phạt thích đáng sẽ góp phần rất quan trọng trong việc nâng cao tính tuân thủ, chống thất thu thuế thực.

#### ***2.3.1.5. Đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích của Nhà nước và doanh nghiệp, cá nhân nộp thuế***

Chống thất thu thuế TNDN phải đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích và công bằng xã hội. Mục tiêu của quản lý thuế TNDN là khai thác nguồn thu trên cơ sở phân phối hợp lý thu nhập quốc dân. Do đó, chống thất thu thuế TNDN nhằm đảm bảo bình đẳng về nghĩa vụ đóng góp cho NSNN giữa các doanh nghiệp, doanh nghiệp có thu nhập cao thì nộp thuế TNDN nhiều

và ngược lại. Chống thất thu thuế TNDN nhằm lành mạnh hóa các mối quan hệ kinh tế, đảm bảo phát triển ổn định, vững chắc. Chống thất thu thuế TNDN phải đảm bảo cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, làm ăn có hiệu quả, thực hiện đúng pháp luật thuế TNDN thì được khuyến khích và bảo vệ. Đồng thời tạo ra môi trường tin tưởng cho doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính ổn định trong phát triển kinh tế, đảm bảo sự công bằng giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với NSNN.

Nhà nước phải đảm bảo vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế của mình cũng như tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp làm giàu chính đáng để nộp thuế TNDN cho Nhà nước. Thông qua việc điều chỉnh thuế suất, Nhà nước có thể khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực còn yếu kém, còn lạc hậu, kém phát triển, đẩy mạnh đầu tư khoa học kỹ thuật trong các lĩnh vực. Đồng thời, Nhà nước cũng áp dụng các biện pháp để nhận diện được những thủ đoạn trốn thuế, tránh thuế của người nộp thuế để có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn các hành vi vi phạm, chống thất thu thuế TNDN.

Mối quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp, người nộp thuế là mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Trong đó, Nhà nước là “bà đỡ”, chủ thể chính xây dựng và duy trì “luật chơi”, kiểm tra, giám sát và trọng tài khi xảy ra các xung đột về lợi ích. Ngược lại, doanh nghiệp, người nộp thuế là chủ thể chính tạo ra của cải vật chất cho xã hội, thực hiện sản xuất kinh doanh trên cơ sở thị trường và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Người dân là lực lượng lao động trực tiếp tại các doanh nghiệp, là chủ thể sáng tạo, là lực lượng tiêu dùng chủ yếu của xã hội.

Quan hệ giữa các chủ thể này được biểu hiện tập trung ở quyền và nghĩa vụ của mỗi chủ thể đối với bản thân mình và thể còn lại. Cụ thể, Nhà nước quản lý và tác động đến doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế thông qua hệ thống luật pháp và chính sách kinh tế; tổ chức duy trì hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế; giám sát, làm trọng tài và sử dụng

chế tài buộc doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế ứng xử đúng pháp luật. Doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế tác động trở lại Nhà nước thông qua hai hành vi tích cực và tiêu cực như: đóng thuế cho Nhà nước, xác định giá cả, quy mô thị trường (đầu ra - đầu vào); tạo công ăn việc làm (hoặc sa thải) người lao động, đóng (hoặc trốn đóng) bảo hiểm, trốn thuế, đầu cơ, thao túng thị trường, làm hàng giả, cung ứng hàng không đảm bảo sức khỏe người dân, xả thải ô nhiễm môi trường, tàn phá tài nguyên...

Người nộp thuế thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước theo Hiến pháp và pháp luật, đó là quyền sở hữu tài sản hợp pháp, sở hữu tư liệu sản xuất, quyền được lao động và trở thành người lao động trong các doanh nghiệp và quyền được thụ hưởng xứng đáng với đóng góp của mình. Như vậy, trong mối quan hệ này, Nhà nước kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, thông thoáng; đưa ra các chế tài, kiểm tra, giám sát, định hướng, dẫn dắt doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế hoạt động; doanh nghiệp trên cơ sở định hướng của Nhà nước xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh hiệu quả, tạo công ăn việc làm, tạo ra sản phẩm hàng hóa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; người dân chấp hành pháp luật thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi công dân. Do đó, khi mối quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cá nhân người nộp thuế hợp lý, hài hòa sẽ tạo động lực để các doanh nghiệp huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vào sản xuất - kinh doanh, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; về phía người dân sẽ phấn khởi tham gia sản xuất, học tập nâng cao trình độ, tay nghề, sáng tạo đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp... thúc đẩy đất nước phát triển theo hướng tiến bộ, hiện đại. Ngược lại, khi mối quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân không phù hợp sẽ không tạo động lực để thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp, thậm chí dẫn đến phá sản hàng loạt, còn người dân không phát huy được năng lực, sở

trường để cống hiến..., điều này dẫn đến nền kinh tế đình trệ, không tăng trưởng, bất ổn xã hội gia tăng.

Thu thuế TNDN là làm gia tăng NSNN, nhưng đối với doanh nghiệp, việc nộp thuế TNDN là làm giảm lợi nhuận. Từ góc độ nhà nước, hoạt động chống thất thu thuế TNDN là cần thiết để bảo đảm nguồn thu NSNN không bị thất thoát. Tuy nhiên, từ góc độ doanh nghiệp, luôn tìm cách trốn thuế TNDN để bảo toàn kinh phí mà doanh nghiệp thu được.

Điều này cho thấy, thu - nộp thuế TNDN luôn là 2 trạng thái trái ngược giữa nhà nước và doanh nghiệp. Đó là chưa kể lợi ích của người dân, của xã hội bị ảnh hưởng khi mà cơ quan thuế và doanh nghiệp kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thu - nộp thuế TNDN, khi đó chắc chắn hoạt động của doanh nghiệp bị ảnh hưởng, lợi ích của người dân có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng.

Chính vì mối quan hệ tác động qua lại nên cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của doanh nghiệp, người nộp thuế nhằm bảo đảm điều kiện cho sự phát triển của nền kinh tế.

### **2.3.2. Tiêu chí đánh giá chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Một số tiêu chí để đánh giá mức độ chống thất thu thuế TNDN:

#### **2.3.2.1. Tỷ lệ hoàn thuế, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Hoàn thuế TNDN là hành vi của cơ quan có thẩm quyền thu thuế trả lại số tiền thuế TNDN đã thu của doanh nghiệp trước đó do khoản thuế này bị thu sai hoặc quá mức thuế cần thu so với quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

Mục đích của hoàn thuế là nhằm đảm bảo quyền lợi của các doanh nghiệp, đồng thời, khẳng định tính minh bạch, chính xác của những biện pháp thu thuế của nhà nước.

Hoàn thuế TNDN là việc cơ quan thuế trả lại tiền đã thu thuế thu nhập của doanh nghiệp trước khi tính toán số tiền mà doanh nghiệp phải nộp. Tiêu chí này phản ánh mức độ chủ động thu thuế TNDN của cơ quan thuế.

- Thuế TNDN là một loại thuế mà nhà nước trực tiếp thu vào NSNN tính trên thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp (tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ).

Thuế bị truy thu là các loại thuế chưa được thanh toán một phần hoặc toàn bộ trong năm khi chúng đáo hạn. Việc truy thu thuế là một quyết định hành chính của cơ quan thuế, yêu cầu đối tượng nộp thuế phải nộp phần thuế còn thiếu vào NSNN.

Truy thu thuế được xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, có thể không phải do hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng nộp thuế. Đó có thể như hiểu sai lầm về các khoản trừ nên kê khai nhưng thực tế lại không được tính dẫn tới số thuế đã nộp thấp hơn số thuế cần nộp. Tuy nhiên dù với lý do nào thì các hành động dẫn tới việc nộp thuế không đủ, không đúng thời hạn như trên là do lỗi của doanh nghiệp. Do đó cần truy thu số thuế còn thiếu.

- Số tiền hoàn thuế TNDN hoặc truy thu thuế TNDN càng nhiều chênh lệch so với số tiền thuế TNDN phải nộp vào NSNN càng phản ánh năng lực yếu kém của cơ quan thuế. Ngược lại, số tiền hoàn thuế càng ít chênh lệch so với số tiền thuế TNDN phải nộp vào NSNN càng phản ánh năng lực cao của cơ quan thuế. Tỷ lệ hoàn thuế, truy thu thuế TNDN thể hiện mức độ thu đúng thuế TNDN.

#### ***2.3.2.2. Mức độ nợ đọng thuế thu nhập doanh nghiệp***

Nợ đọng thuế TNDN là khoản thuế TNDN mà cơ quan thuế chưa thu được do doanh nghiệp nợ chưa nộp hoặc không có khả năng nộp.

Nợ đọng thuế TNDN, ngoài nguyên nhân khách quan, tình trạng doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính, mất khả năng thanh toán, ngừng hoạt động, bỏ khỏi địa chỉ kinh doanh, tự giải thể, phá sản và một bộ phận người nộp thuế ý thức chấp hành pháp luật thuế chưa cao và số nợ thuế của nhiều năm trước tồn đọng kéo dài không thu hồi được. Điều này dẫn đến tình trạng cơ

quan thuế không thu đủ số thuế TNDN, đó chính là nợ đọng thuế TNDN. Nợ đọng thuế TNDN ẩn chứa nguy cơ thất thoát thuế TNDN rất cao.

Nợ đọng thuế TNDN gây nhiều hậu quả, đó là việc NSNN không được bổ sung kịp thời, thậm chí có thể gây thất thoát cho NSNN; gây tổn kém NSNN cho cơ quan thuế quản lý; tạo tiền lệ không tốt cho các doanh nghiệp trong việc nộp thuế TNDN. Mức độ nợ đọng thuế TNDN phản ánh tình trạng nền kinh tế; thể hiện hoạt động của doanh nghiệp và sự hiệu quả thu thuế TNDN của cơ quan thuế.

### ***2.3.2.3. Tiến độ thu thuế thu nhập doanh nghiệp***

Tiến độ thu thuế TNDN là nói đến vấn đề thời gian thu thuế, khả năng nộp thuế của doanh nghiệp, là ý thức nộp thuế của doanh nghiệp.

Tiến độ thu thuế TNDN chậm do nhiều nguyên nhân, có thể do doanh nghiệp chây ì, không tích cực nộp thuế; có thể do doanh nghiệp chưa có nguồn để nộp thuế; có thể do cơ quan thuế chậm triển khai thu thuế... Cho dù vì nguyên nhân chủ quan hay nguyên khách quan, việc chậm nộp thuế TNDN cũng làm ảnh hưởng đến kế hoạch thu thuế; thể hiện hiệu quả thu thuế TNDN không cao. Việc chậm nộp thuế TNDN luôn tiềm ẩn nguy cơ thất thu thuế TNDN.

Ngược lại, nếu tiến độ thu thuế TNDN bảo đảm, thể hiện hiệu quả trong việc thu thuế TNDN. Điều này sẽ hạn chế việc thất thu thuế TNDN. Chính vì thế, tiến độ thu thuế TNDN sẽ đánh giá hoạt động chống thất thu thuế TNDN.

### ***2.3.2.4. Tỷ lệ trốn thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế TNDN chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng thu từ thuế cho NSNN. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, đối với thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng, người nộp thuế luôn xác định thiếu hoặc không đúng doanh thu tính thuế TNDN, hoặc hạch toán vào chi phí các khoản chi phí không đúng quy định khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN bằng nhiều hình thức như kê khai các

khoản miễn giảm thuế TNDN không đúng, chuyển giá hoặc kê khai mua bán lỗ, chậm nộp thuế, nợ thuế... Tóm lại là doanh nghiệp luôn tìm cách trốn thuế TNDN nhằm tìm kiếm lợi nhuận, việc trốn thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng cũng chính nhằm tìm kiếm lợi nhuận, nhưng cách tìm kiếm này là tiêu cực, không thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp, không có trách nhiệm với xã hội và nhà nước.

Các hành vi trốn thuế TNDN được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, trốn thuế, gian lận thuế có nhiều hình thức như hành vi liên quan đến nộp hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế; hành vi liên quan đến việc sử dụng hóa đơn giả, bất hợp pháp; hành vi liên quan đến ghi chép không đầy đủ, chính xác nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ sổ kế toán... Dù theo hình thức nào thì đều có điểm chung là giảm tối đa thu nhập chịu thuế so với thu nhập thực tế, làm giảm doanh thu hoặc tăng chi phí hoặc vừa giảm doanh thu vừa tăng chi phí khi kê khai nộp thuế.

Như vậy, tỷ lệ trốn thuế TNDN là tiêu chí phản ánh rõ nét việc thất thu thuế, tỷ lệ trốn thuế càng cao thì tỷ lệ thất thu thuế càng lớn và ngược lại, tỷ lệ trốn thuế thấp thì tỷ lệ thất thu thấp.

### **2.3.3. Nhân tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc chống thất thu thuế TNDN, trong đó đáng chú ý những yếu tố sau:

#### **2.3.3.1. Tình hình kinh tế - xã hội**

Tình hình kinh tế - xã hội ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chống thất thu thuế TNDN. Kinh tế - xã hội phát triển, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và tăng thu nhập, dẫn đến nguồn thu từ thuế TNDN tăng lên. Nền kinh tế càng ổn định và phát triển thì hoạt động sản xuất kinh doanh càng gia tăng, làm tăng khả năng huy động nguồn tài chính cho NSNN thông qua thuế TNDN. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế thấp, sản xuất,



chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong các ngành diễn ra sẽ chậm, tiêu thụ hàng hóa gặp nhiều khó khăn, người lao động không có việc làm, thất nghiệp.... Điều này sẽ giảm nguồn thu từ thuế TNDN.

Kinh tế - xã hội phát triển dẫn đến số lượng doanh nghiệp nhiều hơn, việc thành lập doanh nghiệp dễ dàng, ngành nghề hoạt động phong phú do đó việc quản lý thuế phải bố trí nhiều nhân lực hơn đồng thời phải có các phương pháp quản lý phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự thay đổi hình thức kinh doanh và ngành nghề kinh doanh diễn ra một cách nhanh chóng. Sự thay đổi này một mặt đã thể hiện sự nhanh nhạy trong kinh doanh đáp ứng sự thay đổi của thị trường và kinh doanh có lãi, mặt khác cũng là thách thức lớn đối với ngành thuế trong công tác quản lý thuế đối với lĩnh vực này. Đó là việc phải kịp thời cập nhật thông tin của sự thay đổi đăng ký kinh doanh cũng như các biện pháp quản lý một cách kịp thời đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế TNDN.

Kinh tế - xã hội phát triển sẽ làm cho trình độ dân trí ngày càng cao. Dân trí cao sẽ tác động đến khả năng thu thuế. Trình độ dân trí càng cao thì chất lượng nhân lực quản lý thuế sẽ nâng lên, đồng thời chất lượng nhân sự của doanh nghiệp cũng cao hơn. Mặt khác theo xu hướng, khi xã hội phát triển, dân trí cao thì ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân cũng cao hơn, qua đó việc trốn thuế sẽ giảm. Dù vậy, không có nghĩa dân trí cao sẽ tuyệt đối loại bỏ được hiện tượng trốn thuế ngày càng tinh vi của doanh nghiệp, tuy nhiên đó chỉ là hiện tượng, không phải là xu hướng phát triển.

### ***2.3.3.2. Hệ thống quy định của pháp luật***

Hệ thống quy định của pháp luật là hành lang pháp lý để quản lý thuế. Hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ không chỉ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động, mà còn là yếu tố quan trọng đảm bảo cho công tác quản lý thuế, đồng thời bảo đảm việc thu thuế, qua đó chống thất thu thuế nói chung và TNDN nói riêng.

Việc luật pháp hóa chế độ thuế và các nguồn thu NSNN một mặt bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của các doanh nghiệp được đối xử một cách công bằng; mặt khác bảo đảm nghĩa vụ cũng như quyền lợi của người nộp thuế được xác định công khai.

Trên cơ sở quy định của pháp luật, cơ quan thuế sẽ ban hành và thực hiện các quy trình quản lý thuế, trong đó có các biện pháp chống thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng. Quy trình quản lý thuế nhằm cụ thể hóa từng nội dung, cách thức, trình tự thủ tục, thời gian trong thực thi các nội dung quản lý thuế. Do đó, nếu các quy trình được xây dựng đầy đủ, hợp lý, thuận tiện, với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, dễ kiểm tra, kiểm soát thì việc thực thi sẽ có hiệu quả, hạn chế được các sai sót, gian lận có thể xảy ra và ngược lại. Công tác chống thất thu thuế TNDN đòi hỏi phải có sự phù hợp và hiệu quả của tất cả các quy trình quản lý thuế, trong đó quan trọng nhất là các quy trình liên quan trực tiếp đến người nộp thuế như quy trình tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; quy trình kê khai và kế toán thuế; quy trình quản lý nợ thuế; quy trình cưỡng chế nợ thuế; quy trình kiểm tra thuế; quy trình thanh tra thuế....

Bất cứ một hệ thống chính sách pháp luật nào cũng khó tránh khỏi những bất cập khi áp dụng vào thực tế. Chính sách thuế TNDN đã phát huy tác động tích cực đối với việc thúc đẩy nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên trong thực tế, quá trình thực hiện chính sách thuế TNDN cũng nảy sinh không ít vấn đề chưa phù hợp với những thay đổi phức tạp từ thực tiễn.

Pháp luật về thuế TNDN chưa quy định chi tiết, cụ thể để bao quát hết các khoản thu nhập và mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Các quy định vẫn còn tồn tại nhiều khe hở trong hệ thống pháp luật thuế TNDN. Người nộp thuế là các doanh nghiệp đã lợi dụng những khe hở này để tránh thuế hay làm giảm số thuế phải nộp hoặc thậm chí là trốn thuế.

Mặc khác, trong sự vận động không ngừng của xã hội, một số quy định của pháp luật về thuế TNDN chưa kịp thay đổi để phù hợp với thực tiễn. Đây cũng là một nguyên nhân gây thất thu thuế TNDN.

### ***2.3.3.3. Ý thức người nộp thuế***

Trong thực tiễn, khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh luôn tồn tại một bộ phận người nộp thuế có ý thức chấp hành pháp luật chưa tốt. Đối với người nộp thuế thì số tiền thuế phải nộp thuế là một khoản chi phí. Số tiền thuế càng ít thì lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp càng lớn. Tối đa hóa lợi nhuận sau thuế chính là động cơ để nhiều doanh nghiệp tìm mọi cách giảm số thuế phải nộp hoặc trốn thuế...Vi phạm pháp luật thuế có thể do doanh nghiệp cố tình vi phạm vì lợi ích riêng. Doanh nghiệp có thể làm giảm doanh thu hay làm tăng chi phí hoặc thậm chí lôi kéo cán bộ thuế, hối lộ họ để trốn thuế...

### ***2.3.3.4. Sự phối hợp của các cơ quan liên quan***

Chống thất thu thuế không phải là việc riêng của cơ quan thuế, mà là trách nhiệm của nhiều các cơ quan nhà nước, trong đó cơ quan quản lý thuế là chủ thể chính.

Sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong công tác chống thất thu thuế TNDN rất quan trọng. Công tác chống thất thu thuế TNDN rất cần sự phối hợp của các cấp, các ngành thì mới đạt hiệu quả. Sự phối hợp thể hiện trên các mặt: Phối hợp cung cấp thông tin và trong công tác quản lý thuế; phối hợp trong công tác động viên, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế; phối hợp trong quản lý thu nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế và xử lý vi phạm pháp luật thuế.

Việc chống thất thu thuế TNDN cần sự phối hợp của nhiều cơ quan như: hải quan, ngân hàng thương mại, cảnh sát, quản lý thị trường... Với sự phối hợp chặt chẽ, các cơ quan này có thể trao đổi, đối chiếu số liệu và các dữ kiện liên quan khác, qua đó phát hiện việc doanh nghiệp trốn thuế TNDN.

### **2.3.3.5. Năng lực, phẩm chất đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế**

Đây là yếu tố rất quan trọng mang tính quyết định. Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế càng cao thì hiệu quả chống thất thu càng cao.

Trong điều kiện các doanh nghiệp ngày càng phát triển về quy mô lẫn ngành nghề kinh doanh, đòi hỏi cán bộ, công chức thuế phải nắm chắc nghiệp vụ để kiểm soát, phát hiện kịp thời những sai phạm của doanh nghiệp nhằm tránh thất thoát NSNN. Chính vì thế, phải không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức ngành thuế; bố trí và sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế. Bên cạnh đó, cũng cần chú ý nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức ngành thuế, bởi đạo đức nghề nghiệp rất quan trọng, nó tác động trực tiếp đến hành vi của người cán bộ, công chức. Nếu cán bộ, công chức thuế có bản lĩnh chính trị không vững vàng, suy thoái đạo đức, chạy theo lợi ích vật chất, đồng tiền có thể thực hiện hành vi tiếp tay cho các hiện tượng gian lận để trốn thuế, gây thất thu thuế TNDN.

### **2.3.3.6. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của ngành thuế**

Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của ngành thuế góp phần rất lớn cho việc quản lý thuế, trong đó có chống thất thu thuế, nhất là trong bối cảnh hiện nay khi mà thế giới chuyển đổi số, các quốc gia xây dựng chính phủ số. Vì vậy việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý thuế cũng là yếu tố quan trọng tác động đến chống thất thu thuế TNDN. Việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp người nộp thuế tránh được những sai sót trong quá trình triển khai thuế của mình đồng thời giúp cơ quan thuế có dữ liệu về thuế của người nộp thuế, giúp cơ quan thuế dễ dàng đối chiếu dữ liệu của người nộp thuế nhằm kiểm tra, xác minh những sai phạm của người nộp thuế.

Quản lý thuế trên nền tảng công nghệ thông tin không chỉ giúp cho ngành Thuế giảm được chi phí quản lý mà còn tạo điều kiện cho việc kiểm tra, kiểm soát về thuế TNDN được nhanh chóng và chính xác hơn, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN. Công tác quản lý thuế dựa trên công

nghệ thông tin không chỉ giúp cho cơ quan thuế trong công tác quản lý thuế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân thủ thuế của người nộp thuế. Khi đó, việc thực hiện các nghĩa vụ thuế như đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, miễn giảm thuế, hoàn thuế hay sử dụng hóa đơn chứng từ của doanh nghiệp đều có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, giúp công việc được thực hiện nhanh chóng thuận lợi, chi phí thấp, hạn chế các sai sót phát sinh. Những vấn đề đó sẽ có các tác động nhất định tạo thuận lợi cho hoạt động quản lý thuế nói chung, chống thất thu thuế nói riêng của cơ quan thuế.

## **2.4. KINH NGHIỆM CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

### **2.4.1. Kinh nghiệm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp của một số quốc gia**

Mỗi quốc gia khác nhau sẽ có những phương pháp, cách thức chống thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng. Việt Nam và Trung Quốc là 2 quốc gia láng giềng với CHDCND Lào, có nhiều nét tương đồng về chế độ chính trị. Nhật Bản và Hàn Quốc là 2 quốc gia có nền kinh tế phát triển trong khu vực châu Á. Chính vì thế, việc tham khảo kinh nghiệm chống thất thu thuế TNDN của các quốc gia này sẽ có nhiều giá trị tham khảo đối với CHDCND Lào.

#### ***2.4.1.1. Kinh nghiệm của Việt Nam***

Ở Việt Nam, năm ngân sách được tính theo năm dương lịch, từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12. Trong năm ngân sách, doanh nghiệp có thể bị tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý hoặc năm. Trong một kì tính thuế, doanh thu từ hoạt động kinh doanh phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm tất cả nguồn thu nhập chịu thuế trong một kỳ tính thuế nhân với tỷ lệ thuế suất doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế là đối tượng điều tiết của thuế

thu nhập doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và thu nhập khác. Trong một số trường hợp nhất định, doanh nghiệp có thể được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN:

- Doanh nghiệp đăng ký và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường; dịch vụ nông nghiệp và quỹ tín dụng nhân dân.

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư tại vùng khó khăn hoặc đặc biệt về kinh tế - xã hội, vùng nằm trong khu kinh tế hoặc khu công nghệ cao; tham gia vào ngành nghề công nghệ cao hoặc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc sản xuất sản phẩm phần mềm; có đầu tư vào cơ sở hạ tầng của Nhà nước mang tính quan trọng.

Để chống thất thu thuế TNDN, Việt Nam đã thực hiện một số biện pháp, cụ thể:

*Một là*, xây dựng, ban hành hệ thống quy định về thuế, tạo hành lang pháp lý để quản lý thuế, qua đó khắc phục tình trạng trốn thuế, tránh thuế do thiếu cơ sở pháp lý. Hệ thống quy định về thuế có thể kể đến: Luật quản lý thuế năm 2019; Nghị định 126/2020/NĐ-CP chi tiết Luật 38/2019/QH14 về quản lý thuế; Nghị định 100/2016/NĐ-CP về thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, quản lý thuế; Nghị định 129/2013/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế thi hành thuế; Nghị định 125/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn; Nghị định 132/2020/NĐ-CP về Quản lý thuế với doanh nghiệp có giao dịch liên kết; Thông tư 110/2015/TT-BTC về giao dịch điện tử lĩnh vực thuế; Thông tư 201/2013/TT-BTC về thỏa thuận phương pháp xác định giá tính thuế (APA); Thông tư 92/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh và sửa đổi các thông tư thuế; Thông tư 184/2015/TT-BTC về kê khai, bảo lãnh tiền thuế, thu nộp thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, phí, thu khác với hàng hóa, phương tiện xuất nhập khẩu, quá cảnh; Thông tư 204/2015/TT-BTC về áp dụng quản lý rủi ro

trong quản lý thuế; Thông tư 95/2016/TT- BTC về hướng dẫn đăng ký thuế; Quyết định 746/2015/QĐ-TCT về quy trình kiểm tra thuế; Quyết định 1403/2015/QĐ-TCT về quy trình kiểm tra hóa đơn...

*Hai là*, chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN. Ở Việt Nam, hoạt động chuyển giá đã và đang diễn ra, gây tổn hại không nhỏ cho nền kinh tế. Việc chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thể hiện qua nhiều hình thức như: chuyển giá thông qua việc chi trả lãi vay; chuyển giá thông qua hình thức nâng cao giá trị tài sản khi thành lập hoặc góp vốn đầu tư; chuyển giá bằng cách nâng khống giá trị tài sản cố định đầu tư ban đầu; chuyển giá qua tính phí bản quyền thương mại; chuyển giá qua nguyên vật liệu đầu vào; chuyển giá từ doanh nghiệp hết ưu đãi thuế, sang doanh nghiệp ưu đãi thuế TNDN; mua hóa đơn khống để che giấu doanh thu... [16].

Chuyển giá đã được các nhà hoạch định chính sách tài chính Việt Nam xác định là một vấn đề cần được quan tâm quản lý khi mà ngày càng xuất hiện nhiều dấu hiệu chuyển giá trong giao dịch có yếu tố nước ngoài. Văn bản pháp lý đầu tiên đề cập đến chuyển giá là Thông tư 74/1997/TT-BTC ngày 20/10/1997 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về thuế đối với nhà đầu tư nước ngoài. Mới đây, ngày 5/11/2020, Chính phủ Việt Nam hành Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

Với những quy định, buộc các doanh nghiệp khi thực hiện các quan hệ giao dịch liên kết, phải kê khai và có nghĩa vụ xuất trình đầy đủ các thông tin, tài liệu và chứng từ, để chứng minh cho việc lựa chọn và áp dụng phương pháp xác định giá trong giao dịch liên kết là phù hợp với giá thị trường. Đồng thời, cũng đã giao cho cơ quan thuế có quyền ấn định mức giá được sử dụng để kê khai tính thuế, ấn định thu nhập chịu thuế hoặc số thuế TNDN phải nộp.

*Ba là*, không thu thuế doanh nghiệp bằng tiền mặt. Từ ngày 01/12/2015, Việt Nam dừng việc thu thuế doanh nghiệp bằng tiền mặt. Điều

này thúc đẩy nhanh quá trình luân chuyển hàng hóa, tăng tốc độ luân chuyển vốn trong nền kinh tế, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành trôi chảy, nhịp nhàng; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh và giảm chi phí trong thu chi tiền mặt.

Các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt đều được thực hiện thông qua các ngân hàng, do đó, góp phần giúp ngân hàng trung ương thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ kiểm soát nạn “rửa tiền”, kiểm soát hoạt động của các đơn vị kinh tế một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời đưa ra các giải pháp giúp nền kinh tế tăng trưởng tốt và bền vững.

Thanh toán không dùng tiền mặt cũng tham gia góp phần chống thất thu thuế. Khi doanh nghiệp tham gia thanh toán thông qua ngân hàng thì tất cả các khoản thu nhập hay chi phí đều được thực hiện trên tài khoản ngân hàng. Do đó, việc tính thuế và thu thuế sẽ được tiến hành chính xác và nhanh chóng hơn so với khi thanh toán bằng tiền mặt.

*Bốn là*, phát hành hóa đơn điện tử. Hóa đơn điện tử có rất nhiều ưu điểm: tiết kiệm chi phí, tài nguyên, nguồn lực và bảo vệ môi trường; óp phần chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, phương thức quản lý, tổ chức thực hiện của cơ quan thuế; tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp....

Việt Nam đã ban hành Nghị định 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020 về hóa đơn, chứng từ. Theo đó, quy định bảo quản, lưu trữ hóa đơn điện tử; chuyển đổi hóa đơn điện tử thành hóa đơn giấy; tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử... để làm cơ sở cho việc phát hành, quản lý hóa đơn điện tử.

*Năm là*, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thuế. Cơ quan thuế Việt Nam đã thiết lập nhiều kênh hợp tác song phương với nhiều cơ quan thuế trên thế giới như: Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan... Qua các chương trình hợp tác, cơ quan thuế Việt Nam đã tổ chức



thành công các hội thảo với hỗ trợ của các chuyên gia quốc tế, nhằm trao đổi kinh nghiệm quản lý thuế cho cán bộ, công chức ngành thuế [7].

Bên cạnh việc hợp tác song phương với từng cơ quan thuế các nước, cơ quan thuế. Việt Nam đã gia nhập các diễn đàn khu vực và thế giới để cùng nhau nâng cao năng lực quản lý thuế. Năm 2003, Việt Nam đã gia nhập Hiệp hội nghiên cứu và quản lý thuế các nước châu Á - Thái Bình Dương (SGATAR), đến nay đã có 18 nước thành viên.

Việt Nam hợp tác với rất nhiều tổ chức quốc tế trên thế giới như Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)... Các tổ chức này đã hỗ trợ cơ quan thuế Việt Nam trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Trên tinh thần hợp tác sâu rộng, cơ quan thuế Việt Nam đã chủ động liên hệ với các tổ chức quốc tế xây dựng các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực mới cần được tư vấn và học hỏi kinh nghiệm.

#### ***2.4.1.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc***

Nền kinh tế của Trung Quốc là nền kinh tế đang phát triển định hướng thị trường kết hợp kinh tế kế hoạch thông qua các chính sách công nghiệp và chiến lược kế hoạch 5 năm. Kinh tế Trung Quốc chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn sở hữu hỗn hợp, mặc dù vậy khu vực tư nhân và các doanh nghiệp nước ngoài vẫn có điều kiện thuận lợi để phát triển.

Trung Quốc thực hiện nhiều biện pháp để chống thất thu thuế TNDN:

*Một là*, thực hiện chống chuyển giá. Các quy định về chống chuyển giá của Trung Quốc được xây dựng trên căn bản dựa theo các hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Theo OECD, ra các biện pháp chống chuyển giá thông qua các phương pháp tính giá chuyển giao, cụ thể: Phương pháp định giá chuyển giao trên cơ sở giá tự do có thể so sánh được;

Phương pháp giá bán lại; Phương pháp giá cộng lãi; Phương pháp chiết tách lợi nhuận; Phương pháp lợi nhuận ròng của nghiệp vụ chuyển giao [14].

Trung Quốc được OECD hướng dẫn dựa trên nguyên tắc “định giá công bằng”, trong việc kiểm soát giao dịch giữa hai công ty ở hai nước khác nhau, hai cơ quan thuế có thể thống nhất cách áp giá giao dịch để tránh bị đánh thuế hai lần. Khi đó, mỗi bên sẽ được chia một phần lợi nhuận. Cơ quan thuế Trung Quốc đã tham khảo các ý kiến tư vấn của chuyên gia Châu Âu và Hoa Kỳ khi xây dựng luật chống chuyển giá vào năm 1998.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng tăng cường các công cụ như công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu để hỗ trợ cho công tác chống tránh thuế, gia tăng huấn luyện cho các chuyên gia chống tránh thuế bao gồm cả đào tạo ngắn hạn và dài hạn, cả đào tạo trong nước và nước ngoài, tuyển dụng thêm sinh viên tốt nghiệp đại học các ngành liên quan để bổ sung thêm vào lực lượng chống trốn, tránh thuế; thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm đối với các doanh nghiệp có quan hệ liên kết, có dấu hiệu chuyển giá.

*Hai là*, kiểm toán thuế chặt chẽ. Hoạt động kiểm toán thuế của Cơ quan kiểm toán tối cao Trung Quốc dựa trên Luật thuế do Quốc hội thông qua; các quy định và quy tắc liên quan đến thuế và tài chính công do Chính phủ ban hành; hệ thống chính sách tài chính, thuế được Bộ Tài chính và Cục Thuế nhà nước áp dụng; các quy định, quy tắc thuế địa phương được thực hiện theo luật pháp và các bộ phận tài chính, thuế trong phạm vi quyền hạn của từng địa phương [6].

Trên cơ sở pháp lý chặt chẽ và đồng bộ, Cơ quan kiểm toán tối cao Trung Quốc đánh giá việc tuân thủ luật pháp và quy định của Nhà nước tại địa phương, đánh giá việc thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước và sự phối hợp của các nền kinh tế địa phương. Cơ quan kiểm toán tối cao Trung Quốc kiểm toán thuế trên hai khía cạnh chủ yếu: Xem xét các trường hợp không tuân thủ luật pháp và chính sách thuế; kiểm tra đối tượng

nộp thuế chính, đồng thời đánh giá việc thực thi luật pháp, quy định và chính sách của cơ quan thu thuế trong việc thu và miễn, giảm thuế, đặc biệt chú ý đến các trường hợp lạm dụng thẩm quyền và vi phạm quy định.

Với mục tiêu kiểm toán thuế như trên, báo cáo kiểm toán thuế của Cơ quan kiểm toán tối cao Trung Quốc gồm ba phần: một là, đánh giá việc thực hiện chính sách thuế của Nhà nước, tình trạng thu, quản lý thuế và việc thực hiện kế hoạch thuế của đơn vị; hai là, các trường hợp chính của việc không tuân thủ về thu thuế và kết luận kiểm toán; ba là, đánh giá, khuyến nghị về tăng cường thu thuế và quản lý các vấn đề trong chính sách thuế, thu và quản lý thuế.

*Ba là*, giảm thuế giá trị gia tăng. Liên quan đến thuế giá trị gia tăng, thông thường các nước áp dụng thuế giá trị gia tăng hàng xuất khẩu dựa trên đích đến cuối cùng của hàng hóa nhưng Trung Quốc lại cho giảm thuế giá trị gia tăng một phần, nhằm hạn chế hành vi trốn thuế thông qua các hoạt động thương mại trung gian với hình thức khai báo sai trị giá hàng hóa xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài. Điều này có nghĩa, đối với hàng xuất khẩu trong trường hợp một phần lô hàng được miễn thuế giá trị gia tăng thì số hàng còn lại sẽ bị tính thuế xuất khẩu và được tính theo giá xuất khẩu của doanh nghiệp sản xuất, mà không tính đến giá thu mua trong nước đối với nhà xuất khẩu gián tiếp (công ty thương mại).

#### ***2.4.1.3. Kinh nghiệm của Hàn Quốc***

Kinh tế Hàn Quốc được đặc trưng bởi những tập đoàn sở hữu bởi các gia đình giàu có. Các doanh nghiệp Hàn Quốc phát triển rất mạnh, do đó việc chống thất thu thuế TNDN của cơ quan quản lý thuế Hàn Quốc cũng rất được quan tâm. Một số biện pháp chống thất thu thuế TNDN của Hàn Quốc đó là:

*Một là*, củng cố chế nộp thuế. Tại Hàn Quốc, việc củng cố thi hành quyết định hành chính thuế được quy định tại luật thu thuế. Trong trường hợp

có cưỡng chế thi hành người thứ ba giữ tài sản của doanh nghiệp thì khi cơ quan thuế đã đưa ra các chứng cứ chứng minh người nộp thuế đã tẩu tán tài sản cho người thứ ba thì cơ quan thuế sẽ tiến hành khởi kiện thu lại tài sản hoặc thu hồi lại bằng tiền từ người thứ ba để trả nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế bị cưỡng chế.

Hàn Quốc thông qua tăng cường trao đổi thông tin trong khuôn khổ các hiệp ước thuế, nước này đã đưa ra báo cáo tài khoản tài chính đối ngoại nhằm ngăn chặn các hành vi trốn thuế và quản lý chặt chẽ nguồn thu nhập được chuyển ra nước ngoài. Ngoài ra, Hàn Quốc còn bắt buộc các doanh nghiệp hoặc cá nhân trong nước báo cáo các tài khoản nước ngoài có trị giá cao hơn 1 tỷ won cho Cơ quan dịch vụ thuế quốc gia (NTS); nếu không khai báo sẽ bị phạt 10% tổng số tiền không khai báo.

*Hai là, chống chuyển giá.* Các tổ chức, cá nhân có các giao dịch quốc tế phải báo cáo giá chuyển nhượng khi nộp hồ sơ kê khai thuế, tuy nhiên để đạt được sự chắc chắn trong phương pháp định giá chuyển nhượng, các tổ chức cá nhân có thể áp dụng một thỏa thuận trước khi xác định giá với cơ quan thuế và để sát thực của thông tin, cơ quan thuế cũng có bộ phận thẩm định giá để kiểm tra tính xác thực của giá chuyển giao được kê khai trong các báo cáo, trong đó các thông tin của bộ phận thẩm định giá được lấy từ kho cơ sở dữ liệu thương mại và sự phối hợp thông tin với các nước khác [14].

Đối với hoạt động điều tra, đấu tranh phòng chống các hoạt động tránh thuế của các doanh nghiệp có tài khoản ở nước ngoài, Hàn Quốc tập trung vào các tập đoàn lớn, các doanh nghiệp bị nghi ngờ và có dấu hiệu giao dịch phi pháp với đối tác nước ngoài hoặc các nhà tài phiệt có dấu hiệu được thừa kế, quà tặng với mục đích tránh thuế. Để hỗ trợ cho hoạt động này, Chính phủ Hàn Quốc đã sửa đổi Luật Cơ quan tình báo tài chính để phát hiện, đưa ra biện pháp xử lý, hoặc thông báo cho cơ quan điều tra các hoạt động tài chính bất hợp pháp như rửa tiền. Ngoài ra, Hàn Quốc còn thực hiện cải cách hướng

tới ngăn chặn những đánh giá, thẩm định không chính xác về thuế, cũng như hạn chế những tranh chấp không đáng có.

*Ba là*, kiểm toán thuế. Ủy ban Kiểm toán và Thanh tra Hàn Quốc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý thanh tra, kiểm toán điện tử đồng bộ và liên kết với các hệ thống thông tin khác của Chính phủ Hàn Quốc. Từ đó, Ủy ban Kiểm toán và Thanh tra có thể chủ động và thường xuyên thu thập, cập nhật, khai thác thông tin, dữ liệu trong phạm vi chức năng của từng bộ, ngành.

Hiện nay, Ủy ban Kiểm toán và Thanh tra đang sử dụng phần mềm U-check để hỗ trợ kiểm toán viên trong quá trình thanh tra, đối chiếu mã số công dân trong các hồ sơ giao dịch điện tử để phục vụ kiểm toán về thuế thu nhập cá nhân và lĩnh vực an sinh xã hội.

Hơn nữa, Ủy ban Kiểm toán và Thanh tra cũng có quyền tiếp cận và thu thập thông tin ở mức rất cao thông qua quy định của Luật về Ủy ban Kiểm toán và Thanh tra Hàn Quốc. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm toán thuế của Ủy ban Kiểm toán và Thanh tra.

*Bốn là*, quản lý chặt thương mại điện tử. Hàn Quốc có Trung tâm chống trốn thuế công nghệ cao thuộc Cục thuế vùng Seoul nhằm thực hiện điều tra các trường hợp trốn thuế đối với hoạt động thương mại điện tử. Trung tâm này các cán bộ có trình độ chuyên môn về thuế và các cán bộ thông tin có trình độ cao. Tại các cục thuế vùng còn lại có các cán bộ công nghệ thông tin chuyên trách hỗ trợ. Trung tâm chống trốn thuế công nghệ cao có nhiệm vụ phát hiện các trường hợp trốn thuế và thu thập chứng cứ để đấu tranh yêu cầu người nộp thuế phải thực hiện nghĩa vụ thuế [35].

Bằng các biện pháp nghiệp vụ như kiểm tra số tài khoản được công bố trên trang web, thử đặt hàng rồi thực hiện xác minh giao dịch để kiểm tra độ chính xác của việc khai báo doanh thu, cơ quan thuế Hàn Quốc đã phát hiện một số doanh nghiệp thương mại điện tử gian lận khi kê khai doanh thu.

*Năm là*, chống gian lận thương mại và thất thu thuế nhập khẩu. Việc chống gian lận thương mại và thất thu thuế xuất nhập khẩu của Hải quan Hàn Quốc hầu hết được thực hiện thống nhất, trong đó đội ngũ cán bộ, nhân viên của Hải quan Hàn Quốc đều được đào tạo kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về chống gian lận thương mại và chống thất thu thuế, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn về kinh tế, kiểm toán. Hoạt động nghiệp vụ về chống gian lận thương mại và thất thu thuế hàng hóa xuất nhập khẩu được xác định là nhiệm vụ quan trọng của Hải quan khi thực hiện thủ tục thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. Việc tổ chức có đơn vị chuyên trách với các chuyên viên được đào tạo cơ bản về chống gian lận thương mại và thất thu thuế xuất nhập khẩu là kinh nghiệm rất tốt trong việc thực hiện nhiệm vụ phân loại chính xác và thống nhất hàng hóa xuất nhập khẩu.

Đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, tất cả các loại hàng hóa xuất nhập khẩu phải chịu thuế, nộp thuế trước khi thông quan hàng hóa hoặc phải có ký quỹ, bảo lãnh nộp thuế và được sự chấp thuận của cơ quan hải quan. Quá thời hạn cho phép ký quỹ, bảo lãnh, nếu tổ chức đứng ra ký quỹ, bảo lãnh chưa nộp thuế thì phải nộp một khoản tiền phạt nhất định theo cam kết, cùng với số thuế phải nộp.

Hàn Quốc áp dụng các biện pháp ký quỹ, bảo lãnh và cưỡng chế thuế đối với người nộp thuế để hạn chế các trường hợp thất thu thuế nhập khẩu. Việc ký quỹ, bảo lãnh nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phải có sự chấp thuận của cơ quan hải quan, quá thời hạn cho phép ký quỹ, bảo lãnh nộp thuế, nếu tổ chức đứng ra ký quỹ, bảo lãnh chưa nộp thuế thì phải nộp một khoản tiền phạt nhất định theo cam kết, cùng với số thuế phải nộp.

#### **2.4.1.4. Kinh nghiệm của Nhật Bản**

Kinh tế Nhật Bản là một nền kinh tế thị trường tự do phát triển, là nền kinh tế lớn thứ ba trên thế giới. Nhật Bản là quốc gia phát triển mạnh về sản xuất ô tô và ngành công nghiệp sản xuất hàng điện tử lớn nhất thế giới. Các doanh nghiệp Nhật Bản trở thành các tập đoàn quốc tế.

Chính phủ, Bộ Tài chính Nhật không giao dự toán thu thuế cho Tổng cục thuế. Hệ thống ngành thuế sắp xếp theo khu vực, không chịu ảnh hưởng theo địa giới hành chính. Để chống thất thu thuế TNDN, Nhật Bản thực hiện một số biện pháp:

*Một là*, về chống chuyển giá. Để hạn chế tối đa những rủi ro về chuyển nhượng giá, nhà nước đã ký các hiệp định với các nước để phối hợp quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh của các công ty đa quốc gia, đồng thời đã sớm ban hành luật về chuyển giá, xác định rõ các loại hình doanh nghiệp có quan hệ liên kết và có khả năng cao thực hiện chuyển giá; thiết lập chế tài bắt buộc doanh nghiệp phải cung cấp tài liệu và xuất trình cho cơ quan thuế về các thông tin liên quan đến quan hệ liên kết, các biện pháp xác định giá chuyển giao mà doanh nghiệp đang áp dụng, kê khai số tiền giao dịch, thu nhập [14].

Về phương pháp xác định giá chuyển giao được dựa trên kinh nghiệm thực tế và các phương pháp của OECD, gồm có: Phương pháp so sánh giá thị trường tự do; phương pháp dựa vào giá bán ra; phương pháp cộng chi phí vào giá vốn; phương pháp phân chia lợi nhuận; phương pháp lợi nhuận ròng.

Để ngăn chặn các hành vi trốn thuế, Nhật Bản đã triển khai mở rộng cơ sở thuế TNDN nhằm chống chuyển giá, chống chuyển lợi nhuận đối với các tập đoàn kinh doanh đa quốc gia. Theo đó, ngoài việc tiến hành giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25,5% năm 2015 xuống còn 23,9% năm 2016; 23,4% năm 2017 và 23,2% vào năm 2018, Chính phủ Nhật Bản đã mở rộng cơ sở thuế, bao gồm đơn giản hóa hệ thống thuế đối với khấu hao và giảm ngưỡng tối đa của các khoản lỗ được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế.

Tổng cục Thuế Nhật Bản đã tập trung lực lượng thực hiện việc thanh tra, trong đó yêu cầu doanh nghiệp thu thập, kê khai các thông tin về giá giao dịch và gửi về cho cơ quan thuế; qua kiểm tra, nếu phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro, cơ quan thuế sẽ trực tiếp kiểm tra, thanh tra tại doanh nghiệp,

tùy theo mức độ phức tạp của các quan hệ liên kết mà có thể tiến hành kiểm tra cả các bên thứ ba có liên quan tới các giao dịch như ngân hàng, đại lý thuế, các bên mua, bán hàng hóa.

*Hai là*, quản lý chặt chẽ thương mại điện tử. Theo đánh giá của cơ quan thuế Nhật Bản, các giao dịch thương mại điện tử dù được thực hiện một phần, hay toàn bộ qua mạng internet thì đều có những đặc điểm như tính nặc danh cao, dễ dàng thực hiện, phạm vi rộng, dữ liệu được mã hóa dưới định dạng số và được bảo mật... Để xử lý các vấn đề này, hạn chế gian lận, chống thất thu thuế, cơ quan thuế Nhật Bản đã thực hiện các biện pháp như: Yêu cầu các ngân hàng cung cấp các số tài khoản được sử dụng để thanh toán các giao dịch thương mại điện tử nhằm nhận diện các nhà cung cấp dịch vụ thương mại điện tử [35].

Thực hiện mua sắm thử để nhận thư điện tử từ người bán và để nhận diện họ. Đây là một trong những cách thức, phương pháp để nhận diện các nhà cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.

Sử dụng phần mềm khôi phục dữ liệu để khôi phục lại dữ liệu trên các thiết bị từ tính, hoặc các đĩa cứng của các máy tính cá nhân nhằm nhận diện và khôi phục dữ liệu để tính các khoản thu nhập và để chuẩn bị trong trường hợp khiếu kiện sau này. Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu thu thập từ các nhà cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, phát triển hệ thống dò tìm tự động trên mạng internet để thu thập thông tin từ các trang web...

Nhật Bản thành lập một Tổ chuyên trách về thương mại điện tử. Thành phần nhân viên tổ thương mại điện tử bao gồm các nhóm phát triển thương mại điện tử và nhóm thanh tra thương mại điện tử dưới sự chỉ đạo của chánh thanh tra phòng thuế phụ trách giao dịch thương mại điện tử...

Bên cạnh đó, các cán bộ trong các tổ thương mại điện tử thường xuyên được tham gia các cuộc đào tạo, bao gồm lớp đào tạo chung cho các nhân viên về phương pháp thanh tra công nghệ thông tin, phần mềm kế toán tài



chính, giám sát hệ thống an ninh mạng; lớp đào tạo riêng cho cán bộ phụ trách thương mại điện tử được tập huấn, bồi dưỡng về các vấn đề về máy chủ, cơ sở dữ liệu, các phần mềm tin học văn phòng.

#### **2.4.2. Giá trị tham khảo đối với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp**

Qua nghiên cứu kinh nghiệm chống thất thu thuế TNDN của một số quốc gia trên thế giới, có thể rút ra một số giá trị tham khảo đối với CHDCND Lào như sau:

*Một là*, cần hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về thuế TNDN theo hướng đầy đủ, rõ ràng, cụ thể.

Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về kinh tế, chuẩn bị sẵn sàng cho việc tiếp nhận đầu tư nước ngoài phục vụ cho việc phát triển kinh tế đất nước. Phải đảm bảo pháp luật kinh tế bắt kịp với sự phát triển kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển nhưng đồng thời phải ngăn chặn các hành vi gây tiêu cực cho nền kinh tế; bên cạnh việc tăng cường tính cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư thì cũng phải chọn lọc các đối tác đầu tư, lựa chọn các dự án đầu tư nhằm mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cao.

Nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến quản lý thuế phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và xu thế của các nước trong khu vực và trên thế giới. Luật thuế, luật quản lý thuế phải đảm bảo các mục tiêu là đảm bảo tính công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ thuế đối với các thành phần kinh tế, đảm bảo nguồn thu thuế và đồng thời phải đảm bảo thu hút đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, cần sớm hoàn thiện quy định về thương mại điện tử, đảm bảo việc triển khai đồng bộ, nhất quán, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý thuế, tránh thất thoát thuế TNDN. Đồng thời, cần triển khai áp dụng hóa đơn điện tử, nhanh chóng xây dựng các văn bản hướng dẫn, các biểu mẫu áp dụng. Để triển khai hóa đơn điện tử, trước hết tập trung vào

nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ là nhóm người nộp thuế có rủi ro cao về thuế. Một mặt tăng cường kiểm tra, kiểm soát đối với nhóm doanh nghiệp này. Mặt khác, hỗ trợ để nhóm doanh nghiệp này chấp hành đầy đủ nghĩa vụ thuế.

Quy định việc các ngân hàng thương mại có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, nhằm tạo ra thể “chủ động” trong việc truy, thu thuế, điều mà vốn chưa được thực hiện hiệu quả trong thời gian qua. Tuy nhiên, cần ban hành các hướng dẫn cụ thể đảm bảo việc thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của các ngân hàng thương mại phù hợp với quy định của pháp luật, nhất là phù hợp với thông lệ quốc tế.

Cần tiếp cận theo thông lệ quốc tế để xây dựng các quy định về chống chuyển giá theo các phương pháp và nguyên tắc phân tích so sánh giá để đảm bảo quy chuẩn các giao dịch liên kết và giao dịch độc lập về cùng điều kiện tương đương nhau; đưa vào nội luật các quy định yêu cầu người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết phải thực hiện xác định giá tương đương với giá trong giao dịch giữa các bên độc lập; việc điều tra phát hiện các hành vi chuyển giá có mục đích trốn thuế phải được xử phạt nghiêm minh, có sức răn đe, kể cả biện pháp kinh tế và biện pháp hành chính; hoàn thiện các quy trình, quy định về thanh tra đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

*Hai là*, coi trọng công tác tuyên truyền cho các đối tượng nộp thuế nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người nộp thuế.

Cần phát huy vai trò của công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, các hoạt động tuyên truyền phải được tiến hành dưới nhiều hình thức phong phú với phương châm phục vụ khách hàng tốt nhất; tiến hành các chiến dịch tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các doanh nghiệp nắm bắt kịp thời chính sách, pháp luật về thuế; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế. Ngoài ra, nên vận dụng việc lồng ghép đào tạo, phổ biến pháp luật về thuế, hỗ trợ người nộp thuế... Đồng

thời tuyên truyền các biện pháp và chế tài xử lý vi phạm để tạo tính răn đe đối với các đối tượng không tuân thủ quy định.

*Ba là*, triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế thu nợ thuế TNDN theo đúng quy định pháp luật.

Công tác thu nợ thuế TNDN được thực hiện hiệu quả theo phương pháp quản lý rủi ro với các tiêu chí tuân thủ về thời gian kê khai, mức nợ thuế, mức thuế năm trước... Quy định nộp dần tiền thuế có tính lãi chậm nộp trong thời gian nộp chậm đối với trường hợp người nộp thuế không có đủ khả năng nộp tiền thuế một lần do gặp khó khăn tài chính trong ngắn hạn vừa nhằm có thể thu được thuế đồng thời thể hiện được quan điểm Nhà nước giúp đỡ doanh nghiệp có thể vượt qua được giai đoạn khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện phân loại các khoản nợ thuế đầy đủ, chính xác để có biện pháp đôn đốc phù hợp; tập trung thu dứt điểm các khoản nợ cũ và không chế nợ mới phát sinh; đẩy mạnh việc công khai những trường hợp nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng....

Đồng thời, việc quy định và thực thi các biện pháp cưỡng chế có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả, hiệu lực quản lý thuế, đến phòng, chống thất thu thuế TNDN. Tùy theo tình hình cụ thể mà luật pháp các nước có thể quy định các biện pháp khác nhau, quyền hạn của cơ quan thuế trong việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế có thể không hoàn toàn giống nhau. Nếu giao quyền tự quyết cho cơ quan thuế được áp dụng biện pháp thích hợp trong các trường hợp cần thiết nhằm đối phó kịp thời với người nộp thuế đang có dấu hiệu bỏ trốn hoặc tẩu tán tài sản thì sẽ tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế. Các biện pháp thu nợ thuế mạnh mẽ như: Tịch biên tài sản hoặc thực hiện tố tụng chỉ áp dụng trong những trường hợp thật sự cần thiết; có thể thỏa thuận trả dần các khoản nợ.

*Bốn là*, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế.

Chuẩn bị nguồn nhân lực với chất lượng cao, tổ chức bồi dưỡng về trình độ chuyên môn trong quản lý đối với doanh nghiệp nhằm phục vụ cho

việc quản lý thuế, bảo đảm tránh thất thu thuế TNDN. Các cơ quan quản lý kinh tế, nhất là cơ quan thuế và hải quan cần học hỏi kinh nghiệm quốc tế để thực hiện chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho công chức thuế.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn các kỹ năng khai thác, tìm kiếm, truy tìm và thu thập thông tin trên mạng internet cho các cán bộ ngành Thuế nhằm nhận diện doanh nghiệp không tuân thủ, thu thập thông tin trực tiếp phục vụ thanh tra, kiểm tra người nộp thuế.

Bên cạnh nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức ngành thuế, cần chú trọng giáo dục, bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp để mỗi cán bộ, công chức có trách nhiệm, tự trọng nghề nghiệp cao hơn. Từ đó, mỗi cán bộ, công chức ngành thuế tự điều chỉnh hành vi, hạn chế hành vi tiêu cực, những nhiễu trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

*Năm là*, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát chống thất thu thuế.

Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cơ quan thuế xử lý khối lượng thông tin về người nộp thuế và quản lý thuế lớn, góp phần tạo lập được kho cơ sở dữ liệu về quản lý thuế, đồng thời cũng đã hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, điều hành của cơ quan; hỗ trợ người nộp thuế giảm thủ tục khai, nộp thuế, tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện nghĩa vụ thuế cho người dân và doanh nghiệp. Công chức thuế làm việc tại các bộ phận chức năng thực hiện khai thác, xử lý thông tin trên ứng dụng theo quyền truy cập để giải quyết công việc đảm bảo nhanh gọn, việc cập nhật dữ liệu chỉ phải nhập ở một bộ phận và kết suất ra nhiều loại báo cáo, sổ sách để các bộ phận khác khai thác dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác phục vụ tốt cho việc xử lý và điều hành công việc của đơn vị, tạo ra tác phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại. đã sử dụng ứng dụng để khai thác thông tin phục vụ trực tiếp các nhiệm vụ được giao theo đúng các quy trình nghiệp vụ chức năng.

Để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát chống thất thu thuế, cần chú trọng việc xây dựng cơ sở dữ liệu trong quản lý thuế, nhất là cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp để có thể tham chiếu, so sánh khi xác minh về các chính sách thuế của các nước. Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... để xây dựng kho dữ liệu của cơ quan thuế trên cơ sở kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành chức năng, tích hợp thông tin từ các trang mạng xã hội, các website bán hàng, các sàn giao dịch trực tuyến để đảm bảo có đầy đủ thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý.

Bên cạnh đó, cần tăng cường sử dụng hóa đơn điện tử thay thế cho hóa đơn giấy có tác động làm giảm đáng kể những chi phí phát sinh cho doanh nghiệp (do cho phép tuân thủ một cách tự động). Đồng thời, không dùng tiền mặt trong giao dịch thuế. Các giao dịch thuế đều thực hiện qua ngân hàng hoặc kho bạc để hạn chế tiêu cực có thể xảy ra, đồng thời để kiểm soát dòng tiền hiệu quả hơn.

## **Kết luận chương 2**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là một khoản thu nhập phát sinh của doanh nghiệp trong một kỳ sản xuất, kinh doanh. Thuế TNDN giữ vai trò việc đảm bảo ổn định nguồn NSNN, đồng thời là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế và thực hiện phân phối thu nhập. Thất thu thuế TNDN xảy ra sẽ kéo theo những tác động tiêu cực đối với nền kinh tế. Chính vì thế cần phải chống thất thu thuế TNDN.

Chương này đã xây dựng được cơ sở lý luận về chống thất thu thuế TNDN, cụ thể:

*Một là*, làm rõ vấn đề lý luận về thuế TNDN và thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Hai là*, làm rõ khái niệm chống thất thu thuế TNDN, đó là hoạt động của cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan tác động đến các doanh nghiệp

nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý các doanh nghiệp trốn thuế thu nhập, qua đó bảo đảm thuế thu nhập của doanh nghiệp phải được nộp đầy đủ vào NSNN, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, đảm bảo ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

*Ba là*, phân tích làm rõ sự cần thiết phải chống thất thu thuế TNDN. Chống thất thu thuế TNDN nhằm góp phần tăng thu cho NSNN, vừa nâng cao tính tự giác tuân thủ chấp hành chính sách pháp luật về thuế của các doanh nghiệp trong việc kê khai, tính thuế và nộp thuế; đảm bảo công bằng trong việc nộp thuế, vừa ổn định được nguồn thu thuế, đảm bảo cho việc chi tiêu của nhà nước, mặt khác góp phần công bằng xã hội trong thực hiện nộp thuế cho NSNN, đảm bảo môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh.

*Bốn là*, làm rõ nội dung chống thất thu thuế TNDN. Chống thất thu thuế TNDN gồm 2 dạng là chống thất thu thuế TNDN tiềm năng và là chống thất thu thuế TNDN thực. Trong phạm vi luận án, nội dung chống thất thu thuế TNDN được xem xét qua 4 hoạt động cơ bản: đăng ký, kê khai thuế; quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; chống chuyển giá; thanh tra, kiểm tra thuế.

*Năm là*, phân tích các tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Sáu là*, rút ra một số bài học cho CHDCND Lào về chống thất thu thuế TNDN qua việc nghiên cứu kinh nghiệm của Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản. Đó là: cần hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về thuế TNDN; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người nộp thuế; triển khai quyết liệt các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế thu nợ thuế TNDN theo đúng quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát chống thất thu thuế TNDN.

### Chương 3

## THỰC TRẠNG CHỐNG THẮT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

### 3.1. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

#### 3.1.1. Khái quát cơ quan thuế của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Ở CHDCND Lào, cơ quan thuế thuộc Bộ Tài chính, được tổ chức theo ngành dọc ở 3 cấp: Cơ quan thuế cấp trung ương gọi là Vụ thuế; Cơ quan thuế cấp tỉnh gọi là Sở thuế; Cơ quan thuế cấp huyện gọi là Phòng thuế.

##### 3.1.1.1. Vụ thuế

Vụ Thuế là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về các khoản thu nội địa trong phạm vi cả nước, bao gồm: thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN; tổ chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Vụ Thuế có chức năng:

- Tổ chức triển khai đường lối chính sách, tầm nhìn, chiến lược, luật và văn bản dưới luật về công tác thuế theo chức năng của mình;
- Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi chiến lược, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch phát triển và cơ chế quản lý công tác thuế để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét;
- Nghiên cứu kế hoạch xây dựng và sửa đổi luật, tham gia cùng các bộ phận khác nghiên cứu xây dựng và sửa đổi luật về công tác thuế trong các giai đoạn để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét;
- Phổ biến, tuyên truyền, tập huấn, tổ chức hội thảo, hướng dẫn về chính sách, tầm nhìn, chiến lược, luật và văn bản quy phạm pháp luật về công tác thuế cho cá nhân, pháp nhân và các tổ chức toàn xã hội thừa nhận, quán triệt và tham gia tổ chức thực hiện;

- Quản lý, thống kê đơn vị doanh nghiệp và nguồn thu thuế, nguồn thu không phải thuế và nguồn thu khác kể cả quản lý đơn vị được phép từ nhà điều hành kinh tế được ủy quyền (Authorised Economic Operator - AEO) và đơn vị doanh nghiệp nằm trong đặc khu kinh tế và khu kinh tế khác; cho thực hiện khai-nộp các loại thuế và các loại thu nhập khác qua hệ thống TaxRIS trên phạm vi toàn quốc;

- Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp thông tin để lập kế hoạch thu thuế, thu nhập không phải thuế, các loại thu nhập khác theo định kỳ năm, ba năm và năm năm theo pháp luật và quy định để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét;

- Quản lý, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch thu ngân sách nhà nước hàng tháng, quý và năm. Đồng thời, tổ chức thực hiện thu với đơn vị kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của mình theo đúng quy định của pháp luật;

- Xác định cơ chế và biện pháp quản lý thu ngân sách nhà nước từ thuế, thu ngân sách không phải thuế, nguồn thu khác hàng năm, ba năm và năm năm theo đúng quy định của pháp luật để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét;

- Chủ động nghiên cứu, tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển; quản lý, sử dụng và duy trì hệ thống hiện đại vào công tác thuế trong các giai đoạn theo quy định;

- Xác định và quản lý mã số thuế của cá nhân, pháp nhân và tổ chức trên phạm vi toàn quốc theo đúng quy định của pháp luật;

- Quản lý, theo dõi việc khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, nguồn ngân sách không phải thuế, nguồn thu khác và phân tích rủi ro để tính thuế năm, rà soát lại việc khai và nộp nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của pháp luật;

- Quản lý, theo dõi, kiểm tra và lập kế hoạch hoàn thuế và nghĩa vụ khác cho người nộp thuế theo điều kiện, thông tin, vật chứng thực theo đúng quy định của pháp luật;



- Thu thập, tổng hợp, kiểm tra các thông tin từ mọi nguồn liên quan đến việc kê khai nộp thuế, hoạt động của người nộp thuế để xây dựng cơ sở dữ liệu quản trị rủi ro, phân tích để xác định đối tượng rà soát lại và xác định kế hoạch cho địa bàn;

- Quản lý, theo dõi, yêu cầu và tổng hợp nợ từ các nguồn thu theo đúng quy định của pháp luật;

- Quản lý, theo dõi, kiểm tra hệ thống kho hàng hóa của cá nhân, pháp nhân và tổ chức theo đúng quy định của pháp luật;

- Cấp giấy xác nhận nộp thuế cho cá nhân, pháp nhân và tổ chức theo đúng quy định của pháp luật;

- Xác định, quản lý, kiểm tra việc sử dụng các loại biểu mẫu ấn chỉ thuế và cho phép sử dụng các loại biên lai của đơn vị doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật;

- Nghiên cứu và giải quyết đề nghị về thuế của cá nhân, pháp nhân và tổ chức theo đúng quy định của pháp luật;

- Kiểm tra nội bộ về tổ chức hoạt động công tác của cán bộ thuế trên phạm vi toàn quốc theo đúng quy định của pháp luật;

- Nghiên cứu về việc thành lập, sửa đổi, giải thể, gộp lại, tách bộ máy tổ chức; xác định chức vụ và tiêu chuẩn chức vụ đối với công chức có chức vụ quản lý, công chức có chức vụ nghiệp vụ và công chức chuyên viên của ngành mình theo quy định;

- Quản lý tập trung theo chiều dọc về cơ cấu bộ máy, nhân sự và chuyên môn trong hoạt động công tác của ngành thuế trên phạm vi toàn quốc;

- Tham gia cùng các bộ phận khác trong việc xây dựng kế hoạch xác định cán bộ lãnh đạo, quản lý nắm trong trách nhiệm của Cục theo quy định;

- Nghiên cứu bố trí, sắp xếp và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định;

- Nghiên cứu, cử chuyên viên thuộc sự quản lý của mình sang công tác

trên phạm vi toàn quốc và trực tại các nơi cung cấp dịch vụ trong phạm vi quản lý của mình theo quy định;

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác của cán bộ, công chức hàng năm để đánh giá kết quả thực hiện công tác của cán bộ thuế; đánh giá kết quả đối với cán bộ thuế trước khi bổ nhiệm giữ chức mới và trước kết thúc hoặc sau khi hoàn thành thực hiện công việc nào theo đúng quy định của pháp luật;

- Lập kế hoạch tập huấn và phát triển cán bộ, công chức của mình trong các giai đoạn; đánh giá hiệu quả sau hoàn thành khóa tập huấn và thí điểm công tác thực tế của cán bộ, công chức theo quy định;

- Đề nghị khen thưởng hoặc ca ngợi cán bộ, công chức có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác thuế theo đúng quy định của pháp luật;

- Đề nghị khen thưởng hoặc ca ngợi cá nhân, pháp nhân và tổ chức có thành tích trong tổ chức thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định của pháp luật;

- Thu thập, tổng hợp, cung cấp thông tin và kiến nghị giải pháp đối với người vi phạm luật để báo cáo Ủy ban kiểm tra kỷ luật các cấp;

- Thu thập lý lịch và thống kê cán bộ, công chức ngành thuế trên phạm vi toàn quốc;

- Lập kế hoạch, quản lý và sử dụng ngân sách quản lý thường xuyên, ngân sách phí dịch vụ chuyên môn, phương tiện, vật chất, thiết bị, văn phòng phẩm, vật tư xây dựng và tài sản khác được giao cho ngành thuế theo quy định;

- Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang bộ, ngành liên quan và cơ quan chính quyền địa phương về công tác thuế;

- Quan hệ hợp tác song phương, đa phương về công tác thuế với các quốc gia trong khu vực, quốc tế và các tổ chức quốc tế;

- Nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi, đàm phán và thực hiện hiệp ước và công ước với các quốc gia trong khu vực và quốc tế về công tác thuế theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Tham gia và tổ chức thực hiện hiệp ước và công ước về công tác thuế mà CHDCND Lào là thành viên;

- Đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm trong thực hiện đường lối, chính sách, tầm nhìn, chiến lược, pháp luật và văn bản dưới luật về công tác thuế từ việc tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Vụ Thuế;

- Tổng kết, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính việc tổ chức thực hiện công tác thuế hàng tháng, quý và năm theo quy định;

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo đúng quy định của pháp luật và theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Cơ cấu tổ chức Vụ thuế gồm: (1) Phòng tổ chức, tài vụ - Quản trị; (2) Phòng kiểm tra nội bộ; (3) Phòng pháp chế; (4) Phòng quản lý công nghệ thông tin; (5) Phòng kế hoạch và hợp tác quốc tế thuế; (6) Phòng đào tạo và phát triển nhân sự; (7) Phòng quản lý thu thuế; (8) Phòng quản lý thuế giá trị gia tăng; (9) Phòng quản lý thu thuế tài nguyên và lệ phí; (10) Phòng Điều hành rủi ro và kiểm tra.

#### **3.1.1.2. Sở Thuế**

Cơ cấu Sở thuế gồm 3 phòng: (1) Phòng tài vụ, quản trị và kiểm tra nội bộ; (2) Phòng Quản lý thuế; (3) Phòng Quản lý rủi ro và kiểm tra.

Đối Sở thuế Thủ đô hoặc Sở thuế Tỉnh nếu đáp ứng được 3 tiêu chí (kế hoạch thu hàng năm được Quốc hội thông qua từ 300 tỷ kip trở lên; đơn vị kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 400 triệu kip trở lên 500 đơn vị; thu vượt kế hoạch Quốc hội phê duyệt 10%/năm trong 03 năm liên tục) hoặc tỉnh có thu nhập 200 tỷ kip thì được thành lập 5 phòng: (1) Phòng tài vụ, quản trị; (2) Phòng kiểm tra nội bộ; (3) Phòng quản lý thu thuế; (4) Phòng quản lý thuế giá trị gia tăng; (5) Phòng quản lý rủi ro và kiểm tra.

#### **3.1.1.3. Phòng Thuế**

Đối với huyện, quận, thành phố, Phòng Thuế có 2 đội: (1) Đội quản lý thuế; (2) Đội quản lý thu thuế.

### **3.1.2. Quan điểm, chủ trương, chính sách chống thất thu thuế ở nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào**

Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Nhà nước CHDCND Lào luôn coi trọng công tác chống thất thu thuế trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản thể hiện quan điểm, đường lối về quản lý thuế, như: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Nhân dân cách mạng Lào; Hiến pháp CHDCND Lào; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Doanh nghiệp; Nghị định về quản lý hóa đơn; Quyết định về tăng cường quản lý và chống thất thu ngân sách....

Đường lối của Đảng Nhân dân cách mạng Lào tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã xác định 6 mục tiêu lớn để tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội liên tục phát triển: (1) Kinh tế quốc gia liên tục tăng trưởng, có chất lượng, ổn định và bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia đạt 4% trở lên; (2) Phát triển nhân lực có chất lượng có thể đáp ứng nhu cầu phát triển, có khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ đề cao hiệu quả và tạo giá trị gia tăng trong sản xuất và dịch vụ; (3) Từng bước cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần của người dân; (4) Bảo vệ môi trường có sự cân đối và giảm thiểu nguy cơ từ thiên tai; (5) Xây dựng cơ sở hạ tầng vững mạnh, sử dụng thế mạnh, cơ hội từ vị trí địa lý của đất nước, chủ động tham gia hợp tác và hội nhập với khu vực và quốc tế; (6) Quản lý, điều hành Nhà nước có hiệu quả, công bằng xã hội và được bảo vệ theo hướng bảo vệ bằng pháp luật đảm bảo nghiêm túc và có hiệu lực [50].

Đảng, Nhà nước Lào xác định: "Nguồn thu từ thuế là nguồn thu nhập quốc dân chủ yếu được sử dụng để cải thiện cơ sở hạ tầng và phát triển toàn diện kinh tế - xã hội. Vì vậy, tăng cường thu ngân sách từ thuế là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ, cụ thể là Bộ Tài chính, nhằm tăng thu ngân sách và đảm bảo đạt mục tiêu thu ngân sách trên phạm vi cả nước [59].

Theo đó, CHDCND Lào đặt ra mục tiêu trong chống thất thu thuế:

- Đảm bảo tăng thu ngân sách phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội, thúc đẩy thu nội địa đạt 16-18% GDP, đáp ứng chi ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

- Khám phá tất cả các điều kiện và khả năng để quản lý thu ngân sách. Đồng thời, huy động nỗ lực xây dựng, sửa đổi pháp luật phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Kế hoạch ngân sách nhà nước và tình hình thực tế của đất nước trong từng thời kỳ. Nó cũng sẽ hoạt động để đảm bảo rằng các nghĩa vụ quốc tế, các công ước quốc tế sẽ được thực hiện và nền hành chính hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế.

- Xây dựng và phát triển cơ chế hiện đại hóa quản lý thu thuế theo kịp thời đại. Mục tiêu này là cần thiết để đảm bảo rằng việc kê khai và nộp doanh thu nội bộ, cả doanh thu thuế và doanh thu ngoài thuế, được tập trung trong cùng một hệ thống thông tin. Nó cũng sẽ cung cấp sự tăng trưởng, tập trung, kịp thời, minh bạch và khả năng kiểm toán của doanh thu nội địa.

Với mục tiêu như trên, việc chống thất thu thuế của CHDCND Lào được thể hiện qua một số quan điểm sau:

*Một là*, phải đảm bảo được nguồn thu cho NSNN.

Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước là một trong những vai trò chủ yếu của thuế xuất nhập khẩu. Thuế xuất nhập khẩu những năm gần đây luôn chiếm tỷ trọng trên 20% tổng thu Ngân sách Nhà nước, trong đó thuế nhập khẩu chiếm khoảng trên 10%.

Thất thu thuế nhập khẩu ảnh hưởng không nhỏ đến Ngân sách Nhà nước, vì vậy nên nó là một trong những chỉ tiêu pháp định được Nhà nước giao chỉ tiêu cho Cục Thuế xuất nhập khẩu và thông qua hàng năm. Việc thu thuế hoàn thành hay không, số thuế thất thu lớn hay nhỏ có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các kế hoạch khác trong dự toán của Chính phủ.

*Hai là*, phải tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, đúng pháp luật.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, Chính sách về thuế nhập khẩu phải vừa đảm bảo đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế. Muốn đạt được yêu cầu trên thì các chính sách thuế nhập khẩu phải đảm bảo tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, hiệu quả, minh bạch để khuyến khích mọi đối tượng tham gia vào quá trình phát triển kinh tế, đồng thời lại có thể ngăn chặn được các hiện tượng gian lận, trốn thuế nhập khẩu gây ảnh hưởng xấu tới hoạt động xuất nhập khẩu. Điều này đòi hỏi hệ thống chính sách về thuế xuất nhập khẩu phải hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu thực tế.

*Ba là, phải bảo đảm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật.*

Cùng với các biện pháp đấu tranh, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại hiệu quả, nếu việc xử lý các vụ việc vi phạm trốn thuế, gian lận thuế nhập khẩu nếu được thực hiện một cách nghiêm minh thì sẽ có tác dụng răn đe với những doanh nghiệp hoặc các cán bộ công chức hải quan thông đồng, tiếp tay cho doanh nghiệp trốn thuế, và với bất kỳ đối tượng nào đã và đang có ý định vi phạm.

### **3.2. TÌNH HÌNH CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO GIAI ĐOẠN 2018 - 2022**

#### **3.2.1. Công tác đăng ký, kê khai thuế**

Để thấy rõ hơn về thực trạng chống thất thu thuế TNDN qua công tác đăng ký, kê khai thuế cần tìm hiểu qua các nội dung sau:

*Một là, công tác đăng ký thuế.*

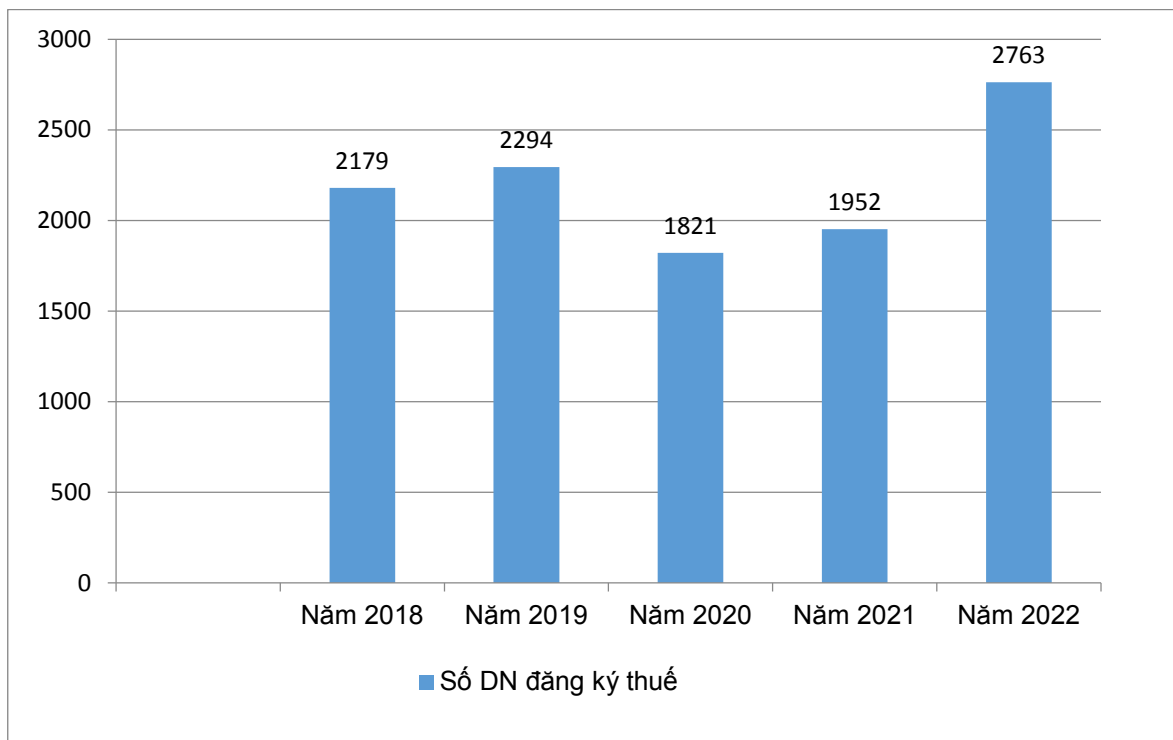
Để thu được thuế trước hết cần phải quản lý tốt được người nộp thuế. Công tác quản lý người nộp thuế hiện nay chủ yếu tập trung vào các hoạt động quản lý nhằm nắm bắt các thông tin liên quan đến người nộp thuế.

Chống thất thu thuế TNDN qua công tác quản lý đăng ký thuế của người nộp thuế. Đây là một hoạt động rất quan trọng, liên quan trực tiếp đến người nộp thuế. Nhằm tạo điều kiện đối với các doanh nghiệp mới được thành

lập, Vụ thuế Lào đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện việc đăng ký kê khai thuế liên thông qua bộ phận một cửa trên cổng điện tử và đăng ký mẫu dấu cho người nộp thuế nhằm giúp người nộp thuế giảm bớt các thủ tục hành chính, giảm các chi phí đi lại để giải quyết công việc nhanh chóng, giúp doanh nghiệp sớm đi vào hoạt động kinh doanh góp phần tăng thu NSNN.

**Biểu đồ 3.1: Tình hình đăng ký thuế của các doanh nghiệp tại CHDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022**

*Đơn vị: Doanh nghiệp*



*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Số liệu cho thấy số lượng các doanh nghiệp đăng ký thuế ngày một gia tăng, riêng 2 năm (2020-2021), do tác động của đại dịch COVID-19 nên số doanh nghiệp đăng ký sụt giảm. Điều này cũng đặt ra cho cơ quan thuế cách quản lý doanh nghiệp sao cho có hiệu quả nhất. Trong những năm qua, công tác kiểm tra đăng ký thuế đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy trình của Vụ Thuế quy định. Bằng cách kiểm tra tất cả các

hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ xin mua hóa đơn đồng thời với việc xuống trực tiếp kiểm tra tại doanh nghiệp về địa điểm kinh doanh, về trụ sở văn phòng, ngành nghề, loại hình doanh nghiệp để so sánh, đối chiếu với đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế từ đó đánh giá tình hình chấp hành pháp luật của người nộp thuế. Vụ thuế Lào cũng đã phối hợp với các ngành giám sát chặt chẽ hoạt động và sự biến động của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh, chuyển địa bàn, tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, doanh nghiệp có biểu hiện nghi vấn trong việc sử dụng hóa đơn. Điều này giúp cho cơ quan thuế kiểm soát doanh nghiệp tốt hơn, dễ dàng phát hiện hành vi trốn thuế, từ đó việc chống thất thu thuế TNDN sẽ tốt hơn, hiệu quả cao hơn.

*Hai là, công tác tuyên truyền và kê khai thuế.*

Doanh nghiệp là đơn vị chiến lược đóng góp một phần lớn nguồn thu từ thuế. Do đó, Vụ thuế đã tập trung vào việc quản lý tuân thủ của các doanh nghiệp theo nhiều cách thức khác nhau bao gồm:

+ Phổ biến, triển khai thực hiện Thông báo của Bộ Tài chính về việc quản lý kho hàng tiêu dùng, xăng dầu số 1626/BTC ngày 30/5/2019, phối hợp, phối hợp với Cục Hải quan Trung ương và Cục chính quyền địa phương của ngành công thương. Việc phổ biến đã được thực hiện tới một số cơ quan chính phủ, các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, nhiên liệu và khí đốt, dưới sự quản lý của Vụ thuế và một số cơ quan thuế tỉnh, cụ thể là Viêng Chăn, Luangprabang, Khammuan, Savannakhet, và Champasak;

+ Cập nhật cơ sở dữ liệu của hệ thống TaxRIS để phân loại dữ liệu thành các tổ chức nhà nước, tư nhân, pháp nhân, cá nhân và nhà thầu phụ (công ty);

+ Yêu cầu người nộp thuế nộp hồ sơ và nộp tiền đúng thời hạn. Trường hợp không đúng hạn sẽ phạt tiền theo quy định của pháp luật, đình chỉ hoạt động. Giám sát việc thực hiện các biện pháp quản lý thu theo định kỳ hàng năm;



- + Tập trung vào các cuộc kiểm toán toàn diện, kiểm toán nhanh các đường truyền, kiểm tra nhiên liệu, hồ đập và các dự án khai thác;
- + Hoàn thiện cơ chế tổng hợp số lượng doanh nghiệp trên phạm vi cả nước và ban hành Chi thị cập nhật cơ chế này hàng tháng, quý, năm;
- + Rà soát các khoản nợ tồn đọng trong hệ thống, phân tách rõ ràng thành các loại và đối chiếu với tài khoản tạm dừng của Kho bạc nhà nước;
- + Tiến hành kiểm tra tại chỗ việc thực hiện các nghĩa vụ thuế khác nhau được coi là rủi ro đối với các công ty xuất nhập khẩu, khách sạn, nhà khách và nhà hàng thuộc quyền quản lý của Viêng Chăn, Khammouane, Savannakhet, Champasak và Luang Prabang;

Ngoài ra, để tăng hiệu quả quản lý của các doanh nghiệp lớn, Vụ thuế đã làm việc với các tổ chức quốc tế như Liên minh Châu Âu (EU) - Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) để xây dựng các chỉ số kiểm toán doanh nghiệp và xác định rủi ro tuân thủ của người nộp thuế.

Vụ thuế đã hoàn thành việc triển khai TaxRIS đến các tỉnh trong cả nước. TaxRIS hiện được tích hợp với hệ thống của Bộ Công thương (MOIC), cho phép tạo mã số thuế đồng thời với việc cấp giấy phép doanh nghiệp ở 18 tỉnh và 137 huyện. Việc hội nhập này đã giải quyết những khó khăn trong kinh doanh cho các doanh nghiệp như đã xác định trước đây. TaxRIS cũng đã cho phép người nộp thuế tự khai thuế trực tuyến 24 giờ một ngày từ bất kỳ địa điểm nào có máy tính và kết nối internet. Người nộp thuế cũng có thể chỉnh sửa hoặc xóa tờ khai thuế của họ, giảm thời gian, thủ tục và các chi phí liên quan cho họ. Việc chuyển sang hình thức tự điền trực tuyến đã giảm số lượng nộp tại quầy dịch vụ thuế, cơ quan thuế có nhiều thời gian theo dõi hơn đối với người nộp thuế chưa nộp, chưa nộp nhưng chưa nộp, chậm nộp (nợ đọng thuế). Hiện tại, các trường trong mẫu tờ khai thuế trong TaxRIS đang được cập nhật để phản ánh tình hình thực hiện trong từng thời kỳ.

Ngoài ra, cơ quan quản lý thuế đã khuyến khích việc tự điền tờ khai

thuế nhiều hơn. Sau khi triển khai TaxRIS, việc điền thông qua hệ thống đã tăng lên. Số lượng người nộp thuế đã khai thuế qua hệ thống là 1.366 người vào tháng 1 năm 2019 và tăng lên 1.931 người vào tháng 12 năm 2019, lên tới 193 tỷ kip. Trong năm 2019, có tổng cộng 50.384 doanh nghiệp nộp hồ sơ qua TaxRIS, lên tới 255 tỷ kip. Kể từ tháng 10 năm 2018, trong số 16.969 mã số thuế đã được cấp, có 5.139 mã số trở thành cơ sở thu mới; 19.423 Giấy chứng nhận nộp thuế đã được cấp, trị giá 16,7 tỷ kip. Tổng số 756.828 Giấy chứng nhận nộp thuế đã được cấp trên toàn quốc (năm 2020: 210.097 Giấy chứng nhận) từ cơ sở doanh thu của 42.746 doanh nghiệp, lên tới 14.448 tỷ kip (tháng 5 năm 2020: 3.117 tỷ kip) [59].

*Ba là, công tác quản lý hóa đơn*

Kinh tế CHDCND Lào đang là nền kinh tế tiền mặt, cho nên mọi giao dịch kinh doanh hợp pháp đều phải ghi nhận bằng chứng từ thanh toán. Hóa đơn ngoài tác dụng là chứng từ kế toán theo quy định của Nhà nước, còn giữ một vai trò quan trọng chi phối mọi hoạt động của doanh nghiệp, nó dùng để xác nhận khối lượng, giá trị của hàng hóa, dịch vụ. Vì thế nếu kiểm soát được hóa đơn đồng nghĩa với việc kiểm soát được tiền và hàng trong lưu thông. Tuy nhiên, tình trạng bán hàng hóa, dịch vụ không xuất hóa đơn; thành lập doanh nghiệp để mua bán hóa đơn, thu lợi bất chính; không kê khai, kê khai không đúng nhằm trốn thuế, giảm số thuế phải nộp; sử dụng hóa đơn bất hợp pháp vẫn còn tồn tại, đó là một trong các yếu tố dẫn đến thất thu về căn cứ tính thuế TNDN. Do đó, quản lý hóa đơn là yếu tố quyết định đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, góp phần hạn chế thất thu thuế TNDN.

Trước năm 2006, các doanh nghiệp mới thành lập phải mua hóa đơn của cơ quan thuế, sau một thời gian hoạt động cơ quan thuế kiểm tra đáp ứng các điều kiện nhất định mới được tự in hoặc đặt in hóa đơn để sử dụng và Vụ Thuế tập trung đặt in hóa đơn để bán cho các doanh nghiệp. Để ngăn chặn các hành vi vi phạm và quản lý, sử dụng hóa đơn, Vụ thuế Lào đã thực

hiện thường xuyên công tác kiểm tra hóa đơn chứng từ. Theo số liệu, kết quả xác minh hóa đơn gửi đi trong các năm 2018 - 2022 đã thu nộp NSNN nguồn thu đáng kể. Thu nộp NSNN, năm 2018 thu gần 34 tỷ kip trong đó truy thu thuế gần 32 tỷ kip, phạt hành chính gần 2 tỷ kip. Năm 2022 là hơn 12,7 tỷ kip trong đó truy thu thuế trên 11,6 tỷ kip và phạt hành chính hơn 1,05 tỷ kip. Đồng thời, kết quả xác minh hóa đơn gửi đến trong 5 năm cho thấy bình quân số lượng hóa đơn gửi đến hàng năm là tương đối lớn, đạt khoảng 13.000 hóa đơn.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định về quản lý hóa đơn (thay cho Nghị định năm 2006). Theo đó, quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Đối với việc khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý hóa đơn điện tử sẽ thông qua phương tiện điện tử và đáp ứng các quy định của Bộ Tài chính, bao gồm: Hóa đơn xuất khẩu, hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng, hoá đơn khác gồm: tem, vé, thẻ, phiếu thu tiền bảo hiểm, phiếu thu tiền cước vận chuyển hàng không, chứng từ thu cước phí vận tải quốc tế, chứng từ thu phí dịch vụ ngân hàng,... hình thức và nội dung được lập theo thông lệ quốc tế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Mục tiêu mở rộng cơ sở thu thuế và tăng tiềm năng thu nhiều ngân sách là một thách thức nhưng quan trọng. Từ năm 2018, cơ quan quản lý thuế đã nỗ lực mở rộng cơ sở thu thông qua việc phối hợp với các ngành liên quan để chuyển các doanh nghiệp quy mô vừa đang áp dụng chế độ thuế khoán thành doanh nghiệp có hệ thống kế toán. Theo đó, CHDCND Lào đã mở rộng triển khai thuế giá trị gia tăng (VAT), mục đích là để thêm ít nhất 10% hoặc 6.770 đơn vị vào cơ sở doanh thu và yêu cầu các đơn vị đó phải tính thuế VAT đầu vào theo Hướng dẫn số 4170/MOF để đảm bảo rằng chúng được đăng ký vào hệ thống thuế VAT theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, các cuộc họp phổ biến với các bên liên quan đã được tổ

chức để giới thiệu các quy định về thuế VAT, tầm quan trọng của việc có hệ thống kế toán, việc sử dụng hóa đơn và thực hiện hệ thống thuế VAT. Đã tổ chức họp với các ngành liên quan để thiết lập cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin cần thiết hỗ trợ cơ quan thuế quản lý thu đúng thẩm quyền. Vụ thuế cũng đã tổ chức hội thảo định hướng cho các doanh nghiệp đủ điều kiện (đăng ký là người nộp thuế VAT). Sau khi định hướng, các khuyến nghị được đưa ra cho họ để cải tiến dựa trên tiêu chí đã đặt ra đã được ghi lại.

Sau khi nghiên cứu kỹ việc bỏ sung 10% doanh nghiệp (tức là 6.770 doanh nghiệp) theo chế độ thuế khoán là không thực tế vì các công ty theo chế độ thuế khoán cũng bao gồm các doanh nghiệp nhỏ và quày hàng không có địa chỉ cố định. Mục tiêu sau đó được đặt ra là 661 doanh nghiệp. Sau khi triển khai vào năm 2019, 381 người nộp thuế khoán, bằng 5,63% tổng số người nộp thuế khoán, đã được đăng ký vào hệ thống thuế VAT. Từ các đối tượng nộp thuế VAT đăng ký mới này, đã thu được 6,52 tỷ Kíp thực hiện các nghĩa vụ thuế theo cơ chế thuế VAT, tăng 29,87% tương đương 1,5 tỷ Kíp so với số thu theo chế độ thuế khoán năm 2018.

Quản lý kê khai thuế TNDN là hoạt động quản lý nhằm giúp cơ quan thuế nắm bắt toàn bộ tình trạng đăng ký thuế, kê khai thuế TNDN của người nộp thuế. Cả công chức thuế và người nộp thuế đều nhìn nhận được tác động quan trọng của hoạt động này đến việc nâng cao hiệu quả chống thất thu thuế TNDN. Ở CHDCND Lào, điều kiện kinh tế - xã hội chưa phát triển, quy định của pháp luật chưa hoàn thiện, do đó phương tiện kỹ thuật phục vụ cho đăng ký kê khai thuế chưa được đầu tư hiện đại, trong khi đó trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế cần được nâng cao. Chính vì thế, công tác đăng ký kê khai thuế ở CHDCND Lào vẫn thực hiện theo phương thức truyền thống, mức độ hiện đại hóa chưa theo kịp khu vực và thế giới. Tuy nhiên, người Lào trung thực nên ý thức nộp thuế rất tốt, người nộp thuế rất hợp tác với cơ quan thuế, do đó việc đăng ký kê khai thuế không gặp khó khăn.

### 3.2.2. Công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

Vụ thuế Lào luôn đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN bởi đây là nhiệm vụ quan trọng. Vụ Thuế đã có nhiều biện pháp tổ chức thực hiện quyết liệt để đôn đốc người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước như: Giao chỉ tiêu thu hồi nợ thuế cho từng cán bộ công chức, phân tích tuổi nợ, phối hợp với các phòng ban chức năng gửi giấy mời, gửi thông báo, nắm bắt tình hình thực tế, khả năng tài chính cũng như xác minh tài khoản doanh nghiệp tại các Ngân hàng trên địa bàn; áp dụng đầy đủ trình tự các bước thu hồi nợ thuế theo đúng quy định của pháp luật; sắp hết thời hạn nộp thuế, cơ quan thuế gọi điện nhắc nhở, thông báo nộp thuế cho các doanh nghiệp; tiến hành phân loại nợ để có biện pháp đôn đốc thu nợ thích hợp; hạn chế tình trạng nợ mới phát sinh; một số doanh nghiệp có số nợ lớn, kéo dài được mời lên cơ quan thuế để làm việc và đôn đốc trả nợ. Bên cạnh đó, cơ quan thuế còn phối hợp với cơ quan công an để xử lý đối với một số đối tượng chây ì, kết hợp với ngân hàng trong việc thu nợ.

Vụ Thuế đã tăng cường triển khai các biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN, thêm vào đó là ý thức nộp thuế của doanh nghiệp cũng cao hơn nên việc quản lý và cưỡng chế thuế không gặp khó khăn.

**Bảng 3.1: Số tiền quản lý và cưỡng chế thuế tại CDCND Lào  
giai đoạn 2018 - 2022**

*Đơn vị: Triệu kip*

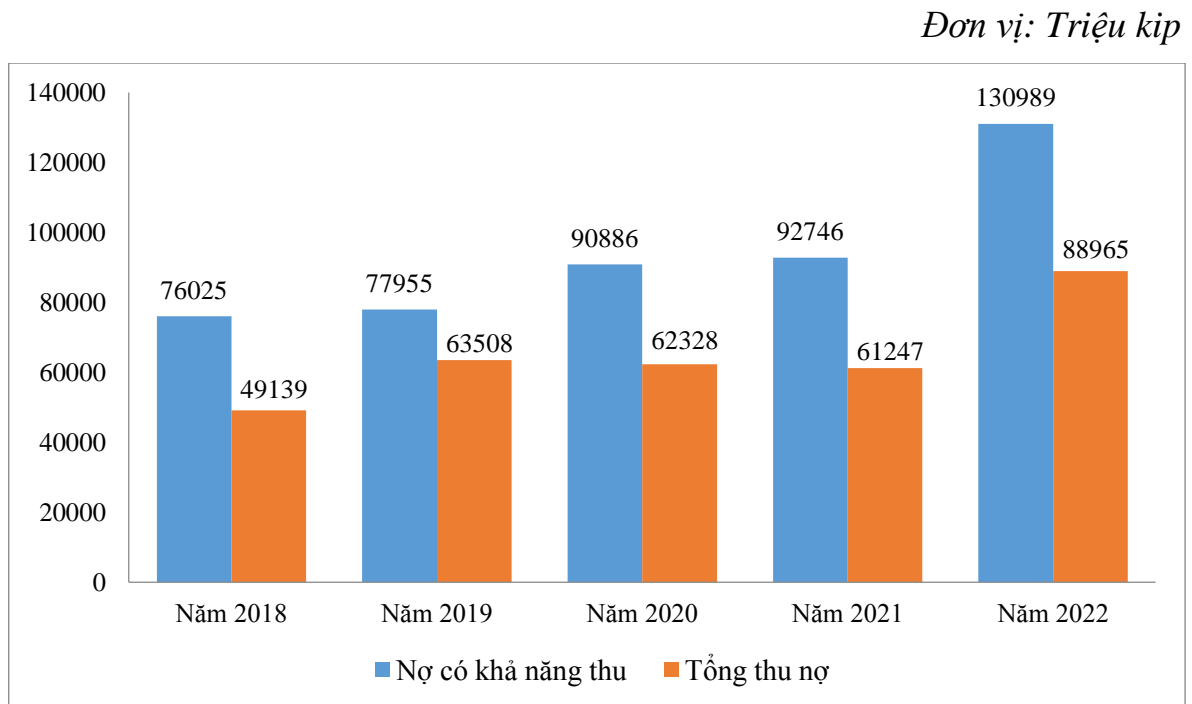
|   | 2018        | 2019         | 2020         | 2021         | 2022         |
|---|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Trích tiền từ tài khoản                     | 389         | 457          | 588          | 683          | 774          |
| Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng | 273         | 350          | 494          | 519          | 603          |
| Số thuế thu được sau cưỡng chế              | 5873        | 7464         | 9684         | 11564        | 13130        |
| <b>Tổng</b>                                 | <b>8553</b> | <b>10290</b> | <b>12786</b> | <b>14787</b> | <b>16529</b> |

*Nguồn: Vụ thuế Lào) [59]*

Qua bảng số liệu cho thấy, Vụ Thuế Lào đã rất nỗ lực trong công tác đôn đốc và cưỡng chế nợ thuế TNDN. Thông qua các biện pháp về đôn đốc và cưỡng chế nợ thuế, số tiền cưỡng chế thuế có xu hướng gia tăng hàng năm. Bên cạnh đó, việc ban hành các quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản và thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với doanh nghiệp làm cho số thuế thu được sau cưỡng chế cũng tăng lên, góp phần đáng kể trong việc thu hồi nợ đọng thuế TNDN trên địa bàn.

Ngoài ra, các sở thuế còn tiến hành thông báo công khai danh sách các doanh nghiệp nợ trọng điểm lên phương tiện thông tin đại chúng. Chính nhờ các biện pháp đó mà kết quả công tác quản lý thu nợ thuế TNDN trong giai đoạn 2018 - 2022 trên địa bàn CHDCND Lào rất khả quan. Cụ thể như sau:

**Biểu đồ 3.2: Kết quả công tác quản lý thu nợ thuế TNDN tại CHDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022**



*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Giai đoạn 2018-2022, tổng thu nợ thuế TNDN có xu hướng gia tăng. Riêng 2 năm (2020-2021) tổng thu nợ giảm đi do tác động của đại dịch COVID-19, tuy nhiên, nhìn chung là xu thế tăng lên. Điều này cho thấy công

tác quản lý nợ thuế của Vụ thuế Lào đã phần nào đạt được hiệu quả tuy nhiên cần phải cố gắng nỗ lực hơn nữa để khống chế số nợ đọng trong tầm kiểm soát.

Việc mở rộng Hệ thống đặt chỗ trên máy tính (công nghệ CRS-POS) là một nhiệm vụ đầy thách thức và được thực hiện cùng với việc mở rộng cơ sở VAT. Hiện tại, có một cách tiếp cận chuyển đổi từ cài đặt CRS (dành cho doanh nghiệp) sang quản lý thiết bị POS mà doanh nghiệp tự mua. Bên cạnh đó, các nghiên cứu đã được thực hiện để xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng công nghệ CRS-POS và cách tính thuế giá trị gia tăng đầu vào để đưa ra các quy định và thủ tục cấp giấy phép, sửa đổi các Quyết định số 4170/BTC, 1178/MOF, và 1179/MOF đối với một số điều khoản không rõ ràng để thực dụng hơn. Việc xem xét cũng diễn ra đối với tất cả các thiết bị CRM đã cài đặt, nơi các thiết bị sẽ tiếp tục được sử dụng đã được loại bỏ. Các thiết bị không được sử dụng như dự định đã được thu hồi ở 4 quận, trong khi mục tiêu lắp đặt mới sẽ là nhà nghỉ, căn hộ và khách sạn nhỏ. Vụ thuế Lào cũng đưa ra khuyến nghị về việc cập nhật hóa đơn theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp tự mua thiết bị POS. Đầu vào của JICA hỗ trợ một phần việc quản lý công nghệ CRS-POS để cải thiện công việc trong lĩnh vực này. Điều kiện về phương tiện làm việc của ngành thuế và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới tiến độ và hiệu quả quản lý thuế.

Triển khai thanh toán qua ngân hàng, năm 2017, Vụ thuế CHDCND Lào đã hợp tác với các ngân hàng thương mại để thanh toán thuế, trước hết là thu thuế đất qua ngân hàng vào năm 2019. Người sử dụng đất có thể tự thanh toán qua hệ thống ngân hàng thông qua một số nền tảng như ứng dụng di động, thanh toán trực tiếp tại quầy dịch vụ, thanh toán qua ATM và KIOSK, và các đơn vị dịch vụ BCOM. Tập trung tuyên truyền phổ biến pháp luật và các Thông báo liên quan đến thu thuế đường bộ qua hệ thống ngân hàng ở Trung ương và tỉnh bằng nhiều hình thức khác nhau. Việc chuyển hướng nộp

thuế theo hướng hệ thống ngân hàng là một trong những cơ chế tạo thuận lợi cho người nộp thuế, đảm bảo tính minh bạch, giảm thất thoát nguồn thu.

### **3.2.3. Công tác chống chuyển giá**

- Xây dựng hệ thống pháp luật liên quan đến chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đang ngày càng được hoàn thiện như: Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Nghị định về quản lý hóa đơn; Công lệnh về tăng cường quản lý và chống thất thu ngân sách... Tuy nhiên văn bản về chống chuyển giá trong quản lý thuế TNDN chưa có nhiều.

Luật Quản lý thuế được Quốc hội chính thức thông qua năm 2019, đã chú ý quản lý hoạt động chuyển giá. Để ngăn chặn tình trạng trốn thuế thông qua chuyển giá, Luật nghiêm cấm các hành vi: thông đồng, móc nối, bao che giữa người nộp thuế và công chức quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế để chuyển giá, trốn thuế. Luật Quản lý thuế quy định nguyên tắc kê khai, xác định giá tính thuế đối với giao dịch như sau:

+ Kê khai, xác định giá tính thuế đối với giao dịch liên kết theo nguyên tắc phân tích, so sánh với các giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất hoạt động/giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế phải nộp như trong điều kiện giao dịch giữa các bên độc lập;

+ Giá giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giao dịch độc lập để kê khai, xác định số tiền thuế phải nộp theo nguyên tắc không làm giảm thu nhập chịu thuế.

+ Điểm đáng lưu ý là, người nộp thuế có quy mô nhỏ, rủi ro về thuế thấp được miễn thực hiện quy định kê khai, xác định giá tính thuế theo nội dung trên và được áp dụng cơ chế đơn giản hóa trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết.



+ Bên cạnh yêu cầu về báo cáo đối với công ty đa quốc gia, trong đó có báo cáo lợi nhuận liên quốc gia, cho cơ quan thuế phù hợp với thông lệ quốc tế, Luật đã tạo khung pháp lý cho việc chia sẻ dữ liệu với các cơ quan thuế của các nước khác.

- Tổ chức bộ máy kiểm soát hoạt động chuyển giá.

Bộ máy kiểm soát hoạt động chuyển giá luôn được ngành thuế quan tâm, củng cố phù hợp với tính chất, quy mô, sự phát triển của hoạt động chuyển giá nhưng vẫn đảm bảo môi trường đầu tư, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển, đảm bảo số thu của ngân sách Nhà nước. Vụ thuế Lào thành lập Phòng Điều hành rủi ro và kiểm tra. Việc giao nhiệm vụ thanh tra giá chuyển nhượng cho một bộ phận thanh tra - kiểm tra thuế giúp các công chức thuế luôn sâu sát với diễn biến, tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, phát hiện kịp thời và có những cảnh báo sớm cho các doanh nghiệp có quan hệ liên kết ngay từ khi có những dấu hiệu về chuyển giá.

Vụ thuế Lào đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề để nâng cao năng lực cho cán bộ thuế trực tiếp tham gia xử lý hồ sơ phương pháp xác định giá (APA) để tính thuế. Các buổi tập huấn do các giảng viên chuyên ngành, các chuyên gia có kinh nghiệm của cơ quan thuế truyền đạt cùng với nhiều tình huống điển hình về xử lý hồ sơ APA. Qua các buổi tập huấn, hội thảo, cán bộ thuế có kiến thức cơ bản chuẩn bị cho việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ đánh giá APA.

- Quản lý các doanh nghiệp kê khai giao dịch liên kết.

Trước năm 2016, để quản lý các doanh nghiệp có quan hệ liên kết, Bộ Tài chính đã yêu cầu các doanh nghiệp có thực hiện giao dịch kinh doanh với các bên có quan hệ liên kết phải có nghĩa vụ kê khai, xác định lại giá giao dịch giữa các bên liên kết theo giá thị trường trước khi xác định nghĩa vụ thuế TNDN. Tuy nhiên, quy định về đối tượng được xác định có quan hệ liên kết còn chung chung nên gây khó khăn cho công tác quản lý.

Từ năm 2017 đến nay, để phù hợp với thông lệ quốc tế, giảm bớt thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giảm bớt áp lực quản lý cho cơ quan thuế, Bộ Tài chính xác định các doanh nghiệp có quan hệ liên kết là các doanh nghiệp liên kết có rủi ro cao về chuyển giá gây thất thu cho ngân sách Nhà nước. Theo quy định này, số lượng các doanh nghiệp có quan hệ liên kết chỉ còn khoảng 201 doanh nghiệp, chỉ tương đương khoảng 5% số doanh nghiệp thuộc đối tượng được xác định là có quan hệ liên kết phải kê khai thông tin, điều chỉnh thông tin giao dịch.

Các doanh nghiệp có quan hệ liên kết tập trung nhiều ở các địa bàn có đầu tư phát triển, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp có quan hệ liên kết tập trung phần lớn ở các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Triển khai áp dụng phương pháp xác định giá (APA).

Các doanh nghiệp có quan hệ liên kết phải tự kê khai, xác định giá trong các giao dịch liên kết tương ứng với giá giao dịch độc lập trước khi xác định thuế TNDN theo quy định. Trường hợp giữa cơ quan quản lý thuế và doanh nghiệp đã có được thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế trong giao dịch liên kết APA thì khi xác định thuế TNDN doanh nghiệp phải xác định lại giá giữa các giao dịch liên kết theo đúng phương pháp xác định giá đã được ghi nhận trong thỏa thuận.

Đề tạo tự chủ cho các doanh nghiệp có quan hệ liên kết tiến hành thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá trong các giao dịch liên kết APA, phù hợp với phương pháp tính thuế của một số nước trên thế giới, Vụ thuế Lào đã hướng dẫn việc áp dụng thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA). Đến nay cơ quan thuế đã tiếp nhận 13 hồ sơ đề nghị áp dụng APA, trong đó có 7 hồ sơ đang ở bước xin tham vấn và 6 hồ sơ đã chuyển sang giai đoạn chính thức đề nghị áp dụng APA.

Trong số 13 hồ sơ được nộp tới cơ quan thuế đang ở giai đoạn tham vấn thì có 6 hồ sơ thuộc diện thỏa thuận đơn phương và 7 hồ sơ thuộc diện thỏa thuận song phương. Toàn bộ các hồ sơ đề nghị áp dụng APA đều đề nghị phương pháp xác định giá tính thuế là phương pháp so sánh lợi nhuận.

Với hệ thống quy định của pháp luật về thuế ngày càng đầy đủ, cụ thể đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan thuế chống chuyển giá. Thêm vào đó, sự phối hợp của các cơ quan như Hải quan, Quản lý thị trường, Kho bạc... ngày càng chặt chẽ và hiệu quả đã có tác dụng tích cực trong cuộc chiến chống chuyển giá.

#### **3.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế**

Công tác chống thất thu thuế nói chung và thất thu thuế TNDN nói riêng phụ thuộc rất lớn vào kết quả công tác kiểm tra, thanh tra thuế. Kể từ khi Luật Quản lý thuế (năm 2019) có hiệu lực, đổi mới cơ chế quản lý thuế theo hướng người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thì công tác kiểm tra, thanh tra thuế đã có sự đổi mới, góp phần đáng kể vào việc chống thất thu NSNN. Trong những năm qua, công tác kiểm tra, thanh tra thuế của Vụ thuế Lào luôn được coi trọng.

- Về công tác lập kế hoạch và giao kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

Ngay từ đầu năm, Vụ thuế Lào đã xây dựng kế hoạch kiểm tra để quyết định thời gian, nhân lực cho cả quá trình kiểm tra thuế TNDN. Trong cơ chế tự khai tự nộp, việc xây dựng kế hoạch kiểm tra phải dựa trên các phương pháp kiểm tra, đặc biệt là kỹ thuật phân tích rủi ro để lựa chọn đối tượng kiểm tra, chẳng hạn như là có đột biến về doanh thu hoặc số thuế phải nộp biến động lớn, chi phí doanh nghiệp tăng cao....

Vụ thuế Lào đã ứng dụng chương trình phân tích rủi ro TPR để xây dựng kế hoạch thanh tra theo bộ tiêu chí đánh giá rủi ro bao gồm 20 tiêu chí tĩnh (áp dụng thống nhất tất cả các sở thuế) và các tiêu chí động (do sở thuế tự xây dựng phù hợp với thực tế địa phương theo hướng dẫn của Vụ thuế Lào).

Do vậy, ngay từ đầu năm Vụ thuế Lào đã chỉ đạo sở Thuế các địa phương tập trung, phân tích thông tin các doanh nghiệp để đánh giá, xác định mức độ rủi ro về thuế, đồng thời ưu tiên các lĩnh vực, ngành nghề trọng tâm, các địa phương có số thu lớn và tăng trưởng nhanh hoặc thanh tra theo chuyên đề khi lập kế hoạch thanh tra. Trên cơ sở đó, Vụ thuế Lào đã tiến hành giao kế hoạch thanh tra, nhiệm vụ kiểm tra cho các phòng, ban chức năng và các phòng thuế quận, huyện gắn với hiệu quả hoàn thành công việc nhằm nâng cao ý thức phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Giai đoạn 2018 - 2022, Vụ thuế Lào đã tiến hành thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về thuế TNDN đối với các doanh nghiệp.

**Bảng 3.2: Số doanh nghiệp thanh tra, kiểm tra về thuế TNDN  
giai đoạn 2018 - 2022**

Đơn vị: Doanh nghiệp

| <b>Năm</b> | <b>Số doanh nghiệp lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra</b> | <b>Số doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra</b> | <b>Số doanh nghiệp vi phạm khi thanh tra, kiểm tra</b> |
|------------|---|---|--|
| 2018       | 1.865   | 1.844   | 1.746  |
| 2019       | 1.945   | 1.926   | 1.813  |
| 2020       | 2.086   | 1.015   | 924  |
| 2021       | 945   | 242   | 103  |
| 2022       | 2.143   | 1.911   | 1.730  |

*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Năm 2020-2021, do tác động của đại dịch COVID-19 nên công tác thanh tra, kiểm tra không theo kế hoạch. Có thể thấy Vụ thuế Lào đã chú trọng nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý theo đúng quy định, trong đó đã xử phạt hành vi khai sai, khai thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được hoàn. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế được thực hiện theo đúng quy trình.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra thuế TNDN tại trụ sở người nộp thuế:

Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác thanh tra cùng với việc chỉ đạo quyết liệt và triển khai đồng bộ, công tác thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đã được Vụ thuế Lào triển khai khá toàn diện.

Công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế áp dụng phương pháp kiểm tra theo rủi ro dựa trên cơ sở thu thập và phân tích thông tin về hoạt động của người nộp thuế qua các hồ sơ kê khai thuế đã nộp tại cơ quan thuế, qua các thông tin có liên quan đến người nộp thuế để xác định nội dung trọng yếu trước khi đi kiểm tra tại đơn vị. Ngoài ra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế được thực hiện đối với các hồ sơ đã kiểm tra tại cơ quan thuế nhưng không đủ căn cứ ấn định thuế, doanh nghiệp không giải trình được.

**Bảng 3.3: Kết quả thanh tra, kiểm tra thuế TNDN tại trụ sở người nộp thuế giai nước CHDCND Lào đoạn 2018 - 2022**

*Đơn vị: triệu kip*

| <b>Nội dung</b>        | <b>2018</b>    | <b>2019</b>    | <b>2020</b>    | <b>2021</b>    | <b>2022</b>    |
|------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Số thuế truy thu       | 662.712        | 603.660        | 411.372        | 407.551        | 518.208        |
| <i>Riêng thuế TNDN</i> | <i>466.924</i> | <i>426.095</i> | <i>282.500</i> | <i>236.986</i> | <i>363.078</i> |
| Số tiền phạt           | 18.819         | 47.635         | 64.906         | 68.151         | 27.803         |
| Số thuế đã nộp NSNN    | 936.664        | 823.908        | 550.891        | 545.774        | 753.275        |

*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Qua công tác thanh tra, kiểm tra cho thấy các doanh nghiệp thường không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với NSNN, nguyên nhân có thể do chủ quan hoặc khách quan mang lại. Việc thanh tra, kiểm tra thuế TNDN tại trụ sở các doanh nghiệp cũng có hiệu quả nhất định. Điều này cũng một phần do trình độ, năng lực của thanh tra thuế ngày càng được nâng cao nên việc thanh tra cũng hiệu quả hơn.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra thuế chống chuyển giá

Chuyển giá chính là phương thức giúp các bên liên kết gia tăng lợi ích

của cả nhóm liên kết, giảm tổng nghĩa vụ thuế, từ đó gia tăng tổng lợi nhuận sau thuế. Thông thường chỉ quan tâm đến chuyển giá trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong các giao dịch quốc tế vì sự khác biệt về chính sách thuế thể hiện rõ rệt hơn. Tuy nhiên, chuyển giá không chỉ diễn ra trong các giao dịch quốc tế mà có thể cả trong những giao dịch quốc nội. Các giao dịch trong nước có thể hưởng lợi từ chế độ ưu đãi, miễn giảm thuế. Thu nhập sẽ lại dịch chuyển từ doanh nghiệp liên kết không được hưởng ưu đãi hoặc ưu đãi với tỷ lệ thấp hơn sang doanh nghiệp liên kết có lợi thế hơn về điều này, nhất là đối với thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, Nhà nước đang có chính sách ưu đãi phát triển rất lớn.

Để ngăn chặn và đẩy lùi hiện tượng chuyển giá gây thất thu thuế TNDN, cơ quan thuế CHDCND Lào được giao nhiệm vụ công tác thanh tra, kiểm tra chống chuyển giá. Trong thời gian qua, cơ quan thuế CHDCND Lào đã tập trung thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá. Do có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời của các cơ quan liên quan nên cơ quan thuế tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra thuế chống chuyển giá khá thuận lợi và hiệu quả.

**Bảng 3.4: Kết quả thanh tra, kiểm tra thuế các doanh nghiệp có dấu hiệu chuyển giá nước CHDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022**

*Đơn vị: Triệu kip*

| <b>TT</b> |                                     | <b>2018</b> | <b>2019</b> | <b>2020</b> | <b>2021</b> | <b>2022</b> |
|-----------|-------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 1         | Số doanh nghiệp thanh tra, kiểm tra | 124         | 137         | 97          | 87          | 105         |
| 2         | Tổng số truy thu (triệu kip)        | 15.309      | 16.891      | 11.948      | 10.742      | 7.501       |
|           | <i>Riêng thuế TNDN</i> (triệu kip)  | 7.974       | 8.798       | 6.223       | 5.595       | 4.697       |
| 3         | Tổng số tiền phạt (triệu kip)       | 4.356       | 4.807       | 3.400       | 3.057       | 3.102       |
| 4         | Tổng số giảm lỗ (triệu kip)         | 54.854      | 60.524      | 42.810      | 38.489      | 18.156      |

*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Bảng 3.4 cho thấy, Vụ thuế Lào đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có hoạt động giao dịch liên kết, qua đó, đã điều chỉnh giá dẫn đến nhiều doanh nghiệp từ lỗ thành lãi; truy thu và phạt nhiều doanh nghiệp, làm lợi cho NSNN. Với kết quả thanh tra, kiểm tra chống chuyển giá trong thời gian vừa qua, đã khẳng định những quyết tâm của ngành thuế CHDCND Lào trong đấu tranh chống chuyển giá.

- Về kiểm soát nội bộ.

Chú trọng giải quyết các kiến nghị của kiểm toán Nhà nước trong báo cáo kiểm toán, giám sát hoạt động, nguyên tắc làm việc và hành vi của cán bộ để ngăn chặn và ngăn chặn thất thoát thất thu thuế. Kiểm tra các hoạt động kỹ thuật được thực hiện ở cấp trung ương và địa phương để kiểm tra các dự án rủi ro. Kết quả là, một loạt các tệ nạn xã hội đã được phát hiện, và một phần doanh thu nhất định đã được thu hồi và chuyển trở lại ngân sách của chính phủ. Đồng thời yêu cầu xử lý kỷ luật những người vi phạm theo quy định của pháp luật.

### **3.2.5. Đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích của Nhà nước và doanh nghiệp, cá nhân nộp thuế**

Trong thời gian qua, công tác quản lý thuế đã tập trung thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch phát triển kinh tế và ngân sách của từng thời kỳ. Nguồn thu từ thuế là nguồn thu đáng kể góp phần vào sự phát triển không ngừng và ổn định của nền kinh tế - xã hội của đất nước.

Nền kinh tế của CHDCND Lào sau đại dịch COVID-19 có xu hướng giảm nên đã ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp, điều này trực tiếp ảnh hưởng đến nguồn thu từ thuế TNDN.

Tình hình thu thuế của CHDCND Lào giai đoạn 2018-2022 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

**Bảng 3.5: Thu thuế nước CHDCND Lào giai đoạn 2018-2022***Đơn vị: kip*

| <b>Nguồn thu</b>                    | <b>2018</b>               | <b>2019</b>               | <b>2020</b>              | <b>2021</b>               | <b>2022</b>               |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp          | 2,024,116,002,027         | 2,171,179,923,922         | 1,692,038,815,858        | 2,882,474,383,082         | 3,936,776,587,450         |
| Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương | 974,757,487,481           | 1,064,484,235,628         | 882,962,680,208          | 925,786,955,043           | 1,315,516,435,894         |
| Thuế giá trị gia tăng               | 2,977,872,608,731         | 2,980,236,025,622         | 3,077,226,039,666        | 3,236,873,410,815         | 2,790,991,197,972         |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt              | 1,572,494,283,400         | 1,696,334,757,392         | 1,607,494,480,386        | 1,665,142,557,974         | 2,364,504,751,889         |
| Thuế khoán hộ kinh doanh            | 711,715,852,470           | 816,646,645,313           | 568,780,588,490          | 704,881,694,119           | 1,384,604,403,659         |
| VISA                                | 153,225,100,856           | 197,200,708,766           | 38,558,614,711           | 11,838,900,000            | 53,170,666,006            |
| Lệ phí khác                         | 234,803,231,228           | 243,227,562,855           | 177,372,322,771          | 133,513,446,461           | 205,645,170,543           |
| Quỹ đường bộ                        | 744,792,282,770           | 659,142,750,788           | 591,000,000,000          | 626,401,120,000           | 694,829,226,673           |
| Phí nhà nước                        | 1,140,246,601,637         | 1,129,533,195,014         | 937,282,732,151          | 828,455,909,602           | 1,058,402,085,360         |
| Các quỹ khác                        | 10,506,401,421            | 1,734,836,809             | 9,391,574,630            | 5,238,137,060             | 11,824,832,357            |
| Phí đường bộ                        | 100,554,640,000           | 90,776,680,732            | 83,972,023,903           | 84,931,454,892            | 102,215,826,912           |
| Thuế đất                            | 197,983,890,569           | 201,324,355,595           | 188,369,525,837          | 185,088,187,159           | 188,038,442,466           |
| <b>Tổng</b>                         | <b>10,843,068,382,590</b> | <b>11,251,821,678,436</b> | <b>9,854,449,398,611</b> | <b>11,290,626,156,207</b> | <b>14,106,519,627,181</b> |

*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

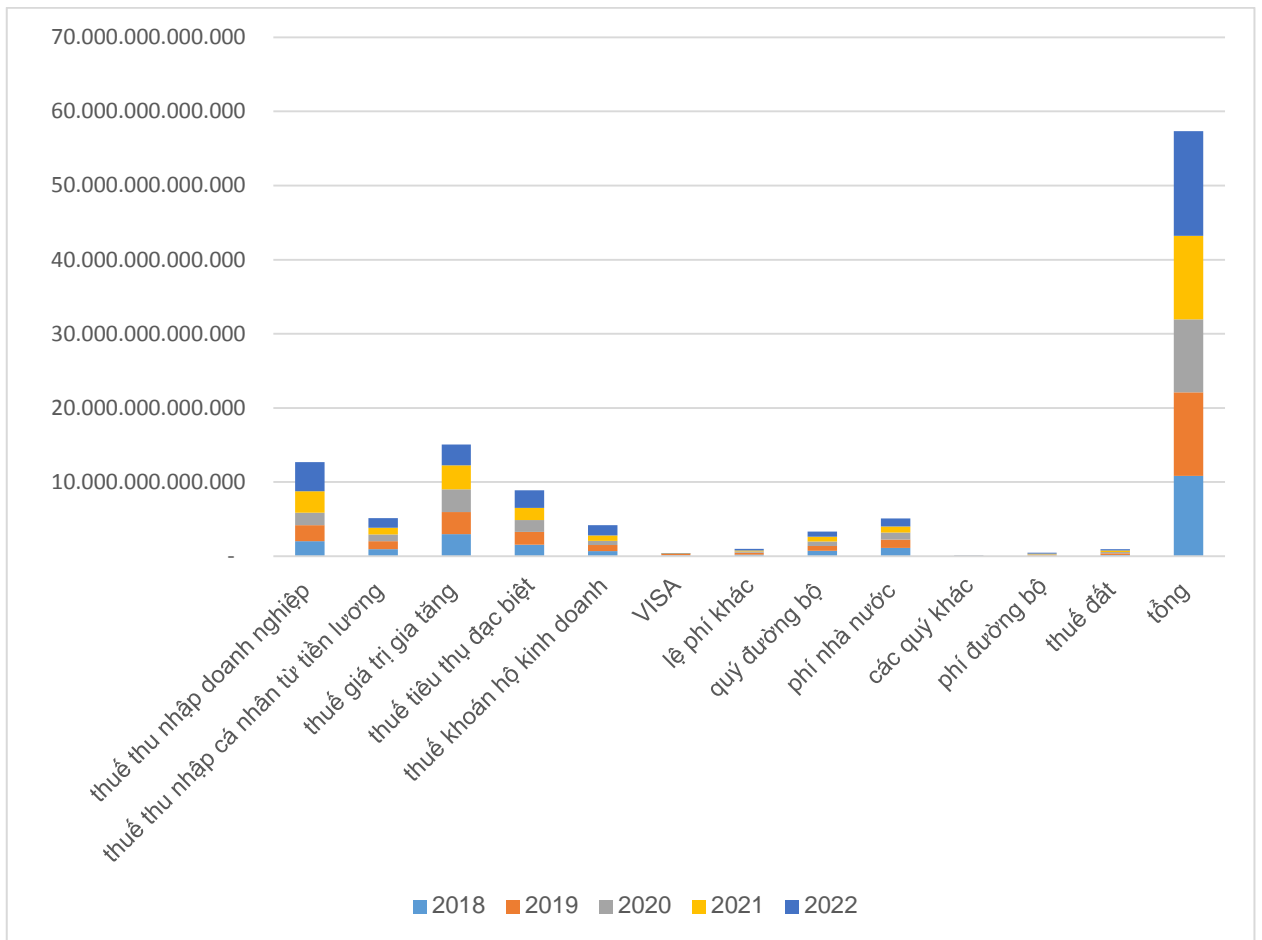


Số liệu trên cho thấy, thu thuế của CHDCND Lào qua các năm có sự tăng lên. Từ hơn 10.843 tỷ kip (năm 2018) lên hơn 14.106 tỷ kip (năm 2022). Riêng năm 2020, số thuế thu được là thấp nhất trong 5 năm qua do đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ nền kinh tế trong nước và thế giới. Việc thu thuế tăng đều qua các năm đã phản ánh tình hình kinh tế của CHDCND Lào ngày càng phát triển.

Đối với thu thuế TNDN, trong 5 năm, số tiền thu thuế tăng gần gấp 2 lần, từ hơn 2.024 tỷ kip (năm 2018) lên hơn 3.936 tỷ kip (năm 2022). Điều này cho thấy tình hình thu thuế TNDN ở CHDCND Lào tương đối ổn định và bảo đảm tính hiệu quả.

**Biểu đồ 3.3: Thu thuế nước CHDCND Lào giai đoạn 2018-2022**

*Đơn vị: kip*



*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Biểu đồ trên cho thấy các khoản thu thuế ở CHDCND Lào là rất chênh lệch. Trong đó, tổng thu thuế giá trị gia tăng, tổng thu thuế TNDN và tổng thu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc nhóm cao. Ngược lại, tổng thu thuế Visa, phí đường bộ, thuế đất, quỹ, lệ phí khách thuộc nhóm thấp.

Tổng thu thuế giá trị gia tăng là lớn nhất và tương đối đều qua các năm (từ 2018-2022), các quỹ khác là thu thấp nhất. Riêng đối với thuế TNDN, đây cũng là nguồn thu lớn, đứng thứ hai sau thu thuế giá trị gia tăng.

Về phát triển kinh tế: Giai đoạn 2015-2019, GDP của Lào tiếp tục tăng trưởng hằng năm 4,7-7,3%. Tuy nhiên, nền kinh tế đã bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, tốc độ tăng trưởng GDP giảm, cụ thể:

**Bảng 3.6: Quy mô, tốc độ tăng trưởng GDP của Lào**

| Năm  | GDP (kíp)      | Tăng trưởng |
|------|----------------|-------------|
| 2018 | 18,141,651,381 | 6.25%       |
| 2019 | 18,740,559,554 | 5.46%       |
| 2020 | 18,981,800,705 | 0.50%       |
| 2021 | 18,827,148,529 | 2.53%       |
| 2022 | 15,468,785,204 | 2.20%       |

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào [60, 61, 62]*

Về cơ cấu nền kinh tế: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp từ 36,4 lên 38,2% GDP, dịch vụ lên từ 27,6 lên 28,8% GDP, nông nghiệp giảm từ 36 xuống 33% GDP, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa hàng năm tăng khoảng 18,1% [60].

Về phát triển nguồn nhân lực: Tỷ lệ biết chữ được duy trì ở mức 84,7% vào năm 2018, tăng lên 87,1% vào năm 2022. Tỷ lệ biết chữ ở phụ nữ cũng có cải thiện, nâng từ 82,5% (2015) lên 82,8% (2022). Việc chú trọng cải thiện tỷ lệ biết chữ một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của đầu tư vào vốn con người, làm cơ sở cho việc phát triển toàn diện kinh tế - xã hội đất nước [59].

Với việc điều chỉnh chính sách thuế phù hợp, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp tạm dừng hoạt động, giải thể và bỏ địa chỉ kinh doanh có xu hướng giảm.

**Bảng 3.7: Tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp tại CHDCND Lào giai đoạn 2018 - 2022**

*Đơn vị: Doanh nghiệp*

|                                    | 2018   | 2019   | 2020   | 2021   | 2022   |
|------------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh nghiệp đang hoạt động        | 24.802 | 25.869 | 16.213 | 17.228 | 22.656 |
| Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động   | 1.620  | 1.961  | 2.257  | 2.364  | 2.051  |
| Doanh nghiệp giải thể              | 8.533  | 9.848  | 13.107 | 11.513 | 9.075  |
| Doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh | 16.267 | 17.106 | 19.803 | 18.972 | 16.048 |

*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Xu hướng chung là các doanh nghiệp ngày càng phát triển. Nguyên nhân là do CHDCND Lào cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh; tập trung phát triển kết cấu hạ tầng; cải cách hành chính; xây dựng cơ chế, chính sách và vận dụng linh hoạt để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, số doanh nghiệp không hoạt động cũng như tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, bỏ địa chỉ kinh doanh cũng biến động đáng kể và có tác động không nhỏ tới việc đảm bảo thu NSNN. Nguyên nhân là do tác động mạnh mẽ của đại dịch COVID-19.

### **3.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHỐNG THẮT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

#### **3.3.1. Kết quả đạt được trong chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

Trong bối cảnh điều kiện kinh tế trong nước và quốc tế khó dự đoán,

đầy biến động, cùng với việc xây dựng và sửa đổi ba luật thuế năm 2019 và các quy định bổ trợ, công tác chống thất thu thuế TNDN của CHDCND Lào đã đạt những kết quả:

*Một là*, trong công tác đăng ký, kê khai thuế, việc tuyên truyền nộp thuế ngày càng sâu rộng, góp phần nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp và nhân dân, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, góp phần khuyến khích đầu tư, sản xuất xuất khẩu, điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Cơ quan thuế đã triển khai thực hiện cấp mã số thuế, tăng cường phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh để cấp mã số thuế. Thực hiện đúng quy định về công tác kiểm tra dữ liệu đăng ký thuế, cập nhật thông tin bổ sung tình trạng mã số thuế kịp thời; tăng cường kiểm tra để quản lý các cơ sở kinh doanh ngưng, nghỉ, giải thể, di chuyển địa bàn; phát hiện những cơ sở thực tế kinh doanh nhưng không có đăng ký kinh doanh để đưa vào quản lý thu thuế.

Nhờ điều kiện chính trị - xã hội ổn định cùng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ, công chức ngành thuế nên công tác quản lý thuế đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kết quả thu thuế cho thấy, số tiền thuế gia tăng đều qua các năm (riêng năm 2020 số tiền thuế thu được thấp hơn do điều kiện khách quan đại dịch Covid-19), theo đó tiền thuế TNDN thu được cũng đều tăng, từ hơn 2 nghìn tỷ kip (năm 2018) lên gần 4 nghìn tỷ kip (năm 2022). Với kết quả thu thuế TNDN của CHDCND Lào tăng đều qua các năm đã góp phần làm gia tăng NSNN.

*Hai là*, trong công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế, đã thực hiện tốt việc khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng cho các doanh nghiệp, hoàn thuế TNDN tạo điều kiện thuận lợi về vốn cho doanh nghiệp, đồng thời vẫn đảm bảo chặt chẽ và đúng quy định, hạn chế tình trạng gian lận làm thất thoát thuế TNDN. Công tác thu, nộp, xử lý tờ khai đã được thực hiện nghiêm túc, chất lượng được nâng lên.

Xây dựng và triển khai kế hoạch thu nợ thuế TNDN theo đúng quy trình quản lý thuế. Tập trung tổ chức rà soát, đối chiếu, kiểm tra phân loại các khoản nợ thuế, thực hiện theo dõi nợ thuế bằng phần mềm quản lý nợ; phát hành thông báo nhắc nhở người nộp thuế còn nợ đọng thuế nộp thuế vào NSNN; xem xét, giải quyết các trường hợp xin gia hạn nộp thuế theo thẩm quyền được quy định theo luật.

Với những biện pháp chặt chẽ, phù hợp trong công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế pháp chặt, công tác chống thất thu thuế TNDN đang ngày càng đi vào nền nếp, số thất thu thuế TNDN có chiều hướng giảm, đó là xu hướng đúng đắn. Qua đó bảo đảm sự công bằng giữa các doanh nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, nhà nước và nhân dân.

*Ba là*, công tác chống chuyển giá được chú ý, quan tâm hơn. CHDCND Lào đã chú trọng hơn vào việc chống chuyển giá, theo đó, đã chú ý xây dựng cơ sở pháp lý, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Vụ thuế Lào... Do đó, chống trốn thuế TNDN của các doanh nghiệp qua việc chuyển giá đạt kết quả.

Việc chống chuyển giá bước đầu tạo tác động đến các doanh nghiệp, theo đó, một số doanh nghiệp đã tự điều chỉnh hạch toán để giảm lỗ và có phát sinh thu nhập chịu thuế, góp phần tích cực trong việc chống thất thu NSNN. Việc chuyển giá ở CHDCND Lào được thực hiện thông qua hoạt động giao dịch liên kết, chẳng hạn như: Nâng vốn góp bằng việc nâng giá trị máy móc, thiết bị và công nghệ; chuyển giá thông qua bán hàng hoá thấp hơn nhiều so với giá bán cho các bên không có quan hệ liên kết; Chuyển giá thông qua chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp liên kết tại CHDCND Lào; Chuyển giá bằng hình thức các tập đoàn, công ty mẹ tại nước ngoài ký hợp đồng sản xuất kinh doanh và dịch vụ với các công ty của các nước với đơn giá cao, sau đó giao lại cho công ty con tại CHDCND Lào theo giá do công ty mẹ quy định rất thấp.... Tuy nhiên, Vụ thuế Lào đã ngăn chặn kịp thời các hành vi chuyển giá thông qua hoạt động giao dịch liên kết.

*Bốn là*, công tác kiểm tra, thanh tra thuế TNDN của ngành thuế đã được tăng cường, đã phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế góp phần hạn chế tình trạng gian lận về thuế.

Việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được chú trọng, tạo cơ sở cho hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế TNDN. Với sự chỉ đạo quyết liệt và triển khai đồng bộ, công tác thanh, kiểm tra thuế TNDN đã có những chuyển biến tích cực. Việc tập trung thanh tra, kiểm tra theo các chuyên đề chuyên sâu đã nhận dạng được các hình thức, thủ đoạn gian lận, xử lý hành vi vi phạm đối với từng lĩnh vực, chấn chỉnh kịp thời việc kê khai thuế của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực đã thanh tra, kiểm tra.

Qua hoạt động kiểm tra, thanh tra cho thấy số tiền truy thu thuế TNDN có xu hướng giảm. Điều này cho thấy, công tác quản lý thuế TNDN ngày càng chặt chẽ, việc thu thuế TNDN đã được thu đúng, thu đủ và kịp thời.

*Năm là*, trình độ chuyên môn nghiệp vụ thuế của cán bộ, công chức thuế đã được nâng cao.

Năng lực và phẩm chất của công chức quản lý thuế cũng được chú trọng. Năng lực và phẩm chất, đạo đức của công chức quản lý thuế là yếu tố có tác động không nhỏ đến hoạt động chống thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng. Với đội ngũ công chức thuế có năng lực, liêm chính thì doanh nghiệp muốn gian lận cũng khó.

Trong giai đoạn chuyển tiếp sang TaxRIS, việc nâng cao kỹ năng và năng lực toàn diện cho đội ngũ cán bộ, công chức thuế là cần thiết. Vụ thuế Lào đã quan tâm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và hội thảo. Cụ thể:

- Thực hiện các kỳ thi kiểm tra năng lực, kỹ năng của đội ngũ cán bộ, công chức từ kỹ thuật đến Phó trưởng phòng cấp Phòng, Sở thuế tại Viêng Chăn, Champasak và Luang Prabang.

- Phối hợp với Viện Kinh tế - Tài chính tổ chức đào tạo giảng viên, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý thuế ngành tài chính.

- Tiến hành đào tạo cho các cán bộ thuế, Kho bạc Quốc gia và Viện Phát triển Thông tin Tài chính (IFID) để trở thành những giảng viên cho hệ thống "Thuế dễ dàng" và hệ thống "TaxRIS".

### **3.3.2. Một số hạn chế, khó khăn trong chống thất thu thuế doanh nghiệp ở nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chống thất thu thuế TNDN cũng còn một số hạn chế, khó khăn nhất định:

*Một là, tỷ lệ thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào còn lớn.*

- Thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp về căn cứ tính thuế.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN là một trong những nhân tố có ảnh hưởng rất lớn đến thu nhập chịu thuế và đến số thuế TNDN phải nộp. Về nguyên tắc, các đơn vị tính thuế theo phương pháp kê khai phải phản ánh một cách trung thực, kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán và hóa đơn chứng từ, trên nguyên tắc ghi nhận doanh thu tính thuế. Trên thực tế, doanh thu của doanh nghiệp có thể nhận được từ nhiều nguồn khác nhau, từ nhiều hoạt động khác nhau, từ nhiều địa bàn khác nhau. Do đó công chức thuế rất khó khăn theo dõi và kiểm tra mà chỉ dựa vào việc kê khai của các doanh nghiệp.

Những đơn vị có doanh thu thực tế nhỏ hơn doanh thu kê khai chủ yếu xuất phát từ một số nguyên nhân hạch toán trùng, hóa đơn đã báo hủy nhưng vẫn kê khai, doanh thu chi nhánh báo về không chính xác, doanh thu kê khai không đầy đủ, doanh thu kê khai nhỏ hơn tình hình thực tế.... Điển hình là một số sai phạm trong vấn đề quản lý, sử dụng hóa đơn như hiện tượng các công ty bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không xuất hóa đơn hoặc xuất hóa đơn không đúng với giá thực tế bán. Doanh thu là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến việc xác định thu nhập chịu thuế, ảnh hưởng đến số thuế

TNDN phải nộp do đó các doanh nghiệp thường tìm cách để khai giảm doanh thu. Việc hạch toán không đúng doanh thu phát sinh cũng là phương pháp đối phó phổ biến của nhiều doanh nghiệp đối với việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Một số cách thức phổ biến mà các doanh nghiệp này sử dụng để trốn thuế, kê khai sai dẫn đến thất thu thuế TNDN như hạch toán sai dẫn đến giảm doanh thu trong kỳ; hạch toán doanh thu sai thời kỳ; kê khai thiếu doanh thu; doanh thu trên các liên của hóa đơn ghi khác nhau; mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp; bỏ sót hóa đơn, cố tình ghi sai doanh thu trên hóa đơn bán hàng...

- Thất thu thuế TNDN do xác định sai chi phí được trừ khi tính thuế TNDN. Muốn có lãi, doanh nghiệp không còn cách nào khác là tối thiểu hoá chi phí có thể. Ngược lại, khi kê khai tính thuế TNDN thì các doanh nghiệp cố tìm cách để khai tăng chi phí đó lên để được khấu trừ lớn, làm giảm số thuế TNDN phải nộp. Do đó công tác quản lý chi phí hợp lý càng khó khăn hơn rất nhiều, vì doanh nghiệp có rất nhiều thủ thuật để khai tăng chi phí hợp lý mà công chức rất khó phát hiện. Nhiều doanh nghiệp chưa có ý thức tuân thủ pháp luật, kinh doanh nhưng không khai báo thuế trung thực; sử dụng hoá đơn không hợp lệ, không hợp pháp, không có hoá đơn để nâng khống chi phí, hợp thức hoá hàng mua trôi nổi trên thị trường; nâng giá mua trên hoá đơn để tăng chi phí, hợp thức hoá đầu vào.

- Thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp về ưu đãi thuế

Qua kiểm tra thực tế, các doanh nghiệp FDI là loại hình doanh nghiệp có nhiều sai phạm nhất về thực hiện ưu đãi thuế TNDN với những lỗi sai chủ yếu như Kê khai nhầm lẫn giữa được ưu đãi của doanh nghiệp được thành lập mới với ưu đãi đối với doanh nghiệp được thành lập từ dự án đầu tư; xác định sai số năm được miễn thuế, giảm thuế; kê khai chung cả các khoản thu nhập khác không nằm trong danh mục được ưu đãi với khoản thu nhập ưu đãi; ghi nhận chung các khoản thu nhập khác, thu nhập từ hoạt động tài chính, thu



nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản chung với khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất được ưu đãi thuế TNDN khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN để thực hiện chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN.

Ngoài các sai phạm kể trên, một số doanh nghiệp khác còn có các sai phạm khác trong việc tính thuế TNDN như: Không kê khai hết các khoản doanh nghiệp, không khấu trừ tại nguồn đối với các trường hợp như: các khoản khuyến mại, thưởng bằng tiền; sai phạm trong việc tính sai thuế nhà thầu như chưa kê khai đầy đủ thuế nhà thầu nước ngoài đối với chi phí liên quan đến nhà thầu, chi phí ăn, ở, đi lại và các khoản dịch vụ khác liên quan; các khoản chi phí vận chuyển, lắp đặt và các dịch vụ khác đi kèm khi bán máy móc, thiết bị; kê khai sai thuế suất đối với ngành nghề theo quy định....

- Thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp qua việc nợ đọng thuế

Trong công tác quản lý thuế hiện nay, nợ thuế là tình trạng thường xuyên xảy ra với nguyên nhân và mức độ khác nhau. Nếu cơ quan thuế không có các biện pháp để theo dõi, quản lý, đôn đốc các khoản thu phát sinh sẽ tạo ra các khoản nợ thuế, nợ đọng thuế gây thất thu NSNN, như vậy gây bất bình đẳng cho người nộp thuế, giảm hiệu quả công tác quản lý thuế và tính nghiêm minh của chính sách thuế.

**Bảng 3.8: Số tiền nợ thuế từ năm 2018 đến năm 2022**

|  | <b>2018</b> | <b>2019</b> | <b>2020</b> | <b>2021</b> | <b>2022</b> |
|--|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Tổng số thuế nợ (tỷ kip)               | 680,98      | 661,51      | 679,94      | 670,87      | 659,23      |
| Số nợ thuế TNDN (tỷ kip)               | 134,94      | 128,04      | 119,15      | 124,20      | 118,57      |
| Tỷ lệ nợ thuế TNDN/tổng số thuế nợ (%) | 19,81       | 19,35       | 17,52       | 18,51       | 17,98       |

*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Số liệu cho thấy, số nợ thuế TNDN chiếm tỷ lệ không lớn trong tổng số nợ của các năm. Tuy nhiên qua các năm, tỷ lệ nợ thuế TNDN trên tổng số thuế nợ lại tăng.

**Bảng 3.9: Tình hình nợ đọng thuế TNDN giai đoạn 2018 - 2022***Đơn vị tính: Tỷ kip*

| Chỉ tiêu<br>Năm | Tình trạng nợ thuế TNDN |                        |           |
|-----------------|-------------------------|------------------------|-----------|
|                 | Nợ có khả năng thu      | Nợ khó có khả năng thu | Tổng cộng |
| 2018            | 112,45                  | 22,49                  | 134,94    |
| 2019            | 106,46                  | 21,58                  | 128,04    |
| 2020            | 99,39                   | 19,76                  | 119,15    |
| 2021            | 92,25                   | 21,95                  | 114,20    |
| 2022            | 97,74                   | 20,83                  | 118,57    |

*Nguồn: Vụ thuế Lào [59]*

Số nợ thuế TNDN khó có khả năng thu tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao so với thất thu thuế. Đây là thực trạng đáng lo ngại trong nhiệm vụ thu NSNN của cơ quan thuế. Để giảm thiểu nợ khó thu cũng như chống thất thu NSNN, cơ quan thuế cần phải đẩy mạnh hơn công tác quản lý, đôn đốc và cưỡng chế nợ thuế. Do đó, cơ quan thuế cần tiếp tục tăng cường các giải pháp quản lý và thu hồi nợ thuế nhằm giảm thiểu số nợ thuế, chống thất thu thuế.

*Hai là*, công tác khấu trừ, hoàn thuế, sử dụng hóa đơn thuế chưa đạt yêu cầu. Việc hạch toán kế toán và sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ từ trung ương đến địa phương không chính xác, không đầy đủ dẫn đến không minh bạch và thất thu. Đồng thời, không đủ chứng từ chứng minh việc khấu trừ, hoàn thuế TNDN dẫn đến việc hoàn thuế TNDN bị chậm và khó khăn. Các báo cáo kế toán hầu hết được làm sai lệch để khớp với số thuế muốn nộp.

Theo số liệu, kết quả xác minh hóa đơn gửi đến trong 5 năm cho thấy bình quân số lượng hóa đơn gửi đến hàng năm là khoảng 13.000 hóa đơn [59].

*Ba là*, một số doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện được việc kê khai các loại thuế theo quy định. Số lượng nộp hồ sơ hàng tháng thấp so với tổng số doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp chưa nộp hồ sơ trực tuyến. Một số doanh nghiệp không nộp báo cáo tài chính hàng năm để nhận Giấy chứng nhận nộp thuế hàng năm.

Sau khi triển khai TaxRIS, việc điền thông qua hệ thống đã tăng lên, trong 5 năm (2018-2022) có 756.828 Giấy chứng nhận nộp thuế đã được cấp trên toàn quốc [59].

*Bốn là*, việc đưa tất cả các doanh nghiệp đang áp dụng chế độ thuế khoán vào hệ thống thuế VAT chưa được thực hiện đúng mức. Kế hoạch bao gồm không được tuyên truyền và thực hiện không rõ ràng ở nhiều tỉnh, dẫn đến giảm thu thuế VAT. Hơn nữa, quyết định tăng cơ sở thuế VAT thêm 10% số người nộp thuế khoán đã không được nghiên cứu kỹ lưỡng.

Sau khi nghiên cứu việc bổ sung 10% doanh nghiệp (khoảng 6.770 doanh nghiệp) theo chế độ thuế khoán là không thực tế vì các công ty theo chế độ thuế khoán cũng bao gồm các doanh nghiệp nhỏ và quày hàng không có địa chỉ cố định. Từ đó, điều chỉnh mục tiêu là 661 doanh nghiệp. Sau khi triển khai vào năm 2019, 381 người nộp thuế khoán, bằng 5,63% tổng số người nộp thuế khoán, đã được đăng ký vào hệ thống thuế VAT [59].

Mặc dù đã có văn bản pháp luật về thu thuế đường bộ, nhưng ở cấp tỉnh, công tác thu còn gặp nhiều khó khăn, chưa có sự phối hợp với các thôn để phân công trách nhiệm thu nên mức thu còn thấp.

*Năm là*, việc áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý thuế TNDN còn nhiều khó khăn.

Nhiều doanh nghiệp chưa hiểu hết mục đích của việc sử dụng công nghệ CRS- POS. Họ đã không hoàn toàn hợp tác, so sánh với các doanh nghiệp khác, và trì hoãn việc cài đặt. Bản thân hệ thống vẫn chưa thể đáp ứng được nhu cầu của tất cả các doanh nghiệp, dẫn đến việc người dùng thiếu tin tưởng.

Việc sử dụng hệ thống TMIS vẫn còn nhiều thách thức. Ví dụ, thủ tục khai và nộp thuế vẫn sử dụng cơ chế cũ. Doanh nghiệp phải đến cơ quan thuế để khai thuế qua TMIS. Sau khi cơ quan thuế in tờ khai thuế của người nộp thuế, họ có thể thanh toán qua Easy Tax hoặc với Kho bạc Quốc gia. Các báo cáo được tạo ra từ hệ thống TMIS còn hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu phân tích và giám sát một số đơn vị kinh doanh rủi ro như không thể tách bạch doanh thu của các chi nhánh và nhà thầu phụ, báo cáo theo sơ đồ tài khoản của Chính phủ.

*Sáu là*, kết quả về kiểm soát chuyển giá của CHDCND Lào mới chỉ là bước đầu. Đây là vấn đề nhức nhối ở các nước trên thế giới nhưng lại tương đối mới ở CHDCND Lào nên chưa có những biện pháp hiệu quả.

Để phù hợp với thông lệ quốc tế, giảm bớt thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giảm bớt áp lực quản lý cho cơ quan thuế, từ 2017, Bộ Tài chính xác định các doanh nghiệp có quan hệ liên kết là các doanh nghiệp liên kết có rủi ro cao về chuyển giá gây thất thu cho ngân sách Nhà nước. Theo quy định này, số lượng các doanh nghiệp có quan hệ liên kết chỉ còn khoảng 201 doanh nghiệp, chỉ tương đương khoảng 5% số doanh nghiệp thuộc đối tượng được xác định là có quan hệ liên kết phải kê khai thông tin, điều chỉnh thông tin giao dịch.

*Bảy là*, công tác giám sát, báo cáo thu thuế chưa hiệu quả, nhất là các khoản nộp quá hạn, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và rút kinh nghiệm, còn hạn chế. Công tác kiểm tra quyết toán thuế cũng còn những mặt tồn tại cần được khắc phục như: Một số nội dung kiểm tra còn phụ thuộc nhiều vào khai báo chủ quan của doanh nghiệp. Thời gian cho một cuộc kiểm tra hiện nay quy định là không quá 5 ngày làm việc, thời gian này là ít so với khối lượng công việc đồ sộ mà Đoàn kiểm tra phải tiến hành. Chính vì thế, để đảm bảo tiến độ, không vượt giới hạn thời gian quy định, ở một số nội dung đoàn kiểm

tra không có điều kiện xác minh, tìm hiểu mà phải dựa hoàn toàn vào số liệu do doanh nghiệp cung cấp. Thông thường những nội dung đó là: phần vốn, tăng giảm tài sản cố định, tăng giảm trích khấu hao, phần công nợ, sản phẩm dở dang, thành phẩm tồn kho... Việc áp dụng các biện pháp xử phạt đối với hành vi chậm nộp tiền chưa đầy đủ. Do hạn chế về nhân lực và những khó khăn khác, nên không thể gửi lệnh phạt hàng tháng cho người nộp thuế.

### **3.3.3. Nguyên nhân kết quả và hạn chế trong chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào**

#### ***3.3.3.1. Nguyên nhân của kết quả***

- Được Đảng NDCM Lào và Nhà nước CHDCND Lào quan tâm, có sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời trong công tác chống thất thu thuế. Sự chỉ đạo, lãnh đạo sát sao của lãnh đạo Bộ Tài chính về công tác điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trong thời gian qua.

- Nguyên tắc làm việc, hướng dẫn và cơ chế giám sát rõ ràng và chi tiết, trong đó lập báo cáo phản hồi, phản ánh và rút kinh nghiệm.

- Chính sách, pháp luật, quy định phù hợp với tình hình hiện tại và là nguyên tắc cơ bản cho hoạt động của chính quyền;

- Nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế trong việc phát triển DPTA và tăng cường thu thuế. Đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương và các tổ chức quốc tế để vận động hỗ trợ xây dựng ngành quản lý thuế có khả năng ứng phó với những thay đổi của sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập với khu vực và thế giới. Trước đây, sự hỗ trợ từ các đối tác phát triển và các tổ chức quốc tế bao gồm JICA, IMF, Ngân hàng Thế giới (WB) và Liên minh Châu Âu (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Hợp tác song phương với các nước láng giềng như Việt Nam về tăng cường quản lý thuế cũng được tăng cường. Chính quyền cũng đã triển khai Khuôn khổ hợp tác ASEAN và tham gia các hội nghị, hội thảo để trao đổi bài học kinh nghiệm với cộng đồng quốc tế về quản lý thuế.

- Sự hỗ trợ của các công cụ hiện đại trong công tác thu ngân sách tỏ ra hiệu quả cao, giúp cho việc thanh toán thuận tiện hơn và thu hút được nhiều người nộp thuế hơn.

- Kiện toàn bộ máy ngành thuế là nhiệm vụ quan trọng và thiết yếu nhất của cơ quan quản lý thuế nhằm theo dõi, đánh giá việc thực hiện chiến lược, bố trí nguồn nhân lực và đảm bảo hoạt động được thực hiện theo đúng kế hoạch và cùng hướng trên con đường cải cách, củng cố nền hành chính. . Trước đây, IMF đã cung cấp trợ lý để tăng cường thiết lập chức năng của trụ sở, đặc biệt là nâng cao năng lực cho nhân viên để học các nhiệm vụ và hoạt động quan trọng, bao gồm cả quản lý rủi ro tuân thủ (CRM) để hỗ trợ hoạt động chung của trụ sở chính.

### ***3.3.3.2. Nguyên nhân của hạn chế***

- Nhận thức và hiểu biết pháp luật về thuế của công dân và các chủ thể kinh doanh còn thấp. Một số doanh nghiệp lợi dụng những kẽ hở của pháp luật để trốn tránh, trì hoãn nghĩa vụ thuế. Trong khi đó, công tác tuyên truyền, hỗ trợ của cơ quan thuế vẫn chưa sâu rộng. Chính những điều này nên hiệu quả hoạt động trong công tác hỗ trợ người nộp thuế phần nào bị hạn chế. Việc phổ biến các quy định để khuyến khích cá nhân, pháp nhân, tổ chức thực hiện việc tự khai thuế theo quy định của pháp luật chưa đạt hiệu quả như kế hoạch.

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế chưa thực sự đi vào chiều sâu, mới chỉ dừng lại ở việc đổi mới nội dung, chưa áp dụng các hình thức tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế thực sự sát với nhu cầu của người nộp thuế và từng nhóm người nộp thuế. Các hình thức tuyên truyền chưa thực sự phong phú, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế hiện nay, do đó cần phải có những biện pháp thích hợp với quy mô rộng hơn. Các hình thức tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng còn đơn điệu, cứng nhắc, chưa gây được ấn tượng, thu hút công chúng, số lượng tài liệu tuyên truyền còn ít, nội dung tuyên truyền chưa bao quát hết các chính sách thuế. Các cuộc hội nghị đối thoại giữa các doanh nghiệp với cơ quan thuế còn rất ít. Do vậy chưa giải

quyết được triệt để những thắc mắc của các doanh nghiệp về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chưa có cơ chế quản lý thuế theo mô hình người nộp thuế có trách nhiệm tự tính, tự khai, tự nộp và tự chịu trách nhiệm về kết quả kê khai thuế. Trong khi đó, ý thức tự giác, tự nguyện của các doanh nghiệp trong việc chấp hành kê khai, nộp thuế mặc dù được nâng lên nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn cố tình tìm mọi cách để trốn thuế, tránh thuế để giảm số thuế phải nộp

- Ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế chưa cao.

Sự hiểu biết chính sách thuế và tinh thần tự giác của người nộp thuế với nghĩa vụ thuế còn thấp. Hơn nữa, trình độ văn hóa, trình độ quản lý, trình độ công nghệ ở một số doanh nghiệp còn thấp nên chưa nghiên cứu tìm hiểu Luật thuế để thực hiện mà còn trông chờ được phổ biến lại nên khi thực hiện không tránh khỏi lúng túng dẫn đến sai sót trong khi thực hiện. Ngoài một phần nguyên nhân do người nộp thuế hiểu biết về pháp luật thuế còn hạn chế, một số doanh nghiệp có hành vi sai phạm trong thực hiện pháp luật thuế do chưa nắm bắt, cập nhật được các văn bản pháp luật về thuế, kế toán thì còn có một bộ phận các doanh nghiệp mặc dù rất am hiểu về chính sách thuế, chính sách kế toán nhưng cố tình vi phạm để làm lợi cho bản thân của doanh nghiệp. Việc tự tính, tự khai, tự nộp của các doanh nghiệp chưa tự giác cao. Một số doanh nghiệp kê khai không có thu nhập chịu thuế để không phải tạm nộp thuế TNDN trong năm, nhằm trì hoãn nộp thuế, chiếm dụng vốn NSNN. Cá biệt có doanh nghiệp trốn tránh trong quá trình kê khai, hạch toán, chưa tự giác kê khai đúng doanh thu, chi phí thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, cố tình bỏ sót các khoản doanh thu, khai tăng chi phí nhằm làm giảm thu nhập chịu thuế, giảm bớt số thuế phải nộp.

Một số doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh theo kiểu hộ gia đình nên chưa am hiểu nhiều về chính sách pháp luật thuế, chế độ kế toán thống kê vì vậy toàn bộ công tác hạch toán sổ sách kế toán, kê khai thuế đều giao khoán cho một người làm trên cơ sở hóa

đơn chứng từ do giám đốc doanh nghiệp cung cấp. Những người này thường phải ghi chép sổ sách kế toán, kê khai thuế mang tính chất đối phó mà không phản ánh được một cách chính xác toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến báo cáo tài chính, quyết toán thuế do doanh nghiệp lập thường không có độ tin cậy và chính xác làm ảnh hưởng đến kết quả phân tích đánh giá rủi ro của cơ quan thuế.

Đồng thời, chính sách thuế TNDN trong những năm qua thường xuyên có sự thay đổi mặc dù luôn được sự tuyên truyền hướng dẫn của cơ quan thuế tuy nhiên do giám đốc doanh nghiệp, kế toán không cập nhật thường xuyên, thiếu quan tâm nên vẫn còn rất nhiều vi phạm trong thực hiện kê khai, nộp thuế. Có giám đốc doanh nghiệp chưa ý thức được trách nhiệm nghĩa vụ của mình trong thực hiện kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật nên thường áp đặt ý chí về định lượng khoản thuế phải nộp cho người làm công tác kế toán phải kê khai thực hiện hoặc tìm mọi cách lách luật để trốn thuế, dấy dựa nộp thuế để nợ đọng kéo dài. Bên cạnh đó, tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán ở các doanh nghiệp này hiện nay còn rất sơ sài, chưa chú ý đến việc tổ chức công tác kế toán hợp lý và khoa học phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh, các kế toán viên thông thường là kiêm nhiệm, trình độ kế toán còn hạn chế cho nên nhiều chỉ tiêu trong tờ khai còn ghi sai, ghi thiếu, bỏ sót doanh thu còn khá nhiều.

- Việc mua bán chưa có thói quen lấy hóa đơn.

Các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài quốc doanh chưa tự giác trong việc xuất hóa đơn, kê khai đúng doanh thu, chi phí thực tế trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình, mà còn tìm mọi cách để giảm doanh thu, tăng chi phí.

Trong khi đó, người tiêu dùng ở CHDCND Lào vẫn còn thói quen mua hàng nhưng không yêu cầu người bán xuất hóa đơn hoặc không quan tâm đến nội dung của hóa đơn, việc thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt của người tiêu dùng cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thất thu thuế TNDN phổ biến,



nhều doanh nghiệp còn trì hoãn việc giao hóa đơn cho khách hàng với lý do là chưa thanh toán tiền thì chưa xuất hóa đơn dẫn đến cả bên mua lẫn bên bán đều vi phạm về kê khai thuế.

- Năng lực công tác trình độ chuyên môn của công chức ngành thuế còn yếu chưa đáp ứng yêu cầu công việc. Một số công chức chưa thực sự nắm bắt được chính xác tình hình kinh doanh và mức độ chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trang thiết bị làm việc lạc hậu, thiếu đồng bộ. Việc trao đổi thông tin giữa ngành thuế với các ngành liên quan chưa chặt chẽ, chưa kịp thời làm giảm tính khả thi, chính xác và hiệu quả trong công tác quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng.

- Công tác thanh tra thuế, kiểm tra thuế thiếu dữ liệu về người nộp thuế, vẫn tiến hành theo phương thức truyền thống, tốn quá nhiều gian. Doanh nghiệp phải đón tiếp quá nhiều đoàn thanh, kiểm tra, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, kết quả thanh kiểm tra truyền thống cũng chưa thực sự chính xác, hiệu quả không cao. Doanh nghiệp vẫn luôn lách gian lận về hóa đơn, gây khó khăn cho công tác kiểm tra.

Như vậy, việc để xảy ra tình trạng thất thu thuế không những không đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, làm ảnh hưởng không tốt tới uy tín của cơ quan thuế mà còn làm cho các doanh nghiệp coi thường luật pháp. Do đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng là cơ quan thuế cần phải đẩy mạnh công tác chống thất thu thuế, đặc biệt là đối với thuế TNDN.

### **Kết luận chương 3**

Qua việc đánh giá thực trạng chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào, chương này đã đạt được những kết quả sau:

*Một là*, khái quát tình hình thu thuế TNDN ở nước CHDCND Lào từ năm 2018 đến năm 2022. Trong 5 năm, số tiền thu thuế TNDN tăng gần gấp 2

lần, điều này cho thấy tình hình thu thuế TNDN ở CHDCND Lào tương đối ổn định và bảo đảm tính hiệu quả.

*Hai là*, khái quát tình hình thất thu thuế TNDN ở nước CHDCND Lào từ năm 2018 đến năm 2022. Mặc dù chiếm tỷ lệ không lớn trong tổng số nợ của các năm nhưng sẽ là con số thất thu thuế TNDN lớn nếu cơ quan thuế không có các giải pháp thu hồi tiền nợ thuế TNDN. Số nợ thuế TNDN khó có khả năng thu tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn chiếm tỷ lệ cao so với thất thu thuế TNDN.

*Ba là*, công tác chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào thời gian qua đã được những kết quả nhất định. Nhờ đó làm cho thất thu thuế TNDN ngày càng giảm, góp phần tăng thu cho NSNN, hạn chế các tiêu cực phát sinh trong công tác quản lý thu thuế TNDN và đảm bảo công bằng xã hội.

Tuy nhiên, công tác chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND vẫn còn một số hạn chế, khó khăn, cụ thể: hiểu biết về pháp luật thuế TNDN chưa cao; công tác kiểm tra khấu trừ, hoàn thuế, sử dụng hóa đơn thuế chưa đạt yêu cầu; việc đưa tất cả các doanh nghiệp đang áp dụng chế độ thuế khoán vào hệ thống thuế VAT chưa được thực hiện đúng mức; việc áp dụng khoa học công nghệ vẫn còn hạn chế...

*Bốn là*, đã chỉ ra được nguyên nhân của kết quả và hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, cả từ phía cơ quan thuế và người nộp thuế, cả yếu tố con người và kỹ thuật: công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế chưa thực sự đi vào chiều sâu; chưa có cơ chế để người nộp thuế có trách nhiệm tự khai, tự nộp; ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế chưa cao; việc mua bán chưa có thói quen lấy hóa đơn; cơ sở vật chất kỹ thuật còn hạn chế... Những nguyên nhân này đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác chống thất thu thuế TNDN của CHDCND Lào.

## Chương 4

# QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

### 4.1. BỐI CẢNH VÀ QUAN ĐIỂM CHỐNG THẤT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

#### 4.1.1. Bối cảnh ảnh hưởng đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Tình hình thế giới gần đây tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác, liên kết để phát triển là xu thế lớn nhưng xung đột vũ trang, sắc tộc vẫn diễn ra khốc liệt, điển hình như cuộc chiến Nga - Ukraine; Israel - Hamas, Hezbollah, Houthi... đã làm cho quan hệ giữa các nước chia rẽ sâu sắc, tác động mạnh mẽ tới hoạt động kinh tế thế giới. Chẳng hạn, các nước châu Âu cần khí đốt Nga nhưng do lệnh cấm vận nên không được mua hoặc mua qua trung gian với giá cao, từ đó đẩy chi phí sản xuất tăng lên; việc xuất khẩu ngũ cốc của Ukraine qua biển Đen bị tắc nghẽn, dẫn đến không lưu thông; Houthi tấn công tàu thương mại qua biển Đỏ, làm cho các tàu thương mại phải đi đường khác, tăng chi phí và thời gian vận tải... Bên cạnh đó, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục gia tăng với những hình thức khác nhau. Những điều đó đã tác động không nhỏ tới hoạt động kinh tế thế giới, trong đó có các doanh nghiệp của CHDCND Lào hoặc hợp tác với CHDCND Lào.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh với những thành tựu nổi trội. Công nghệ số phát triển mạnh mẽ, đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Sự tiến bộ của khoa học - công nghệ làm thay đổi đời sống kinh tế - xã hội, hình thành chính phủ số, kinh tế số, xã hội số... Theo đó, số hóa sẽ tạo ra đột phá về lực lượng sản xuất, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa...

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo nên những thay đổi trong sản xuất, kinh doanh. Nhiều hoạt động được tự động hóa, giải phóng sức lao động; phương thức mua hàng, thanh toán cũng thông qua điện tử, nhanh hơn, tiện lợi hơn. Thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo điều kiện cho Chính phủ và ngành thuế Lào áp dụng các biện pháp quản lý doanh nghiệp, quản lý thuế theo phần mềm, ứng dụng số. Điều này bảo đảm tính chính xác, chặt chẽ, khách quan, hạn chế tình trạng gian lận thuế. Tuy nhiên, sự phát triển đó cũng là điều kiện cho tội phạm công nghệ gia tăng, các doanh nghiệp tìm cách gian lận thuế. Dù vậy, với tính hợp pháp và sự chủ động, Chính phủ và ngành thuế Lào buộc phải tìm biện pháp để tránh gian lận thuế.

Các vấn đề toàn cầu và các vấn đề an ninh phi truyền thống có tác động sâu rộng mang tính xuyên quốc gia, vừa là mối đe dọa cấp bách, vừa mang tính lâu dài. Đặc biệt, tính phức tạp thể hiện ở chỗ, hầu hết các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống đều có sự đan xen chặt chẽ với nhau, trong mọi mặt của đời sống quan hệ quốc tế và liên quan mật thiết đến an ninh truyền thống, do đó, một vấn đề có thể làm trầm trọng thêm rất nhiều các vấn đề khác. Dịch bệnh COVID-19 là một ví dụ điển hình. Biến đổi khí hậu toàn cầu cũng là thách thức an ninh phi truyền thống, đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của loài người. Vấn đề an ninh mạng tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, phát sinh những xung đột mới với nhiều hệ lụy bất ổn đối với các quốc gia. Các cuộc cạnh tranh về tài nguyên, như nước, lương thực, năng lượng... là nguyên nhân trực tiếp của nhiều cuộc xung đột cục bộ và nguyên nhân sâu xa của xung đột địa - chính trị tại nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới. Từ đó gia tăng khoảng cách phát triển giữa các nước, nhất là các nước đang phát triển, tạo ra nhiều thách thức xã hội lớn (nhất là vấn đề lao động, việc làm).

CHDCND Lào đang đổi mới, mở cửa hội nhập và phát triển, đang thoát ra khỏi tình trạng nước nghèo, tiềm lực kinh tế được nâng cao. Những năm tới

là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng của nền kinh tế từ một nền kinh tế phát triển thấp sang một nền kinh tế phát triển trung bình hội nhập sâu và toàn diện vào nền kinh tế thế giới. Tiến trình hội nhập sâu, rộng hơn cũng sẽ làm cho chính sách phát triển kinh tế thay đổi ngày càng toàn diện và sâu sắc.

Tuy nhiên, ở CHDCND Lào, quy định về thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng sẽ rất lâu mới có thể hoàn thiện. Việc thu hút doanh nghiệp của CHDCND Lào chưa nhiều, các doanh nghiệp trong nước chưa được mạnh. Vì thế việc thu thuế TNDN còn hạn chế.

Với tình hình trong nước và quốc tế hiện nay, việc chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào vừa có những cơ hội đan xen với những thách thức. Đội ngũ cán bộ, quản lý thuế sẽ ngày càng nâng cao trình độ, do đó sẽ hạn chế việc thất thu thuế. Bên cạnh đó, quy định của pháp luật yêu cầu phải ngày càng hoàn thiện hơn, tạo cơ sở pháp lý cho quản lý thuế TNDN, tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp nâng cao ý thức tự giác nộp thuế TNDN.

Tuy nhiên, bối cảnh hiện nay, doanh nghiệp vẫn tìm kẽ hở, tận dụng sự yếu kém của quy định pháp luật, sự yếu kém của đội ngũ cán bộ, công chức để trốn thuế, tránh thuế. Việc trốn thuế, tránh thuế của doanh nghiệp có chiều hướng ngày càng tinh vi hơn và khó khăn hơn. Như vậy, bối cảnh thế giới và trong nước có động đến không nhỏ đến công tác chống thất thu thuế TNDN của CHDCND Lào.

#### **4.1.2. Quan điểm chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào**

##### ***4.1.2.1. Kiểm soát chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp phải dựa trên quy định của pháp luật***

Để quản lý xã hội, có nhiều công cụ khác nhau như pháp luật, đạo đức, phong tục, tập quán, tín điều tôn giáo, quy định của các cộng đồng dân cư, của các tổ chức xã hội... Mỗi công cụ đều vừa có những mặt mạnh, vừa có những hạn chế nhất định. Với những ưu thế vượt trội như tính quyền lực nhà

nước (tính bắt buộc chung, tính cưỡng chế), tính xác định về hình thức, tính quy phạm phổ biến..., pháp luật có khả năng triển khai những chủ trương, chính sách của nhà nước một cách nhanh chóng, đồng bộ, có hiệu quả và rộng khắp trên quy mô cả nước. Do vậy, pháp luật đã trở thành công cụ quan trọng, có hiệu quả nhất để nhà nước tổ chức và quản lý các mặt của đời sống xã hội.

Trong lĩnh vực thuế, các quy định của pháp luật gồm các quan hệ:

- Nhóm các quan hệ phát sinh trong quá trình quản lý thuế gồm các hành vi: Chấp hành những quy định về thuế của các cơ quan có thẩm quyền, chống hiện tượng chiếm dụng và trốn lậu thuế; Xác định phạm vi người nộp thuế và các nguyên tắc đánh thuế; Xác định đúng đối tượng tính thuế và các căn cứ tính thuế; Xác định cách thức tính thuế, quyết định việc miễn giảm thuế trên Cơ sở quy định của pháp luật; Tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm chống thất thu thuế; Thanh tra, kiểm tra quá trình thu, nộp thuế.

- Nhóm các quan hệ phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế, gồm: Thực hiện đăng kí, kê khai thuế; thực hiện nộp thuế theo trình tự; thực hiện chế độ báo cáo thuế và các vấn đề có liên quan đến cơ sở xác định số thuế phải nộp với cơ quan có thẩm quyền; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét đúng, chính xác số thuế phải nộp trong những trường hợp cần thiết.

- Nhóm các quan hệ phát sinh trong quá trình xử lý vi phạm và khiếu nại về thuế gồm:

+ Hoạt động xử lý vi phạm về thuế liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật thuế như nợ thuế, sót thuế, trốn thuế, chống thuế nhưng chưa đến mức cấu thành tội phạm hình sự;

+ Giải quyết khiếu nại những quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền khi ra các quyết định không đủ căn cứ, không công bằng, không đúng pháp luật...

Thông qua các quy định pháp pháp luật về thuế, nhà nước xác định hành lang, khuôn khổ pháp lí cho hoạt động của các chủ thể xã hội, xác định

các biện pháp kiểm tra giám sát và xử lý những chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế. Trên cơ sở quy định pháp luật về thuế, nhà nước động viên nguồn tài chính vào ngân sách nhà nước; hạn chế tối đa sự thất thoát nguồn thu.

Quy định của pháp luật về kiểm soát chống thất thu thuế TNDN phải bảo đảm cơ chế chính sách theo hướng công bằng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực hiện đúng pháp luật thuế. Tổ chức triển khai thực hiện tốt có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp ...

#### ***4.1.2.2. Chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp phải bảo đảm sự bình đẳng***

Thực tế cho thấy luôn có một bộ phận tổ chức, cá nhân cố tình trốn thuế, gian lận thuế, cố tình chây ỳ nộp thuế TNDN bằng nhiều thủ đoạn tinh vi. Có thể thấy hành vi chiếm đoạt tiền thuế còn diễn ra không chỉ là cá biệt một đơn vị, cá nhân mà còn diễn ra trên phạm vi cả nước. Các hành vi vi phạm pháp luật về thuế TNDN trên sẽ gia tăng nếu cơ quan thuế không áp dụng các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn. Việc áp dụng các biện pháp chống thất thu thuế TNDN phải đảm bảo phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp, đồng thời nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, đảm bảo tính hiệu lực của pháp luật Nhà nước.

Chống thất thu thuế TNDN phải bảo đảm sự bình đẳng. Các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực, kịp thời, phải thu đúng, thu đủ, nghiêm cấm việc cố ý kết luận sai sự thật, quyết định, xử lý trái pháp luật, bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật. Kịp thời triển khai những kế hoạch đã được xây dựng và nghiêm túc xử lý các sai phạm một cách kịp thời và có hiệu quả. Để làm được điều này thì chống thất thu thuế TNDN phải được thực hiện trên cơ sở phân tích

thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế, đánh giá việc chấp hành pháp luật của người nộp thuế, xác minh và thu thập chứng cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

Có thể thấy quan điểm về nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế gắn liền với việc phải bảo đảm bình đẳng về nghĩa vụ thuế đối với mọi thành phần sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế, có nghĩa là phải đối xử như nhau giữa các doanh nghiệp.

***4.1.2.3. Chống thất thu thực và chống thất thu tiềm năng phải cùng được thực hiện đồng bộ***

- Thất thu thuế tiềm năng là khoản thuế có thể thu nhưng lại không được quy định điều chỉnh trong các Luật thuế. Nguyên nhân chủ yếu của việc thất thu thuế tiềm năng là do chính sách thuế TNDN chưa tính hết diễn biến thực tế của các hoạt động phát sinh trong nền kinh tế, do vậy chưa đưa vào phạm vi điều chỉnh tại các văn bản pháp luật về thuế. Do đó, chống thất thu thuế tiềm năng được thực hiện bằng việc hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật thuế nói chung, đảm bảo chính sách thuế bao quát, điều tiết một cách đầy đủ các khả năng có thể đánh thuế trong nền kinh tế. Đối với thuế TNDN, chống thất thu thuế tiềm năng là việc hoàn thiện pháp luật thuế TNDN, đảm bảo Luật thuế này quản lý, điều tiết được tất cả các khoản thu nhập đã, đang và sẽ phát sinh trong tất cả quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung chống thất thu thuế tiềm năng thường được trực tiếp thực hiện bởi cơ quan lập pháp khi nghiên cứu, ban hành các quy định pháp luật về thuế.

- Thất thu thuế thực là các khoản thất thu thuế phát sinh do người nộp thuế cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ thuế. Chính vì vậy, để chống thất thu thuế thực, đòi hỏi việc tổ chức thực hiện pháp luật thuế TNDN, quản lý thu thuế TNDN phải đảm bảo không phát sinh hiện tượng gian lận, trốn thuế, tránh thuế, nợ đọng thuế của người nộp thuế. Hay nói cách khác, để chống thất thu thuế thực, nội dung quan trọng nhất là nâng cao hiệu lực, hiệu quả



quản lý thuế; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế TNDN của người nộp thuế và tạo điều kiện tối đa để người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ thuế của mình. Rõ ràng, để chính sách thuế TNDN được thực thi và đạt được các mục tiêu đã đặt ra, đòi hỏi pháp luật thuế phải được triển khai thực hiện và tuân thủ đầy đủ trong đời sống kinh tế - xã hội.

Các nội dung chủ yếu trong chống thất thu thuế thông qua việc tổ chức thực hiện các chức năng quản lý thuế của cơ quan thuế.

Thất thu tiềm năng hay thất thu thực cũng đều gây thiệt hại cho NSNN. Chính vì thế, cần coi trọng cả chống thất thu tiềm năng và chống thất thu thực. Có như thế, mới bảo đảm NSNN không bị thất thoát.

#### ***4.1.2.4. Các ngành, các cấp cùng vào cuộc trong hoạt động chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp***

Hoạt động của doanh nghiệp là rất rộng, trên mọi lĩnh vực, ở mọi địa bàn. Việc chống thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng, nếu chỉ có ngành thuế sẽ không thể làm được mà phải có sự phối hợp với các cơ quan chức năng như: Thông tin và Truyền thông, Công thương, Quản lý thị trường, ngân hàng thương mại, công ty viễn thông, công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền dẫn, cung cấp hạ tầng mạng, các công ty bưu chính, chuyển phát, để thu thập, nắm bắt thông tin của các đơn vị có hoạt động thương mại điện tử...

Công tác quản lý thu thuế là một trong những hoạt động mang tính kinh tế, chính trị, xã hội tổng hợp - là sự nghiệp của Đảng và Nhà nước Lào trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Do đó, phải có sự tham gia tích cực của các ngành, các cấp, của quần chúng trong việc chống thất thu thì công cụ thuế sẽ phát huy hiệu quả cao.

Chống thất thu thuế là nhiệm vụ không của riêng ngành thuế, mà là nhiệm vụ chung của mỗi cơ quan, tổ chức và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức nhằm bảo đảm nguồn thu cho NSNN. Ngành thuế cần phối hợp có hiệu

quả với các cơ quan liên quan rà soát, đối chiếu để xác định chính các số đơn vị đang hoạt động, ngừng, nghỉ kinh doanh, bỏ trốn, mất tích. Để từ đó xác định việc thu thuế TNDN chính xác, đầy đủ. Đồng thời, ngành thuế cũng cần tăng cường kiểm tra tổ chức, cá nhân không đăng ký kinh doanh nhưng thực tế có kinh doanh để đưa vào diện quản lý thuế. Phát hiện và xử lý kịp thời những hiện tượng lợi dụng chính sách thuế để hoàn thuế không đúng đối tượng, sai mục đích. Tổ chức thu đầy đủ, kịp thời vào NSNN đối với các khoản thu được quy định.

## **4.2. GIẢI PHÁP CHỐNG THÁT THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**

### **4.2.1. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế**

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế phù hợp với tình hình phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn, cơ quan thuế cần phải có sự phân nhóm doanh nghiệp theo ngành nghề... để có hình thức và nội dung tuyên truyền hỗ trợ chuyên sâu, phù hợp với từng nhóm doanh nghiệp, có như vậy thì doanh nghiệp mới hiểu biết rõ, chính xác kịp thời chính sách thuế liên quan đến nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp. Cần phân loại nhóm doanh nghiệp cùng chung đặc điểm ngành nghề như ngành xây dựng, vận tải, bán lẻ..., xây dựng nội dung và hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm để mang lại hiệu quả tuyên truyền tốt nhất; tập trung vào các nội dung cần thiết có liên quan đến từng nhóm, lắng nghe những vấn đề doanh nghiệp mong muốn và truyền đạt các vấn đề doanh nghiệp cần nghe nhằm mang lại hiệu quả hỗ trợ tuyên truyền tốt nhất.

Tăng cường các buổi đối thoại với doanh nghiệp theo chuyên đề, nắm bắt kịp thời nhu cầu của người nộp thuế. Các buổi đối thoại với người nộp thuế cần quan tâm đến chất lượng thì mới thu hút được người nộp thuế tham dự, chính thuế mới phải được tuyên truyền kịp thời. Hoạt động đối thoại với doanh nghiệp, cần lắng nghe ý kiến của người nộp thuế, nắm bắt nhu cầu cần

hỗ trợ của người nộp thuế để có chương trình kế hoạch tuyên truyền phù hợp. Tăng cường phối hợp với các Hiệp hội và các cơ quan truyền thông trong việc tuyên truyền các chính sách mới đến người nộp thuế.

Đối với các doanh nghiệp mới thành lập, chưa nắm bắt kịp chính sách pháp luật thuế và thủ tục hành chính thuế, cơ quan thuế cần phải hỗ trợ thêm cho doanh nghiệp. Căn cứ vào quy định thuế hiện hành, cơ quan thuế cần biên tập thành tài liệu để đến người nộp thuế khi người nộp thuế được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Với tài liệu này, họ sẽ biết được các loại hồ sơ khai thuế cần nộp, biết cách kê khai thuế, thời hạn nộp tờ khai thuế, thời hạn nộp thuế, đăng kí giao dịch điện tử... Định kỳ hằng tháng hoặc hằng quý hoặc hằng năm, cơ quan thuế tra cứu và kết xuất danh sách các doanh nghiệp mới thành lập trên hệ ứng dụng để nắm bắt doanh nghiệp mới thành lập, từ đó có phương pháp tuyên truyền phù hợp.

Công tác tuyên truyền hỗ trợ không chỉ là nhiệm vụ của riêng cá nhân, phòng ban nào của cơ quan thuế, mà là nhiệm vụ của toàn thể cán bộ, công chức ngành thuế. Đối với bộ phận kiểm tra, thanh tra thuế thường xuyên tiếp xúc người nộp thuế, trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại trụ sở, cần kết hợp với việc đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ tư vấn pháp luật về thuế cho người nộp thuế, giải đáp thắc mắc cho người nộp thuế khi thực hiện chính sách thuế.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế để nâng cao tính tuân thủ tự nguyện. Thường xuyên chuẩn hóa, kiện toàn các nội dung tuyên truyền liên quan đến công tác đăng ký kê khai thuế, đăng nộp miễn, giảm thuế... nhất là việc bán hàng xuất hóa đơn và mua hàng phải lấy hóa đơn trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong nền kinh tế và cho cả công tác quản lý thuế. Từng bước đưa chính sách thuế vào cuộc sống để nâng cao tính tuân thủ chấp hành nghĩa vụ thuế.

Tăng cường công tác hướng dẫn, tuyên truyền chính sách, pháp luật

thuế, người nộp thuế càng hiểu biết rộng rãi pháp luật, quy định về kinh doanh và thuế bao nhiêu càng tạo điều kiện cho cán bộ thuế thực hiện nhiệm vụ của mình một cách dễ dàng bấy nhiêu. Đồng thời, xây dựng mạng lưới cộng tác viên làm chỗ dựa cho việc phối hợp, tổ chức, triển khai thực hiện các luật thuế đem lại kết quả cao hơn. Vận động người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế, nộp thuế theo đúng quy định.

***Đề xuất thực hiện giải pháp:***

- Xây dựng tủ sách các văn bản pháp quy về chính sách thuế, các quy trình thủ tục quản lý thuế để người nộp thuế thuận tiện tra cứu, tìm hiểu.

- Chuẩn hoá các nội dung tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; từng bước hoàn thiện các nội dung tuyên truyền hỗ trợ. Xây dựng kho dữ liệu phục vụ công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế.

- Nâng cao chất lượng trang thông tin của Vụ thuế Lào, đảm bảo phong phú về nội dung, hấp dẫn về hình thức để thu hút lượng truy cập của người nộp thuế, kịp thời đăng tải những chính sách pháp luật mới, những văn bản hướng dẫn về thuế lên trang thông tin điện tử để phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin của doanh nghiệp.

**4.2.2. Đẩy mạnh công tác quản lý người nộp thuế, quản lý đăng ký, kê khai thuế**

- Đối với tăng cường quản lý người nộp thuế, đây là khâu đầu tiên quan trọng nhằm đưa các doanh nghiệp vào diện quản lý của cơ quan thuế. Thực hiện tốt công tác quản lý người nộp thuế sẽ tránh được tình trạng thất thu thuế do không bao quát hết số lượng người nộp thuế đồng thời đảm bảo sự đóng góp công bằng giữa các doanh nghiệp. Thực tế vẫn có những doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở về pháp luật thuế để trốn thuế TNDN như kê khai chi phí cao dẫn đến lợi nhuận thấp, thậm chí còn không có lợi nhuận dẫn đến không thu được thuế TNDN. Để khắc phục hạn chế này cần thực hiện một số nội dung sau đây:

+ Phối hợp với các ban, ngành chức năng rà soát lại tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Cần quan tâm giám sát cơ sở kinh doanh nào mới thành lập, cơ sở nào nghỉ tạm thời, giải thể, phá sản để có kế hoạch quản lý kịp thời, đảm bảo đưa 100% số người nộp thuế thực tế kinh doanh vào diện quản lý thuế.

+ Cán bộ thuế phải thường xuyên giám sát, điều tra, nắm bắt tình hình người nộp thuế kinh doanh trên địa bàn thuộc mình phụ trách. Liên hệ với chính quyền địa phương để nắm được người nộp thuế có thực tế hoạt động trên địa bàn hay không, người nộp thuế được thành lập mới, số người nộp thuế được cấp giấy phép kinh doanh, người nộp thuế nghỉ kinh doanh thật hay giả. Cán bộ thuế hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc bỏ sót người nộp thuế trên địa bàn được phân công, có như vậy công tác quản lý người nộp thuế mới có hiệu quả.

+ Đối với người nộp thuế đang trong diện quản lý thuế, phải thường xuyên theo dõi tình hình biến động về hoạt động sản xuất kinh doanh, tích cực kiểm tra phát hiện sự thay đổi ngành nghề, quy mô kinh doanh, nguyên nhân bỏ kinh doanh, nghỉ kinh doanh, tách, nhập, nắm danh mục các loại thuế phải nộp của người nộp thuế. Từ đó, đánh giá nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế để có các biện pháp quản lý thu đạt hiệu quả hơn. Đối với những người nộp thuế có biểu hiện nghi vấn thì phải chú ý và thường xuyên thị sát, điều tra nắm rõ tình hình kinh doanh, kết hợp với việc kiểm tra giấy phép kinh doanh, hóa đơn chứng từ, sổ sách kế toán.

+ Cơ quan thuế phải phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các cấp, từng bước nắm chắc đầy đủ đặc điểm kinh doanh của từng người nộp thuế trên địa bàn, xác định được chính xác các loại thuế mà người nộp thuế phải nộp để tránh bị thất thu thuế.

+ Đối với những doanh nghiệp xin nghỉ kinh doanh đặc biệt là các doanh nghiệp xin nghỉ tạm thời thì phải xác định rõ nguyên nhân và thường

xuyên kiểm tra nắm bắt tình hình. Có hiện tượng người nộp thuế xin nghỉ nhưng thực tế vẫn kinh doanh, đây là một cách trốn thuế hết sức phổ biến. Điều này không chỉ xuất phát từ ý đồ của người nộp thuế mà còn có trường hợp có cả sự thông đồng của các cán bộ thuế. Vì vậy, người nộp thuế phải có đơn xin nghỉ, nêu rõ lý do nghỉ, thời gian nghỉ, và phải được lãnh đạo cơ quan thuế xét duyệt. Từ đó, cơ quan thuế có thể quản lý chặt chẽ người nộp thuế nghỉ kinh doanh, giảm thiểu việc trốn thuế thông qua thủ đoạn này.

+ Vụ Thuế phải thường xuyên yêu cầu các đơn vị thực hiện quản lý tốt người nộp thuế. Thực hiện phân công công việc, nhiệm vụ giữa các cán bộ thuế. Mỗi cán bộ chịu trách nhiệm quản lý một địa bàn và phải nắm rõ được những thông tin cần thiết của các công ty và phải gắn trách nhiệm của cán bộ thuế với tình trạng bỏ sót người nộp thuế trên địa bàn mà mình kiểm soát. Tuỳ theo mức độ hoàn thành công việc được giao mà đơn vị cần có chế độ thưởng, phạt hợp lý cho các cán bộ để khuyến khích lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm với công việc. Có thể linh hoạt thay đổi vị trí công tác của các cán bộ để hạn chế tình trạng cán bộ chuyên quản, hạn chế phần nào những tiêu cực sẽ phát sinh.

+ Xây dựng kế hoạch nắm bắt một cách đầy đủ và cụ thể về tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp, chủ động liên hệ với các doanh nghiệp này và các cơ quan cung cấp thông tin doanh nghiệp để nắm bắt nhanh nhất tình hình kinh doanh cũng như tình hình tài chính, tình hình thu chi của các doanh nghiệp.

+ Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị quản lý thuế đối với doanh nghiệp.

- Đối với quản lý đăng ký, kê khai thuế.

Xây dựng và cụ thể hóa quy trình đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế nói chung và đăng ký, khai thuế, nộp thuế thu nhập đối với các doanh nghiệp. Với số lượng doanh nghiệp bỏ trốn, nghỉ kinh doanh, tạm nghỉ kinh doanh liên tục tang qua các năm, vấn đề đặt ra là cơ quan thuế phải nắm vững thông tin, bám

sát doanh nghiệp để tăng cường quản lý, hạn chế thất thu thuế đối với những doanh nghiệp này.

Do vậy, cơ quan thuế quản lý chặt chẽ việc đăng ký thuế, kê khai thuế của doanh nghiệp. Theo đó, cần rà soát lại danh sách các doanh nghiệp thành lập được cấp giấy chứng nhận kinh doanh, số doanh nghiệp đã đăng ký thuế được cấp mã số thuế trên địa bàn từng địa phương. Xác định rõ số doanh nghiệp đang hoạt động có kê khai thuế, nộp thuế và số doanh nghiệp hoạt động không kê khai, nộp thuế để phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương có chế tài xử phạt và yêu cầu doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế. Xác định số doanh nghiệp không hoạt động mà không thông báo với cơ quan thuế làm thủ tục đóng mã số thuế, thu hồi giấy phép kinh doanh của các doanh nghiệp này. Triển khai và tuyên truyền cho các doanh nghiệp về quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp hàng tháng, quý, năm theo các tiêu chí rõ ràng về doanh thu, chi phí, số thuế kê khai phải nộp, số thuế đã nộp.

Cơ quan thuế cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan như công thương, tài chính... để quản lý đối với các doanh nghiệp nghỉ kinh doanh, tạm nghỉ kinh doanh; phối hợp với cơ quan công an, viện kiểm sát nhân dân để xử lý vi phạm đối với những doanh nghiệp bỏ trốn.

***Đề xuất thực hiện giải pháp:***

- Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, cần đa dạng hóa các hình thức truyền truyền: Truyền truyền trực tiếp khi làm việc với người nộp thuế; qua công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn; qua phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội; qua trang thông tin điện tử của cơ quan thuế...

- Về quản lý đăng ký thuế, định kỳ kiểm tra, rà soát các doanh nghiệp đã có mã số thuế, qua đó phát hiện những doanh nghiệp đã đăng ký nhưng chưa hoạt động. Từ đó có biện pháp đối với các doanh nghiệp này, tránh tình trạng "doanh nghiệp ma".

- Về kê khai thuế, cần tăng cường hiệu quả phân tích tờ khai tại cơ quan thuế thông qua việc mở sổ theo dõi diễn biến số thu trên tờ khai thuế TNDN. Trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin, Sổ theo dõi nên có phần mềm để dễ dàng quản lý, tra cứu.

#### **4.2.3. Tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế**

Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là chức năng hết sức quan trọng của ngành thuế. Nếu thực hiện tốt chức năng này thì quản lý nhà nước về thuế mới đảm bảo tính hiệu lực, khi đó công tác chống thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng mới đạt hiệu quả. Khi doanh nghiệp nợ thuế có nghĩa là NSNN chưa có tiền và nếu không đòi được nợ thì sẽ không có tiền. Do vậy cần hết sức quan tâm đến việc quản lý nợ và đôn đốc cưỡng chế nợ thuế.

Xác định tầm quan trọng của việc quản lý nợ và thu hồi nợ đối với công tác thu NSNN, cơ quan thuế CHDCND Lào đã tập trung đôn đốc quyết liệt các khoản nợ thuế, triển khai mạnh mẽ các biện pháp cưỡng chế nợ đối với những đối tượng có khoản nợ quá hạn. Tuy nhiên, số nợ thuế vẫn tăng do nhiều doanh nghiệp có số nợ đọng lớn, không có khả năng thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách; một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ tự bỏ kinh doanh, không khai báo và không nộp thuế.

Quản lý nợ thuế TNDN là công tác quan trọng để cơ quan thuế xác định được tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn, qua đó thúc đẩy người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế chống thất thu thuế TNDN. Công tác cưỡng chế thuế là công tác cuối cùng nhưng rất quan trọng, nó thể hiện tính chất bắt buộc phải tuân thủ pháp luật thuế bởi quyền lực của nhà nước. Công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế của CHDCND Lào đòi hỏi phải có giải pháp tăng cường chống thất thu thuế TNDN thông qua quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế:

- Triển khai tốt công tác quản lý nợ thuế theo Luật quản lý thuế, thường xuyên phối hợp với các ngành: kho bạc nhà nước, các ngân hàng thương mại



để tiến hành thu thuế, thu nợ của người nộp thuế qua đối tượng thứ ba. Phân loại nợ, phân tích cụ thể, chính xác các khoản nợ đọng thuế, xác định được tuổi nợ thuế. Hình thành một hệ thống biểu mẫu theo dõi các khoản nợ, số nợ, tuổi nợ của các doanh nghiệp. Xác định chính xác 100% số nợ dưới 30 ngày; 30 - 90 ngày; trên 90 ngày; nợ của từng năm trước.

- Thường xuyên đối chiếu số liệu với bộ phận kê khai kế toán thuế để xác định chính xác số nợ thuế của từng doanh nghiệp. Thực hiện phân loại nguồn gốc, lịch sử, tuổi nợ thuế từ đó đề xuất các biện pháp thu nợ đạt hiệu quả.

- Thường xuyên áp dụng các biện pháp đôn đốc, nhắc nhở, phạt chậm nộp. Kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật đối với những khoản nợ thuộc diện phải cưỡng chế, đảm bảo thu đủ với số thuế đã kê khai, không thể để nợ mới phát sinh. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với đội quản lý nợ thuế để thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nợ thuế, xử lý kịp thời các khoản nợ ảo, nợ chờ điều chỉnh.

- Đội quản lý nợ ban hành thông báo nợ và tiền nộp chậm đối với 100% đối tượng nợ thuế, phải hạch toán kịp thời tiền phạt nộp chậm trên hệ thống. Đối với các khoản nợ đọng thuế mà doanh nghiệp chây ì thì phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế như ra lệnh trích khoản tiền gửi ngân hàng, kê biên tài sản bán đấu giá, thu hồi mã số thuế, ngừng bán hoá đơn, thu hồi giấy phép kinh doanh... Muốn vậy, cơ quan thuế cần thể hiện rõ quyết tâm đôn đốc và cưỡng chế nợ thuế, tránh việc nể nang, chần chừ khi ra quyết định cưỡng chế; cân nhắc áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp với đặc điểm của từng doanh nghiệp nợ thuế để đảm bảo thu được số thuế nợ cao nhất; xây dựng kế hoạch hoàn thiện công tác rà soát, phân loại nợ thuế; hoàn thiện các kế hoạch quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; đa dạng hóa các biện pháp cưỡng chế nợ thuế.

***Đề xuất thực hiện giải pháp:***

- Cơ quan quản lý thuế thường xuyên đôn đốc thu nợ thuế. Thu đúng, thu đủ và kịp thời nhằm đảm bảo công bằng trong xã hội, hạn chế được rủi ro

do các khoản tồn nợ đọng, chậm trả, cố tình hoặc mất khả năng nộp thuế của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tổ chức, đối chiếu, rà soát chính xác từng khoản nợ thuế, phân tích rõ ràng tình trạng nợ và nguyên nhân nợ để tìm giải pháp giải quyết dứt điểm.

Đồng thời, công khai danh sách các doanh nghiệp nợ thuế TNDN. Tổ chức thu ngay các khoản nợ phát sinh, tránh tình trạng để nợ kéo dài. Đối với những doanh nghiệp có hành vi trốn thuế, cần chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát để điều tra, truy tố.

- Trước khi tổ chức đoàn cưỡng chế cần có kế hoạch dự trù khả năng thu cũng như chi phí thực hiện thu khoản nợ. Bên cạnh đó, cần sắp xếp, chia thời gian và bố trí nhân lực phân loại nợ, phân tích nợ, thu thập lại các dữ liệu nợ khoanh nhằm làm cơ sở đề xuất xóa nợ hoặc có hướng xử lý nợ hợp lý.

- Hiện thực hoá các sáng kiến cải tiến liên quan đến cải cách thủ tục hành chính trong công tác đôn đốc thu nợ thuế. Có thể chọn lựa và áp dụng các sáng kiến thu nợ thuế phù hợp với tình hình địa phương nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác thu nợ thuế. Song song đó, bổ sung chỉ tiêu tỷ lệ nợ trên tổng số nộp NSNN từ thuế TNDN làm căn cứ khen thưởng doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác nộp thuế hàng năm.

#### **4.2.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành thuế**

Nâng cao năng lực và trình độ của cán bộ thuế luôn là điều kiện không thể thiếu trong công cuộc xây dựng các biện pháp chống thất thu thuế TNDN. Nền kinh tế càng phát triển thì nhiệm vụ và yêu cầu đặt ra cho việc quản lý thuế càng cao và nặng nề hơn. Điều này đòi hỏi trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức thuế phải không ngừng được nâng cao về mọi mặt để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới đặt ra trong quá trình chống thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng. Để đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế phát huy được khả năng và liên tục trau dồi thêm kiến thức mới phù hợp với điều kiện phát triển chung của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cần thực hiện một số nội dung:

Một là, tuyển dụng công chức có trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, động lực phát triển.

Xây dựng đề án vị trí việc làm, cơ cấu tổ chức thực hiện quản lý thuế nói chung và quản lý thuế đối với doanh nghiệp nói riêng, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định về phân công, nhiệm vụ, trách nhiệm của các cá nhân, các bộ phận cụ thể thực hiện quản lý thuế. Trên cơ sở đó, Vụ thuế có kế hoạch tuyển chọn công chức trẻ từ các sinh viên tốt nghiệp các trường đại học để bổ sung cho nguồn nhân lực. Đào tạo đội ngũ cán bộ thuế trẻ, năng động sáng tạo, vừa giỏi về pháp lý, chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là kỹ năng quản lý, kỹ năng vận động quần chúng, vừa có phẩm chất đạo đức cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư mà ngành thuế hướng tới.

Hai là, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ công chức ngành thuế; thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, khuyến khích cán bộ tự học hỏi nâng cao trình độ nhằm góp phần quản lý thu ngân sách đạt kết quả tốt. Xây dựng các chương trình đào tạo nhân lực, chú trọng đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng quản lý nói chung và kỹ năng quản lý thuế nói riêng. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, từ đào tạo tại chỗ đến đào tạo từ xa, đào tạo trực tiếp đến đào tạo trực tuyến... tạo mọi điều kiện cho người học tham gia đầy đủ và hiệu quả.

Xây dựng chiến lược quy hoạch công chức ngành thuế gắn với tiêu chuẩn hóa từng chức danh và yêu cầu công tác. Bên cạnh đào tạo chuyên môn nghiệp vụ còn phải chú ý đào tạo kiến thức về quản lý nhà nước, kinh tế thị trường, ngoại ngữ, tin học... Gắn việc đào tạo bồi dưỡng với quá trình sử dụng phù hợp với sở trường của từng công chức. Xây dựng kế hoạch khả thi đào tạo đội ngũ kế cận ở trong và ngoài nước.

Ba là, hàng năm cần tổ chức kiểm tra lại kiến thức của cán bộ, công chức thuế để có kế hoạch sắp xếp cán bộ, công chức thuế phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hàng năm phải đánh giá trách nhiệm, mức độ hoàn

thành nhiệm vụ của công chức và xử lý nghiêm minh các trường hợp cố ý làm sai trong thực thi công vụ.

Để đánh giá công chức một cách khách quan làm cơ sở cho công tác khen thưởng, thực hiện chế độ về lương, thưởng phù hợp thì cần xây dựng khung năng lực công chức chuẩn. Đồng thời đổi mới công tác đánh giá công chức để hướng tới đánh giá dựa trên kết quả thực thi công vụ. Xác định vai trò của người đứng đầu, chú trọng vai trò của người thủ trưởng trong phân công, sử dụng, đánh giá công chức và chịu trách nhiệm với kết quả thực hiện công việc của mình.

Bốn là, xây dựng văn hóa giao tiếp và ứng xử cho cán bộ, công chức ngành thuế.

Văn hóa giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức ngành thuế là một nội dung trong văn hóa công vụ. Văn hóa công vụ là sự thấm thấu các giá trị văn hóa vào hoạt động công vụ của cán bộ, công chức. Văn hóa công vụ là sự tổng hợp nhuần nhuyễn của ba yếu tố: đạo đức công vụ, tri thức công vụ và hành vi công vụ. Xây dựng văn hóa giao tiếp và ứng xử cho cán bộ, công chức ngành thuế chính là một vấn đề chính của cải cách hành chính nhà nước, tạo môi trường công vụ lành mạnh để cán bộ, công chức ngành thuế thực hiện nhiệm vụ.

Năm là, có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ, công chức ngành thuế. Rà soát tổng hợp hồ sơ các công chức lập thành tích xuất sắc để đề nghị nâng lương trước hạn. Từ đó tạo nên nguồn thu nhập ngoài tiền lương để tạo sự năng động và sáng tạo trong thực thi công việc chuyên môn mà đang đảm nhiệm.

***Đề xuất thực hiện giải pháp:***

- Thực hiện rà soát, phân loại chất lượng, tiêu chuẩn cán bộ thuế thông qua hệ thống chấm điểm để làm căn cứ bố trí nguồn nhân lực cho phù hợp theo từng chức năng quản lý thuế.

- Có kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về quản lý thuế cho cán bộ công chức nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác thuế trong xu thế hội nhập và hiện đại hoá công tác thuế.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra năng lực, sát hạch chuyên môn đối với cán bộ, công chức ngành thuế. Qua đó đánh giá năng lực công chức để có kế hoạch sắp xếp cán bộ thuế phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

#### **4.2.5. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra**

Việc thanh tra, kiểm tra thường xuyên sẽ làm giảm bớt ý định trốn thuế của người nộp thuế, tăng tính nghiêm túc của việc nộp thuế và cũng tránh được các trường hợp thông đồng, cấu kết giữa cán bộ thuế với người nộp thuế.

- Đối với công tác thanh tra, để công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế TNDN đạt được hiệu quả, cần:

+ Phân loại người nộp thuế theo mức độ rủi ro và tập trung thanh tra, kiểm tra người nộp thuế có dấu hiệu vi phạm, có độ rủi ro cao. Việc thực hiện phân loại doanh nghiệp là hết sức cần thiết do số lượng doanh nghiệp ngày càng nhiều và hoạt động hết sức phức tạp nên thanh tra, kiểm tra thuế không có đủ nguồn lực để thanh tra, kiểm tra tất cả các doanh nghiệp, mặt khác các hành vi vi phạm thuế dù còn đang diễn ra ở phạm vi rộng nhưng cũng không phải tất cả các doanh nghiệp đều gian lận và mức độ vi phạm của từng loại hình doanh nghiệp là khác nhau. Do đó, để việc thanh tra phòng chống gian lận đạt hiệu quả cao, cần thực hiện thanh tra có trọng tâm, trọng điểm vào các doanh nghiệp có nghi vấn vi phạm, trước hết là các vi phạm nghiêm trọng. Việc phân loại doanh nghiệp cần phân theo các nhóm ngành kinh tế tương ứng theo ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp. Thông qua nhóm ngành kinh tế để hiểu được doanh nghiệp thuộc nhóm ngành nào, lĩnh vực hoạt động, các ngành đặc thù chính và rủi ro chính thường gặp đối với nhóm ngành đó.

+ Thiết lập hệ thống thông tin về người nộp thuế ngày càng đầy đủ hơn, cụ thể là tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế qua các năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, các thông tin từ các bộ, ngành có liên quan như thông tin của cơ quan cấp đăng ký kinh doanh, thông tin về tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa từ cơ quan hải quan, thông tin về tình hình thanh toán và tài khoản của doanh nghiệp,...

Xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá rủi ro phù hợp với yêu cầu quản lý. Các tiêu thức đánh giá cần được sử dụng kết hợp với nhau, qua đó nhận định rủi ro thanh tra thuế TNDN được chính xác hơn. Khi thực hiện chấm điểm rủi ro theo các tiêu chí để lựa chọn doanh nghiệp đưa vào kế hoạch thanh tra, cần đánh trọng số tùy thuộc vào mức độ trọng yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu của thanh tra thuế. Theo đó, các nhóm chỉ tiêu được đánh trọng số từ cao đến thấp.

+ Tổ chức tốt công tác xử lý sau thanh tra. Cơ quan thuế cần theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định xử lý về các khoản nợ tiền thuế và tiền phạt xử lý sau thanh tra. Những trường hợp cố tình không thực hiện quyết định xử lý, cơ quan thuế cần phải theo dõi chặt chẽ và phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức cưỡng chế thực hiện các quyết định xử lý khi cần thiết đảm bảo pháp luật thuế được thực hiện nghiêm minh.

- Đối với công tác kiểm tra

+ Về thời gian kiểm tra thuế: Cần điều chỉnh thời gian kiểm tra tại cơ quan thuế và tại trụ sở người nộp thuế phù hợp để công tác kiểm tra đạt hiệu quả.

+ Về phương pháp kiểm tra tại cơ quan thuế: Việc kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế đã được cơ quan thuế thực hiện theo các bước quy trình, tuy nhiên có thể thấy rằng hầu hết hồ sơ kiểm tra khi phân tích còn rất sơ sài, các thông tin chưa được cập nhật và khai thác đầy đủ, dẫn đến quá trình phân tích, chọn lọc đối tượng cần kiểm tra đúng trọng tâm, trọng điểm, vì vậy để công tác

kiểm tra tại cơ quan thuế đạt chất lượng, cần đi sâu, nghiên cứu và thực hiện các giải pháp sau:

Khai thác hiệu quả thông tin người nộp thuế: Dựa vào chương trình quản lý thuế gồm: quản lý thuế, báo cáo tài chính..., rút ra các số liệu cần thiết có liên quan đối với doanh nghiệp

Thực hiện phân tích hồ sơ, dự đoán rủi ro về thuế, chọn năm kiểm tra trình Lãnh đạo ban hành quyết định kiểm tra: Thực hiện phân tích tỉ suất ngang, dọc của kết quả kinh doanh và bảng cân đối kế toán, kết hợp với các thông tin thu thập được từ sổ theo dõi doanh nghiệp từ đó rút ra khoản mục doanh thu và chi phí có rủi ro cao về thuế, đồng thời xác định các năm, các khoản mục cần kiểm tra giúp cho đoàn kiểm tra giới hạn được kỳ kiểm tra để bố trí phù hợp với lực lượng của đoàn kiểm tra.

Tiến hành kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế: Căn cứ danh sách các doanh nghiệp có rủi ro về thuế sau khi đã phân tích được xếp từ cao đến thấp, tiến hành lập kế hoạch kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Các doanh nghiệp được đưa vào danh sách kiểm tra là các doanh nghiệp có những rủi ro cao về thuế được lập đi lập lại nhiều lần trong nhiều năm.

+ Về phương pháp kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế: Ngoài phương pháp đối chiếu, so sánh sổ sách kế toán và hồ sơ khai thuế, công tác kiểm tra thuế cần phải đi sâu, tập trung hơn vào việc sử dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra khác nhau để thu thập và phân tích thông tin, làm cơ sở cho việc kết luận kiểm tra được chính xác, đó là:

Khảo sát thực tế: Công việc này giúp đoàn kiểm tra khi tiến hành kiểm tra sổ sách, chứng từ sẽ được các khoản chi phí phát sinh có phù hợp không? Những khoản doanh thu có bỏ sót không.

Kiểm tra, phân tích số liệu chi tiết: Để công tác kiểm tra, phân tích số liệu chi tiết đạt hiệu quả, cần: (1) Kiểm tra những khoản lỗ kinh doanh (Doanh nghiệp kinh doanh kê khai lỗ liên tục nhiều năm nhưng tiếp tục đầu tư

mở rộng quy mô, xây dựng, mua sắm thêm tài sản cố định. Điều này cho thấy việc kê khai lỗ của doanh nghiệp là không hợp lý, không đúng với thực tế hoạt động kinh doanh. Do đó cần kiểm tra, phân tích rõ một số nội dung liên quan đến doanh thu, chi phí, sử dụng vốn). (2) Kiểm tra về chi phí (Sử dụng đầy đủ các phương pháp quan sát, đối chiếu, so sánh, xác minh, phỏng vấn để xác định các khoản chi phí không hợp lý, không phục vụ kinh doanh). (3) Kiểm tra về doanh thu (So sánh đối chiếu giữa doanh thu được theo dõi trên phần mềm quản lý và sổ chi tiết tài khoản doanh thu của kế toán - Thực hiện phương pháp quan sát, phỏng vấn và kiểm kê tài sản để phát hiện các dịch vụ kèm theo đối chiếu với doanh thu ghi trên hóa đơn để phát hiện doanh thu dịch vụ đi kèm có phát sinh nhưng bỏ ngoài sổ kế toán, không xuất hóa đơn).

***Đề xuất thực hiện giải pháp:***

- Xây dựng quy trình thanh tra, kiểm tra thuế TNDN, đặc biệt là kiểm tra hồ sơ tại cơ quan thuế. Theo đó, tăng cường kiểm tra hồ sơ khai thuế hàng tháng tại cơ quan thuế; tăng cường công tác xác minh hoá đơn để phát hiện kịp thời những trường hợp sử dụng hoá đơn bất hợp pháp để kê khai khấu trừ thuế nhằm phát hiện sự bất hợp lý giữa sử dụng hoá đơn với kê khai thuế.

Tập trung phân tích nguyên nhân đối với những doanh nghiệp có hồ sơ khai thuế với dấu hiệu không bình thường thông báo yêu cầu giải trình, khai bổ sung. Nếu doanh nghiệp không giải trình hoặc giải trình nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng thì chuyển sang kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp.

- Tập trung kiểm tra các chi phí, sổ mua vào bán ra nhằm kịp thời phát hiện các chi phí không phù hợp. Đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin vào thanh tra, kiểm tra thuế TNDN

Triển khai ứng dụng nhật ký thanh tra, kiểm tra điện tử để ghi nhật ký hoạt động của đoàn thanh tra, kiểm tra giúp cơ quan thuế giám sát các đoàn thanh tra, kiểm tra một cách dễ dàng.



#### **4.2.6. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế**

Tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống tin học nhằm đáp ứng yêu cầu của ông tác quản lý thuế. Việc tăng cường phát triển hệ thống tin học phải được thực hiện đồng thời với việc tăng cường đào tạo trình độ tin học cho cán bộ ngành thuế, có như vậy thì chất lượng công tác mới được nâng cao.

Xây dựng một hệ thống thông tin đầy đủ về doanh nghiệp nhằm đảm bảo những hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp phải trong tầm kiểm soát của cơ quan thuế. Những gian lận về hóa đơn thời gian qua cho thấy, các doanh nghiệp gian lận trước đó đều đã có những biểu hiện bất thường nhưng thông tin không được cập nhật, phân tích và xử lý kịp thời. Bởi vậy, việc giám sát của cơ quan thuế phải đảm bảo để có một hệ thống thông tin tốt nhất về người nộp thuế, từ đó có thể kịp thời ngăn ngừa và xử lý các hành vi gian lận thuế nói chung và gian lận về hóa đơn nói riêng. Kết nối hệ thống thông tin giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý Nhà nước và đối tượng nộp thuế nhằm tăng cường công tác khai thác thông tin; phát triển công tác quản lý trên mạng máy tính, triển khai tích cực và có hiệu quả chương trình quản lý ấn chỉ trên mạng, đưa lên mạng thông tin về những đối tượng gian lận, bỏ trốn và các hoá đơn sai phạm. Nâng cao trình độ tin học cho cán bộ kiểm tra nhằm đáp ứng yêu cầu phân tích thông tin, đánh giá độ rủi ro về thuế của doanh nghiệp như:

- Thu thập thông tin đầu vào: phải thực hiện nhập đầy đủ cơ sở dữ liệu từ báo cáo tài chính doanh nghiệp, tờ khai quyết toán thuế TNDN năm, tờ khai thuế giá trị gia tăng kê khai hàng tháng, hàng quý của năm phân tích. Phân tích thông tin đầu vào để xác định rủi ro để tìm ra các bất hợp lý, đột biến trong việc kê khai thuế của doanh nghiệp thông qua hệ thống phân tích báo cáo tài chính.

- Kiểm tra ban đầu các rủi ro: trước mắt do cán bộ phân tích làm việc với doanh nghiệp, qua làm việc yêu cầu doanh nghiệp giải trình làm rõ tại cơ quan thuế. Để đáp ứng được yêu cầu trên, đòi hỏi cán bộ kiểm tra ngoài trình

độ nghiệp vụ còn phải bổ sung kiến thức tin học, ngoại ngữ, phải trẻ hóa đội ngũ công chức thuế, kiểm tra bằng cách bổ sung thêm lực lượng trẻ đúng chuyên ngành thuế, kiểm toán.

Thực hiện triển khai áp dụng rộng rãi các ứng dụng tin học vào công tác kiểm tra thuế và quan tâm chỉ đạo sát sao nhập dữ liệu vào các ứng dụng tin học. Ứng dụng công nghệ thông tin là vấn đề then chốt trong cải cách hệ thống thuế nói chung và trong việc phân tích, lựa chọn Doanh nghiệp để kiểm tra thuế. Nhờ ứng dụng công nghệ tin học mà công tác lập kế hoạch kiểm tra thuế khoa học hơn, không phải tốn nhiều thời gian cho việc phân tích hồ sơ. Để làm được điều này, cần chủ động tham mưu lập kế hoạch đào tạo tin học chuyên sâu cho cán bộ làm công tác kiểm tra để từ đó vận hành tốt các chương trình ứng dụng của ngành. Hiện nay việc thực hiện khai thác các dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm kiểm chống thất thu thuế chủ yếu thông qua hệ thống quản lý thuế tập trung.

Xây dựng hệ thống thông tin kiểm soát thu thuế. Việc xây dựng được một hệ thống thông tin hoàn chỉnh, sẽ là một công cụ đắc lực trong kiểm soát nguồn thu NSNN, đặc biệt là nguồn thu thuế TNDN. Thực hiện kiểm soát thu thuế TNDN từ việc kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế và Kho bạc Nhà nước đến việc mua, bán hoá đơn, sử dụng hoá đơn giả... đã cho thấy rằng kiểm soát thu thuế TNDN chỉ được thực hiện tốt trên cơ sở hạ tầng là một hệ thống thông tin hoàn chỉnh giữa Cơ quan Thuế, Kho bạc và doanh nghiệp, giữa các cơ quan thuế địa phương với nhau. Do vậy, một yêu cầu bức xúc đối với kiểm soát thu thuế TNDN là phải hoàn thiện lại hệ thống thông tin này. Mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin kiểm soát thu thuế bao gồm các yêu cầu: Phát hiện nhanh chóng, kịp thời và chính xác các hiện tượng trốn thuế, tính và kê khai không đúng tiền thuế, nộp thuế thiếu vào Kho bạc và các vi phạm trong việc sử dụng hoá đơn; tính phạt tự động số tiền thuế chậm nộp, số tiền thuế nộp thiếu và các vi phạm Luật Thuế khác; tổng hợp thông tin về tình hình thu thuế hàng ngày, hàng tháng lên Vụ Thuế.

***Đề xuất thực hiện giải pháp:***

- Thực hiện trang bị máy tính và nối mạng toàn ngành Thuế, nối mạng giữa các cơ quan thuế địa phương và Kho bạc tỉnh, thành phố. Việc nối mạng máy tính toàn ngành Thuế sẽ làm cho quá trình xác minh các hoạt động của Doanh nghiệp, xác minh hoá đơn chính xác và kịp thời hơn hiện nay. Mặt khác, do cơ chế nộp thuế gồm kê khai và nộp thuế ngay tại Kho bạc nên việc nối mạng giữa Cơ quan Thuế và Kho bạc sẽ giúp cho Cơ quan Thuế nắm bắt được tình hình nộp thuế của các doanh nghiệp, phát hiện những hiện tượng vi phạm Luật thuế một cách nhanh chóng.

- Thực hiện trang bị chương trình thuế trên máy vi tính cho các doanh nghiệp để các doanh nghiệp kê khai thuế, số hoá đơn đầu ra, đầu vào. Hàng tháng, doanh nghiệp gửi file dữ liệu cho Cơ quan Thuế xử lý. Quá trình xử lý thông tin trên nhiều doanh nghiệp khác nhau sẽ làm cho quá trình xác minh hoá đơn trở nên đơn giản, thuận tiện. Ngoài ra, để hoàn chỉnh hệ thống thông tin kiểm soát thu thuế, Cơ quan Thuế cũng cần nối mạng với các cơ quan quản lý doanh nghiệp khác như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê để quản lý số lượng doanh nghiệp, cấp mã số thuế cho các doanh nghiệp, từ đó tiến tới một hệ thống thông tin quản lý doanh nghiệp chung trên địa bàn và toàn quốc.

- Áp dụng công tác quản lý hoá đơn, chứng từ điện tử. Xây dựng hệ thống lưu trữ hóa đơn, chứng từ và hoàn thiện hệ thống theo thực tiễn đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hệ thống hóa đơn, chứng từ và hệ thống hóa các tài liệu này để dễ dàng cho việc tìm kiếm. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên thực hiện quản lý hóa đơn, chứng từ liên quan đến quản lý thuế TNDN đối với các doanh nghiệp. Tổ chức kiểm tra việc in ấn, phát hành sử dụng hóa đơn tự in, đặt in của các doanh nghiệp; thực hiện xác minh hóa đơn một cách thường xuyên, minh bạch.

#### **Tiểu kết chương 4**

Tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế - xã hội trong nước gặp khó khăn. Những điều này đã ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến công tác thu - nộp thuế TNDN.

Sau khi đánh giá tình hình trong nước và quốc tế, luận án có dự báo nhân tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở CHDCND Lào.

Với quan điểm "Kiểm soát chống thất thu thuế TNDN phải dựa trên quy định của pháp luật"; "Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của người nộp thuế"; "Chống thất thu thực và chống thất thu tiềm năng phải cùng được coi trọng"; Các ngành, các cấp cùng vào cuộc trong hoạt động chống thất thu thuế TNDN", công tác chống thất thu thuế TNDN của CHDCND Lào cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào 5 giải pháp: "Đẩy mạnh công tác quản lý người nộp thuế, quản lý đăng ký, kê khai thuế"; "Tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế"; "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành thuế"; "Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra"; "Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế".

## KẾT LUẬN

Chống thất thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng là hoàn toàn cần thiết nhằm góp phần tăng nguồn thu cho NSNN, hạn chế các tiêu cực phát sinh trong công tác quản lý thu thuế TNDN và đảm bảo công bằng trong việc nộp thuế, vừa ổn định được nguồn thu thuế, đảm bảo cho việc chi tiêu của nhà nước, mặt khác góp phần công bằng xã hội trong thực hiện nộp thuế cho NSNN, đảm bảo môi trường kinh doanh cạnh tranh lành mạnh.

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, phương pháp nghiên cứu cụ thể, luận án đã đạt được những kết quả sau:

*Một là*, đã tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến chống thất thu thuế TNDN. Các nghiên cứu đã đi vào phân tích khá toàn diện các nội dung có liên quan về thuế như làm rõ khái niệm thuế, khái niệm chống thất thu thuế; vai trò của thuế, công tác quản lý thuế, các hành vi gian lận thuế; giải pháp chống thất thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thu nhập doanh nghiệp... Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề chưa được các công trình thống nhất, trong đó quan trọng nhất là nội dung chống thất thu thuế TNDN; các tiêu chí đánh giá hiệu quả chống thất thu thuế TNDN; các yếu tố ảnh hưởng chống thất thu thuế TNDN. Đây sẽ là nội dung để tiếp tục nghiên cứu, làm rõ.

*Hai là*, hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế - xã hội của CHDCND Lào hiện nay. Theo đó, chống thất thu thuế TNDN được hiểu là hoạt động nhằm ngăn chặn các doanh nghiệp trốn thuế thu nhập nhằm bảo đảm thuế thu nhập của doanh nghiệp phải được nộp đầy đủ vào NSNN.

Chống thất thu thuế TNDN được thể hiện qua 4 nội dung cơ bản là công tác đăng ký, kê khai thuế; công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; công tác chống chuyển giá; công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đảm bảo hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp, cá nhân nộp thuế.

Công tác đánh giá hiệu quả chống thất thu thuế TNDN được đánh giá qua 4 tiêu chí cơ bản: Tỷ lệ hoàn thuế, truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp; Mức độ nợ đọng thuế thu nhập doanh nghiệp; Tiến độ thu thuế thu nhập doanh nghiệp; Tỷ lệ trốn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc chống thất thu thuế TNDN chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố cả chủ quan và khách quan như: hệ thống pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội, đội ngũ cán bộ, công chức thuế, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc...

*Ba là*, qua nghiên cứu kinh nghiệm về chống thất thu thuế TNDN của Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản có thể rút ra một số giá trị có thể tham khảo, vận dụng vào điều kiện thực tiễn ở CHDCND Lào: cần hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật về thuế đầy đủ, rõ ràng; coi trọng công tác tuyên truyền cho các đối tượng nộp thuế nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người nộp thuế; triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế thu nợ thuế TNDN theo đúng quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngành thuế; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát chống thất thu thuế.

*Bốn là*, qua việc đánh giá thực trạng chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào giai đoạn 2018-2022, cho thấy công tác chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND Lào thời gian qua đã được những kết quả nhất định. Những kết quả đó đã làm cho thất thu thuế TNDN ngày càng giảm, góp phần tăng thu cho NSNN, hạn chế các tiêu cực phát sinh trong công tác quản lý thu thuế TNDN và đảm bảo công bằng xã hội.

Tuy nhiên, công tác chống thất thu thuế TNDN ở CHDCND những còn một số hạn chế, khó khăn như: Công tác kiểm tra khâu trừ, hoàn thuế, sử dụng hóa đơn thuế chưa đạt yêu cầu; việc đưa tất cả các doanh nghiệp đang áp dụng chế độ thuế khoán vào hệ thống thuế VAT chưa được thực hiện đúng mức; việc áp dụng công nghệ vẫn còn hạn chế... Nguyên nhân của những hạn chế,

yếu kém bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, cả từ phía cơ quan thuế và người nộp thuế, cả yếu tố con người và kỹ thuật.

*Năm là*, với quan điểm "Kiểm soát chống thất thu thuế TNDN phải dựa trên quy định của pháp luật"; "Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của người nộp thuế"; "Chống thất thu thực và chống thất thu tiềm năng phải cùng được coi trọng"; Các ngành, các cấp cùng vào cuộc trong hoạt động chống thất thu thuế TNDN", công tác chống thất thu thuế TNDN của CHDCND Lào cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào 5 giải pháp: "Đẩy mạnh công tác quản lý người nộp thuế, quản lý đăng ký, kê khai thuế"; "Tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế"; "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành thuế"; "Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra"; "Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế".

Trong bối cảnh hiện nay, các giải pháp trên là tương đối phù hợp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nói trên sẽ góp phần to lớn vào công cuộc cải cách, hoàn thiện chính sách thuế, nâng cao hiệu quả công tác chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở CHDCND Lào thời gian tới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Vilakone Tommany (2023), "Chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (26), tr.87-90.
2. Vilakone Tommany (2023), "Kinh nghiệm chống thất thu thuế ở một số nước châu Á và bài học đối với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào", *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 1, (808), tr.103-105.
3. Vilakone Tommany (2023), "Quản lý thuế trong bối cảnh chuyển đổi số tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào", *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 2, (809), tr.96-98.



**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Tào Thị Hoàng Anh (2007), *Đổi mới và hoàn thiện các chính sách thuế nhằm góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
2. Trần Tú Anh (2015), "Một số giải pháp tăng cường chống thất thu thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhà nước tại phòng kiểm tra số 3 - Cục thuế thành phố Hà Nội", Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Thuế, Hà Nội.
3. Mai Thị Vân Anh (2015), *Giải pháp chống thất thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Ánh và Đoàn Thanh Nga (2018), "Chuyển giá và kiểm soát chuyển giá tại Việt Nam", Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 9/2018.
5. Trương Hữu Bách (2016), "Chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước tại thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam", Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế, Trường Đại học kinh tế (Đại học quốc gia Hà Nội).
6. Nguyễn Thu Bảo và Nguyễn Đức Sỹ (2021), *Thực trạng và giải pháp chống thất thu, gian lận thuế ở Việt Nam thông qua hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Kiểm toán nhà nước, Hà Nội.
7. Trần Thị Thanh Bình, Nguyễn Minh Châu (2022), *Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thuế*, Tạp chí Tài chính, Số 1 tháng 12/2022.
8. Cán Mỹ Dung (2022), "Các yếu tố ảnh hưởng đến chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp", Tạp chí Tài chính, kỳ 1 tháng 8/2022.
9. Nguyễn Văn Dung (2011): *Từ điển Kinh tế học Anh - Việt*, Nxb Lao động, Hà Nội.

10. Nguyễn Thị Thùy Dương (2011) “Quản lý thuế ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế” Luận án tiến sỹ Kinh tế tài chính ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
11. Quách Nguyễn Ân Điền (2020), “Giá chuyển nhượng - Nhận diện những nguy cơ thách thức và phản ứng của các bên liên quan trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu”, Tạp chí Khoa học - Đại học Đồng Nai, số 16 - 2020.
12. Lê Minh Hạnh (2005), "Giải pháp chống thất thu thuế ngoài quốc doanh", Tạp chí Tài chính, (11).
13. Vương Thị Thu Hiền (2012), Giải pháp chống thất thu thuế nhập khẩu ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện, Học viện Tài chính, Hà Nội.
14. Lê Quang Hùng (2018), “Chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam”, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
15. Nguyễn Thị Thanh Hoài (2012), *Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện, Học viện Tài chính, Hà Nội.
16. Tô Hoàng (2019), “Chống chuyển giá trong quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam”, Phát triển kinh tế và kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa, Hội thảo quốc tế, Hà Nội.
17. Đặng Thị Hoàng Hương (2021), "Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác chống thất thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Nha Trang", Luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.
18. Nguyễn Nguyễn Khải Huyền (2019), "Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Tiền Giang", Luận văn thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế công nghiệp Long An.

19. Konrad Raczkowwski (Institute of Economics, University of Social Sciences in Warsaw, Poland) (2015): “Measuring the tax gap in the European economy, *Journal of Economics and Management*, Vol.21(3).2015”.
20. Nguyễn Thị Lan (2009), *Các giải pháp hạn chế việc trốn thuế và tránh thuế của các công ty đa quốc gia hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Liên (2011), "Tính tuân thủ của người nộp thuế và hiện đại hóa quản lý thuế", Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Học viện Tài chính, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Văn Hiệu (2014), *Giáo trình Thuế*, NXB Tài chính, Hà Nội.
23. Nguyễn Thị Đức Loan (2022), “Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 3, tháng 2 năm 2022
24. Hà Minh Lục (2013), "Chống gian lận thuế: Thực trạng và giải pháp", Tạp chí Tài chính, Số 9.
25. Dương Thị Bình Minh - Bạch Minh Huyền (2006), “Hoàn thiện chính sách thuế phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế”, Tạp chí Cộng sản, (12).
26. Thuý Nga (2019), “Mở rộng cơ sở thuế để chống thất thu - Kinh nghiệm quốc tế, <https://tapchitaichinh.vn/mo-rong-co-so-thue-de-chong-that-thu-kinh-nghiem-quoc-te.html>
27. Hoàng Thị Thúy Ngọc (2010) “Quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế” Luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

28. Vũ Công Nhĩ (1995), *Thất thu thuế ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội, Hà Nội
29. Ngân hàng Thế giới (Gangadhar Prasad Shukla, Phạm Minh Đức, Michael Engelschalk, Lê Minh Tuấn) (2011), “*Cải cách thuế ở Việt Nam: Hướng tới một hệ thống hiệu quả và công bằng hơn*”.
30. Norman Gemmell, John Hasseldine (2012): “The Tax Gap: A Methodological Review, Stock, T. (Ed.) *Advances in Taxation* (Advances in Taxation, Vol. 20) Emerald Group Publishing Limited, Bingley, pp. 203-231.
31. On Chăn CHĂN THONG SY (2014), *Hỗ trợ năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Lào trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
32. Hạnh Phương (2004), “*Tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế: biện pháp thiết thực ngăn chặn, phòng ngừa sai phạm*”, Thanh tra Tài chính số 21, Hà Nội.
33. Dương Ngọc Quang (2015), *Hoàn thiện thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
34. Bùi Thái Quang (2015), *Quản lý rủi ro trong quản lý thuế và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính.
35. Vũ Thị Như Quỳnh (2021), “*Kinh nghiệm của các nước châu Á về chống thất thu thuế từ hoạt động thương mại điện tử và bài học cho Việt Nam*”, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, Số 17, tháng 7 năm 2021
36. Rosanne Altshuler, Alan J. Auerbach, Michael Cooper, Matthew Knittel (2008), “*Understanding U.S. Corporate Tax Losses*”, NBER Working Paper No.14405.

37. Sèn SẮc SULYSẮC (2009), *Đổi mới hệ thống thuế phù hợp với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ở CHDCND Lào*, Luận án tiến sỹ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
38. Lê Duy Thành (2007), *Đổi mới quản lý thuế trong điều kiện hội nhập kinh tế ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
39. Nguyễn Xuân Thành (2013), *Nâng cao hiệu quả thanh tra người nộp thuế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
40. Phạm Thị Hiền Thảo (2021), *Quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Quản lý công, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.
41. Trương Thị Thảo (2021), "Thực trạng và giải pháp chống gian lận, thất thu thuế", Tạp chí Công thương, Số 17.
42. Đinh Trọng Thịnh (2012), "*Hạn chế hoạt động chuyển giá nhằm tránh thất thu thuế*", Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, số 9 (110) - 2012.
43. Lưu Ngọc Thơ (2013), "*Quản lý thuế đối với doanh nghiệp lớn ở Việt Nam hiện nay*", Luận án Tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
44. Tô Văn Tuấn (2020), *Giải pháp chống thất thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng*, Luận án tiến sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
45. Lê Xuân Trường (2006), *Chính sách thuế với nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
46. Lê Xuân Trường, Nguyễn Đình Chiến (2013), "*Nhận diện các hành vi gian lận thuế*", Tạp chí Tài chính, số 9 - 2013.
47. Viện Ngôn ngữ học, Hoàng Phê chủ biên (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng
48. Viêng Thong SỸPHĂN ĐONE (2010), *Quản lý thu NSNN ở CHDCND Lào*, Luận án tiến sỹ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội

49. Vongphachanh Vongpadith (2018), Quản lý thu thuế ở CHDCND Lào, Luận án tiến sĩ Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

**\* Văn bản của Đảng và Nhà nước Lào**

50. Đảng Nhân dân cách mạng Lào (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Viêng Chăn.
51. Quốc hội CHDCND Lào (2015), Hiến pháp
52. Quốc hội CHDCND Lào (2018), Luật Thuế giá trị gia tăng;
53. Quốc hội CHDCND Lào (2019), Luật Quản lý thuế;
54. Quốc hội CHDCND Lào (2019), Luật Thuế thu nhập cá nhân;
55. Quốc hội CHDCND Lào (2019), Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;
56. Quốc hội CHDCND Lào (2022), Luật Doanh nghiệp;
57. Chính phủ (2019), Nghị định về quản lý hóa đơn năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2019;
58. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 16/9/2021 tăng cường quản lý và chống thất thu ngân sách.
59. Bộ Tài chính (2020), Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển ngành thuế 2018-2020 và Kế hoạch phát triển ngành thuế 2021-2025.
60. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2020), Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm ngân sách 2015 đến năm ngân sách 2020.
61. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022.
62. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

**\* Văn bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam**

63. Quốc hội Việt Nam (2019), Luật Quản lý thuế.
64. Quốc hội Việt Nam (2020), Luật Doanh nghiệp.